CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh
Email: phuongbacxdkd@gmail.com; http://www.phuongbacxdkd.com

HỒ SƠ

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Quảng Ninh 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Phần 1: Các phép thử nghiệm

Văn bản công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Phần 2: Hồ sơ pháp lý, các quyết định

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Quyết định thành lập phòng thí nghiệm
3. Quyết định bổ nhiệm Trưởng phòng thí nghiệm
4. Danh sách cán bộ nhân viên thí nghiệm và phân công nhiệm vụ
5. Bằng cấp, chứng chỉ thí nghiệm viên và hợp đồng lao động

Phần 3: Hồ sơ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo ISO 17025

1. Quyết định ban hành hệ thống theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017
2. Quyết định áp dụng hệ thống quản lý ISO 17025:2017

Phần 4: Hồ sơ năng lực thiết bị

1. Danh mục máy móc, trang thiết bị phòng thí nghiệm
2. Giấy kiểm định máy móc, trang thiết bị phòng thí nghiệm
3. Hợp đồng, biên bản bàn giao, hóa đơn máy móc, trang thiết bị phòng thí nghiệm

Phần 5: Hồ sơ chứng minh địa điểm đặt phòng thí nghiệm

1. Sơ đồ mặt bằng bố trí phòng thí nghiệm
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
3. Hợp đồng thuê nhà

Phần 1: CÁC PHÉP THỬ CÔNG BỐ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
═══000OO000═══	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08 /2026/PB/CBNLPTN	*Quảng Ninh, ngày 27 tháng 05 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Lần công bố thứ 01 ngày 27 tháng 05 năm 2026)

Kính gửi: - Sở Xây dựng Quảng Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc. Chúng tôi xin công bố công khai năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau :

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (TNCNXD)

Tên tổ chức hoạt động TNCNXD: Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5701922682 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh - phòng đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 13/03/2018.

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0973 024 100

Email: phuongbacxdkd@gmail.com

Website: http://www.phuongbacxdkd.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm và kiểm định công trình Phương Bắc**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

3. Năng lực thực hiện phép thử của phòng thí nghiệm công bố:

Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (Phụ lục 1 danh mục chỉ tiêu thí nghiệm kèm theo công bố này)

4. Năng lực về thiết bị, dụng cụ của phòng thí nghiệm:

Danh mục thiết bị thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (Phụ lục 2 danh sách thiết bị kèm theo công bố này)

5. Năng lực về nhân sự phòng thí nghiệm:

Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên của phòng thí nghiệm (Phục lục 3 danh sách cán bộ, thí nghiệm viên kèm theo công bố này)

6. Nội dung này được công bố tại website: http:// www.phuongbacxdkd.com

Công ty Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:
- Website; http:// www.phuongbacxdkd.com
- SXD tỉnh Quảng Ninh
- Lưu: VT

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo quyết định số: 08 /2026/PB/CBNLPTN ngày 27 tháng 05 năm 2026 của Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:23; ASTM C430; ASTM C188; ASTM C204; AASHTO T128; AASHTO T133; AASHTO T153; AASHTO T192; EN 196: 1989	Máy đo độ mịn Blaine, bộ rây thí nghiệm, máy sàng rây, bình đo khối lượng riêng Le Chatelier, cân kỹ thuật, tủ sấy phòng thí nghiệm.	Nguyễn Kiều Hưng; Nguyễn Văn Toàn; Vũ Quang Chinh
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; ASTM C109; ASTM C344; SS EN 196.1; AASHTO T106; ISO 679:2009	Máy thử uốn vữa, máy nén vữa hoặc bê tông, khuôn đúc mẫu vữa, bàn rung tạo mẫu, bay trộn vữa, khay trộn vữa, thước đo kích thước mẫu, bể dưỡng hộ mẫu.	
3	Xác định giới hạn bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982	Máy thử uốn vữa, máy nén vữa hoặc bê tông, thùng chưng mẫu, khuôn đúc mẫu vữa, bàn rung tạo mẫu, bay trộn vữa, khay trộn vữa, thước đo kích thước mẫu, bể dưỡng hộ mẫu, bếp.	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 8875:2012; ASTM C187; C191; AASHTO T129; T131 ISO 9597:08	Thiết bị Vicat, khuôn Vicat, kim Vicat, khuôn Le Chatelier, bể nước thử ổn định thể tích, bay trộn xi măng, khay trộn xi măng, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giờ.	
5	Xác định hàm lượng Anhydric sunfuric (SO_3)	TCVN 141:23	Lò nung phòng thí nghiệm, cân phân tích, tủ sấy phòng thí nghiệm, bình hút ẩm, cốc thủy tinh, chén nung, bếp gia nhiệt, buret chuẩn độ, pipet, bình định mức	
	HỖN HỢP BÊ TÔNG, BÊ TÔNG NẶNG			
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; ASTM C143; AASHTO T119; EN 12350; BS 1881	Côn Abrams, đế thử độ sụt, thanh đầm thép, bay xúc bê tông, thước đo độ sụt.	Nguyễn Kiều Hưng; Nguyễn Văn Toàn Vũ Quang Chinh
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; ASTM C138; AASHTO T121	Thùng đong thể tích chuẩn, cân kỹ thuật, thanh đầm thép, búa cao su, bay xúc bê tông, thước gạt phẳng.	
8	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22; ASTM C232; AASHTO T158	Thùng chứa mẫu bê tông, ống đong chia vạch, pipet hoặc xi lanh hút nước, cân kỹ thuật, bay xúc bê tông, đồng hồ bấm giờ.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
9	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93	Cân kỹ thuật, bể nước ngâm mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm, thùng chứa nước, giá treo mẫu trong nước, khăn lau mẫu, thước đo kích thước mẫu	
10	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22; ASTM C642; ASTM C127	Cân kỹ thuật, bể nước ngâm mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm, thùng chứa nước, giá treo mẫu trong nước, khăn lau mẫu, thước đo kích thước mẫu.	
11	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C138; EN 12390; BS 1881	Cân kỹ thuật, tủ sấy phòng thí nghiệm, bể nước ngâm mẫu, thùng chứa nước, giá treo mẫu, khăn lau mẫu, thước đo kích thước mẫu.	
12	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:22	Máy thử mài mòn bê tông, đĩa mài, vật liệu mài (cát chuẩn), cân kỹ thuật, thước đo kích thước mẫu, bàn chải làm sạch mẫu.	
13	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22; ASTM C642; ASTM C138; EN 12390-7; BS 1881	Cân kỹ thuật, thùng đong thể tích chuẩn, thanh đầm thép, búa cao su, bay xúc bê tông, thước gạt phẳng, tủ sấy phòng thí nghiệm, bể nước ngâm mẫu.	
14	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22; ASTM C403; ASTM C1585; EN 12390-8; BS 1881	Máy thử độ chống thấm bê tông, cân kỹ thuật, thước đo kích thước mẫu.	
15	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22; ASTM C39; C42; AASHTO T22; T40, T42; EN 12390-3; EN 12504-1; JIS A1107, A1108, AS 1012.9	Máy nén bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, máy khoan lấy lõi bê tông, thước đo kích thước mẫu, cân kỹ thuật, bể dưỡng hộ mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm.	
16	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	Máy thử uốn bê tông, khuôn đúc mẫu dầm bê tông, gối tựa và con lăn thử uốn, thước đo kích thước mẫu, cân kỹ thuật, bể dưỡng hộ mẫu.	
17	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:22; ASTM C496; CRD164 AASHTO T198; EN 12390-6; JIS A1113	Máy nén bê tông, bộ gá thử kéo bửa, khuôn đúc mẫu bê tông, thước đo kích thước mẫu, cân kỹ thuật, bể dưỡng hộ mẫu.	
18	Xác định giới hạn bền khi nén mẫu khoan bê tông hiện trường	TCXDVN 239:2006	Máy nén bê tông, máy khoan lấy lõi bê tông, thước đo kích thước mẫu, cáp binh mẫu, bể	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
			dưỡng hộ mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm.	
19	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông và vữa	QĐ số 778/98/QĐ-BXD; TCVN 4459:87; 22TCN: 60: 84; QĐ số 1329/2016/QĐ-BXD	Phương pháp tính toán	
	VỮA XÂY DỰNG			
20	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:22; TCVN 9028:11; ASTM C1437; BS EN 445	Bàn dằn xác định độ lưu động vữa, khuôn côn cụt, thanh dầm nén vữa, thước đo đường kính vữa, bay trộn vữa, khay trộn vữa.	Nguyễn Kiều Hưng; Nguyễn Văn Toàn Vũ Quang Chinh
21	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22; TCVN 9028:11; BS EN 445	Bình đo khối lượng thể tích, cân kỹ thuật, bay trộn vữa, thanh đầm vữa, khay trộn vữa.	
22	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:22; TCVN 9028:11; ASTM C1437; ASTM C941; BS EN 445	Bàn dằn xác định độ lưu động vữa, khuôn côn cụt, thước đo đường kính vữa, bay trộn vữa, khay trộn vữa, đồng hồ bấm giờ.	
23	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:22; TCVN 9028:11; BS EN 445	Thiết bị Vicat, kim Vicat, khuôn chứa mẫu vữa, tấm đế kính, bay trộn vữa, khay trộn vữa, đồng hồ bấm giờ.	
24	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:22; TCVN 9028:11; ASTM C349; BS EN 445	Máy thử uốn vữa, máy nén vữa, khuôn đúc mẫu vữa, bàn rung hoặc bàn dằn tạo mẫu, bay trộn vữa, khay trộn vữa, thước đo kích thước mẫu, bể dưỡng hộ mẫu.	
	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DĂM (SỎI), CẤP PHỐI			
25	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27; ASTM C136	bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay chứa mẫu cốt liệu, bay hoặc xẻng lấy mẫu, chổi mềm vệ sinh sàng, thước thép hoặc thước cặp, đồng hồ bấm giờ	Nguyễn Kiều Hưng; Nguyễn Văn Toàn; Vũ Quang Chinh
26	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84; ASTM C127	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, rổ đựng mẫu, khăn lau mẫu, khay chứa mẫu, thước cặp, nhiệt kế. Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng ngâm mẫu; khăn lau mẫu; khay chứa mẫu; nhiệt kế; Bình tỷ trọng	
27	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá	TCVN 7572-5:06; AASHTO T85; ASTM C127	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, rổ đựng mẫu, khăn lau mẫu, khay chứa mẫu, nhiệt kế.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
	gốc và cốt liệu lớn			
28	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06; AASHTO T19; ASTM C29	Cân kỹ thuật, thùng đong thể tích chuẩn, thanh đầm thép, thước gạt phẳng, phễu rót mẫu, khay chứa mẫu, bay xúc mẫu.	
29	Xác định độ ẩm, độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-7:06; AASHTO T142; ASTM C70	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, bình hút ẩm, cốc kim loại đựng mẫu, kẹp gắp mẫu, thìa hoặc bay xúc mẫu, nhiệt kế.	
30	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; TCVN 9205:12 AASHTO T112; T11 ASTM C117, C142	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, khay sấy mẫu, chậu rửa mẫu, thùng chứa mẫu, bay xúc mẫu, chổi làm sạch sàng, kẹp gắp mẫu. Ống nghiệm	
31	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO T21; ASTM C40	Ống nghiệm thủy tinh, giá đỡ ống nghiệm, ống đong chia độ, pipet, cốc thủy tinh, cân kỹ thuật, đũa khuấy, chai dung dịch chuẩn màu, bảng so màu	
32	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-10:06; BS 812	Máy nén đá, khuôn hoặc thiết bị giữ mẫu, thước cặp, cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, khay chứa mẫu, nhiệt kế.	
33	XĐ độ nén dập trong và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-11:06; ASTM D2938; C170	Máy nén, xi lanh nén mẫu, piston nén, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay chứa mẫu, bay xúc mẫu.	
34	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; AASHTO T98; T327 ASTMC131, C535	Máy Los-Angeles, bi thép tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, khay chứa mẫu, bay xúc mẫu, chổi làm sạch sàng.	
35	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335; ASTM D4791	Thước đo thoi dẹt, thước cặp, cân kỹ thuật, khay chứa mẫu, bay xúc mẫu.	
36	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic	TCVN 7572-14: 06; ASTM C227; C1260; C1293; C1105; AASHTO T303	Bình phản ứng cốt liệu kiềm silic và các thiết bị phụ trợ phòng thí nghiệm	
37	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06, EN 1744-5	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cốc thủy tinh, bình tam giác, buret, pipet, ống đong chia độ, giá buret, đũa khuấy, giấy lọc, phễu lọc	
38	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:06; ASTM C88;		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
		AASHTO T104		
39	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06; AASHTO T122; ASTM C142	bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu, nhíp hoặc dụng cụ gắp hạt, kính lúp hoặc kính hiển vi soi nổi, tủ sấy, bay hoặc xẻng lấy mẫu, chổi mềm vệ sinh sàng, đồng hồ bấm giờ.	
40	Xác định hàm lượng mica, hệ số đương lượng cát (ES)	TCVN 7572-20:06; ASTM D2419; AASHTO T176	bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu, búa nhỏ kiểm tra hạt mềm, nhíp hoặc dụng cụ gắp hạt, kính lúp quan sát hạt, tủ sấy, bay hoặc xẻng lấy mẫu, chổi mềm vệ sinh sàng, đồng hồ bấm giờ	
41	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt < 0,075mm, thành phần hạt, hàm lượng sét	TCVN 9205:12; ASTM C117; AASHTO T11	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu	
42	Thí nghiệm đá vôi trong phòng thí nghiệm	TCVN 9191:2012	Lò nung, tủ sấy, cân kỹ thuật, cân phân tích, bếp cách cát, chén sứ, chày cối bằng đồng, bình hút ẩm, bình định mức bằng thủy tinh, sàng các loại và các dụng cụ phụ trợ phòng thí nghiệm	
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
43	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854	bình tỷ trọng cân kỹ thuật, tủ sấy, bể điều nhiệt hoặc bể nước, bơm chân không hoặc thiết bị khử khí, nhiệt kế phòng thí nghiệm, cốc thủy tinh, phễu rót mẫu, đũa khuấy thủy tinh, khay chứa mẫu đất, thìa lấy mẫu, đồng hồ bấm giờ.	Nguyễn Kiều Hưng; Phạm Thế Nam ; Nguyễn Huy Tuyền
44	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; AASHTO T265	tủ sấy, cân kỹ thuật, hộp đựng mẫu độ ẩm , bếp điện hoặc bếp gia nhiệt, lò vi sóng thí nghiệm, bộ thiết bị đo độ ẩm bằng canxi cacbua , bình hút ẩm, khay chứa mẫu đất, thìa hoặc bay lấy mẫu, nhiệt kế phòng thí nghiệm, đồng hồ bấm giờ.	
45	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; TCVN 14134 – 4 :2024; AASHTO	thiết bị Casagrande xác định giới hạn chảy, dụng cụ cắt rãnh, tấm kính hoặc tấm đá	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
		T89, T90 ; ASTM D4318 ; GST-5184	lăn đất, thước thép hoặc thước đo, bát trộn mẫu, dao hoặc bay trộn đất, bộ sàng 0,425 mm, sàng 1mm, cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp đựng mẫu độ ẩm, bình hút ẩm, khay chứa mẫu, đồng hồ bấm giờ	
46	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88, T27 ; ASTM C136, D1140, D422; TCVN 14134-3:2024	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật 0.01g, tủ sấy, chày và cối cao su để làm tơi mẫu; khay trộn mẫu; bay trộn đất; ống đong thủy tinh 1000 ml; tỷ trọng kế, nhiệt kế; đồng hồ bấm giờ; bình tam giác; phễu thủy tinh; khay hoặc hộp đựng mẫu; dụng cụ lấy mẫu và các dụng cụ phụ trợ phòng thí nghiệm, hoá chất các loại	
47	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; TCVN 12790:20; AASHTO T99, T180 ; ASTM D1557, D698	Bộ thí nghiệm đầm nén Proctor, cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp đựng mẫu xác định độ ẩm, bộ sàng đất, cối và chày nghiền mẫu, khay trộn mẫu, bay hoặc muôi trộn đất, bình phun hoặc bình đong nước, thước gạt miệng khuôn và thước cặp đo kích thước khuôn. Xô đựng ủ mẫu, Rọ cân thủy tinh, thùng đựng nước, khăn lau	
48	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937; AASHTO T204	tấm kính nhám , dao gạt phẳng, tủ sấy, cân điện tử (độ chính xác 0,01 g), bình hút ẩm, hộp nhôm đựng mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, cối và chày sứ, bình xịt nước cất, đồng hồ bấm giờ, thước thép và máy tính tính toán kết quả	
49	Xác định hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267	tấm kính nhám , dao gạt phẳng, tủ sấy, cân điện tử (độ chính xác 0,01 g), bình hút ẩm, hộp nhôm đựng mẫu, cốc nung, bếp nung và máy tính tính toán kết quả	
50	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm và hiện trường	22TCN 332-06; TCVN 12792:20; ASTM D1883; AASHTO T193; TCVN 8821:2011	Máy thí nghiệm CBR, Bộ gia tải CBR quay tay, cân điện tử; tủ sấy, hộp xác định độ ẩm; bể ngâm mẫu CBR; thước cặp đo kích thước mẫu; đồng hồ bấm giờ; dụng cụ lấy mẫu; khay và hộp đựng mẫu; các dụng cụ phụ trợ phòng thí	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
			nghiệm	
51	Thí nghiệm đất sét trong phòng thí nghiệm	TCVN 7131:2016	Lò nung, tủ sấy, cân kỹ thuật, cân phân tích, bếp cách cát, chén sứ, chày cối bằng đồng, bình hút ẩm, bình định mức bằng thủy tinh, sàng các loại và các dụng cụ phụ trợ phòng thí nghiệm	
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, SẢN PHẨM KIM LOẠI, MỐI HÀN			
52	Thử kéo	TCVN 197-1:14; TCVN 7937:2013; ASTM A370; JIS: Z2241; Z2201; ISO 15630-1	Máy thử kéo nén vạn năng, bộ ngàm kẹp mẫu kéo, thước cặp hoặc panme đo kích thước mẫu, thước thép.	Nguyễn Kiều Hưng; Phạm Thế Nam ; Bùi Nguyên Điệp Vũ Quang Chinh
53	Thử uốn	TCVN 198:08; TCVN 7937:2013; ASTM A370; JIS Z2248; ISO 15630-1	Máy thử kéo nén vạn năng, bộ ngàm kẹp mẫu kéo, thước cặp hoặc panme đo kích thước mẫu, thước thép, bộ gá uốn.	
54	Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10; TCVN 11977:17; AASHTO T68	Máy thử kéo nén vạn năng, bộ ngàm kẹp mẫu kéo, thước cặp hoặc panme đo kích thước mẫu, thước thép, bộ gá uốn	
55	Thí nghiệm cơ lý Nhôm, Gang, Inox: độ bền kéo, độ giãn dài tương đối	TCXDVN 330:04; TCVN 12513-2:18; JIS G305; ASTM E1086; TCVN 5841:94	Máy thử kéo nén vạn năng, ngàm kẹp mẫu, thước cặp, panme, dụng cụ vạch dấu chiều dài cữ, máy cắt, máy tiện, máy mài và hệ thống máy tính phân tích dữ liệu	
56	Thử nghiệm bu lông, thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89; TCVN 10567:17; ISO 898-1,2; JIS B1186; ASTM A370	Máy thử kéo nén vạn năng, bộ ngàm kẹp mẫu kéo, thước cặp hoặc panme đo kích thước mẫu, thước thép.	
	BÊ TÔNG NHỰA			
57	Thiết kế thành phần cấp phối BTN	TCVN 8820:11; TCVN 13567:20	Phương pháp tính toán	Nguyễn Huy Tuyền
58	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, tủ sấy, nhiệt kế, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	
59	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương	TCVN 8860-2:11	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
	pháp chiết sử dụng máy li tâm		xác 0,01g; cốc nung, C2HCl3, (NH4)2CO3 và các dụng cụ phụ trợ.	
60	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kĩ thuật chính xác 0,1%, tủ sấy.	
61	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1^0C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ.	
62	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1^0C	
63	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	
64	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	Ống đong bằng thép 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	
65	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Phương pháp tính toán	
66	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	Phương pháp tính toán	
67	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	Phương pháp tính toán	
68	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Phương pháp tính toán	
69	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	Phương pháp tính toán	
70	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nhựa bằng phương pháp bọc parafin	AASHTO T275	Khuôn đúc mẫu, máy đầm, cân kỹ thuật tỷ trọng, sáp nến, tủ sấy	
71	Xác định cường độ chịu nén	AASHTO T167; ASTM D1074	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, tủ sấy, nhiệt kế 250^0C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	
72	Bê tông nhựa: Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914; AASHTO T283	Khuôn đúc mẫu, máy đầm, cân kỹ thuật tỷ trọng, sáp nến, tủ sấy, máy nén	
73	Xác định độ rỗng dư bê tông nhựa đầm chặt và hỗn hợp bê tông nhựa rỗng	AASHTO T269; ASTM D3202	Phương pháp tính toán	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
74	Xác định ảnh hưởng của nước đến cường độ chịu nén của hỗn hợp bê tông nhựa đã đầm chặt	AASHTO T165; ASTM D1075	Phương pháp tính toán	
	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
75	Thử nghiệm bột khoáng trong bê tông nhựa, xác định khối lượng riêng, thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước, chỉ số dẻo	TCVN 8735:12, TCVN 12884-2:20, TCVN 4197:12; ASTM D5329; AASHTO T27	Tủ sấy, cân độ chính xác 0.01g, bếp cách cát, bình tỷ trọng 100ml, bộ sàng tiêu chuẩn, bát sứ, chày bọc cao su, ống đong 50ml có vạch chia 0.5ml	Nguyễn Huy Tuyền
	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHŨ TƯƠNG AXÍT			
76	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II Thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:05 ASTM D5-13; AASHTO T49	Máy đo độ kim lún bao gồm (nhiệt kế, cốc chứa mẫu, TB cấp nhiệt, TB điều hòa nhiệt độ)	Nguyễn Huy Tuyền
77	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05; AASHTO T301	Máy thí nghiệm mô đun đàn hồi giãn dài, cân kỹ thuật, nhiệt kế.	
78	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53	Thiết bị hóa mềm nhựa, đồng hồ bấm giây.	
79	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:1; AASHTO T48	Thiết bị thử điểm chớp cháy cốc hở Cleveland, đồng hồ bấm giây.	
80	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163^{0}C trong 5h	TCVN 7499:05; ASTM D1754	Tủ sấy, giá quay, cân kỹ thuật hoặc cân phân tích, cốc hoặc khay đựng mẫu.	
81	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44	Cân phân tích, cốc thủy tinh, bình tam giác, phễu lọc thủy tinh, giấy lọc, bình hút ẩm, tủ sấy, bình rửa dung môi	
82	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228	Bình tỉ trọng (pycnometer), cân phân tích, bể ổn nhiệt 25 °C, nhiệt kế, tủ sấy, bình hút ẩm.	
83	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005; TCVN 8818-5:11	Nhớt kế mao quản , nhớt kế mao quản chân không , bể ổn nhiệt kiểm soát nhiệt độ, hệ thống tạo chân không (bơm chân không và bộ điều áp), nhiệt kế thí nghiệm, thiết bị đo thời gian .	
84	Xác định hàm lượng paraphin bằng pp chưng cất	TCVN 7503:05	Bộ thiết bị chưng cất bitum, bình cầu chưng cất, bộ sinh hàn, bể làm lạnh hoặc bể điều nhiệt nhiệt độ thấp, tủ sấy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
			phòng thí nghiệm, hệ thống lọc chân không, bơm chân không, phễu lọc, bình lọc chân không (bình Buchner), ống nghiệm, nhiệt kế, chậu bay hơi, bình hút ẩm, cân phân tích, bể nước gia nhiệt, giá đỡ và kẹp thí nghiệm, cốc thủy tinh, bình tam giác, đũa khuấy.	
85	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	Bếp gia nhiệt, cốc thủy tinh chịu nhiệt, nhiệt kế thí nghiệm, rây kim loại hoặc giá đỡ mẫu, kẹp gắp mẫu, đồng hồ bấm giờ, khay thí nghiệm, tủ sấy phòng thí nghiệm.	
86	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN8817-4:11; ASTM D6933-22; AASHTO T59	Rây thí nghiệm (kích thước 850 µm), khay hứng, cốc thủy tinh, bình rửa nước, tủ sấy phòng thí nghiệm, cân kỹ thuật, chổi mềm làm sạch rây	
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
87	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 8730:12; AASHTO T204:96; ASTM D2937; 22TCN 02:71; TCVN 12791:20; TCVN 8729:12	Dao vòng lấy mẫu, búa đóng dao vòng, dao gọt mẫu, cân kỹ thuật, hộp đựng mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm, thước đo kích thước mẫu, khay đựng mẫu.	Nguyễn Kiều Hưng; Phạm Thế Nam ; Nguyễn Huy Tuyền ; Vũ Quang Chinh
88	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN8730:2012; TCVN8729:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556:00; AASHTO T191	Bình rót cát, phễu rót cát, cát chuẩn, đĩa đế, cân kỹ thuật, hộp đựng mẫu đất, tủ sấy phòng thí nghiệm, khay đựng mẫu, dao đào hố, chổi làm sạch hố.	
89	XĐ môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695:96; AASHTO T256	Cần đo võng Benkelman, xe tải thử tải, đồng hồ đo chuyển vị, giá đỡ thiết bị, thước đo khoảng cách	
90	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E303-93; ASTM D4695; AASHTO T278	Bình đong cát chuẩn, cát chuẩn, bàn gạt hoặc đĩa gạt cát, thước đo đường kính vòng cát, chổi làm sạch mặt đường.	
91	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950:98; ASTM E1082	Thước thẳng 3 m, nêm đo khe hở, thước đo khoảng cách.	
92	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012 TCVN 4756:1989; BS6651:99; ASTM G187; BS5930	Thiết bị đo điện trở đất, cọc tiếp địa, dây nối	
93	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, bơm thủy lực, hệ dầm phản lực, cọc phản	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
	dọc trục		lực hoặc neo phản lực, đồng hồ đo chuyển vị, giá đỡ đồng hồ đo, đồng hồ đo áp lực, thước đo chuyển vị.	
	THÍ NGHIỆM GẠCH, SẢN PHẨM BÊ TÔNG, ĐÁ ỐP LÁT			
94	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:09; BS EN 772	- Thước lá - Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.	Nguyễn Huy Tuyền; Nguyễn Văn Toàn; Nguyễn Kiều Hưng Vũ Quang Chinh
95	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:09; BS EN 772	Máy nén thủy lực, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm…	
96	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn, bộ gá uốn mẫu, thước đo có độ chính xác tới 1mm…	
97	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; BS EN 772	Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
98	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thước đo có độ chính xác tới 1mm.	
99	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, bộ cân thủy tĩnh, thước kẹp	
100	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:99; ASTM C140	- Thước lá bằng kim loại có vạch chia đến 1mm. - Máy nén có thang lực thích hợp. - Bộ má ép bằng thép.	
101	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ rỗng, cường độ chịu nén, độ thấm nước, độ hút nước	TCVN 6477:2016	- Thước lá có vạch chia đến 1 mm; - Chảo trộn hồ xi măng; - Máy nén có thang lực thích hợp - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bộ gá thấm nước	
102	Gạch Terazzo: Xác định sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ bền thời tiết, chiều dày lớp mặt, hệ số ma sát	TCVN 7744:2013	- Thước calip chuyên dụng hoặc thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; - Thước nivô có độ chính xác 0,1 mm; - Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. - Thùng hay bể ngâm mẫu. - Máy cưa để cắt mẫu thử - Bộ thiết bị hệ số ma sát con trượt	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
103	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ cứng bề mặt, độ mài mòn	TCVN 4732:16	- Tủ sấy - Cân có độ chính xác 0,01 % khối lượng mẫu thử; - Thiết bị mài mòn - Máy uốn gạch, bộ gá uốn	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC - TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

Phần 2: HỒ SƠ PHÁP LÝ, CÁC QUYẾT ĐỊNH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 5701922682

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 03 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG BẮC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 4, khu 6, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: *0973024100* Fax:

Email: *phuongbacxdkd@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CAO VĂN PHƯƠNG	Tổ 10, khu 2, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	800.000.000	80,000	101206158	
2	BÙI THỊ NAM THƯƠNG	Tổ 10, khu 2, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	200.000.000	20,000	100950665	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Được quét bằng CamScanner

* Họ và tên: CAO VĂN PHƯƠNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *10/02/1986* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *101206158*

Ngày cấp: *07/07/2010* Nơi cấp: *Công an tỉnh Quảng Ninh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 10, khu 2, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 10, khu 2, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ T. QUẢNG NINH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Đức Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG
TRÌNH PHƯƠNG BẮC

-----oo0oo-----

Số:03 /QĐ-CTPB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

(V/v: Thành lập Phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Xét yêu cầu nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Quyết định thành lập phòng thí nghiệm trực thuộc Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định công trình Phương Bắc.
- Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh.
- Tel: 0973024100

Điều 2 : Phòng thí nghiệm có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Nghiên cứu các quy trình, công nghệ vật liệu mới, kết cấu mới ứng dụng trong các công trình xây dựng.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, bê tông, bê tông nặng, xi măng, vữa, gạch xây, thép, kim loại và mối hàn, bê tông nhựa và các loại vật liệu xây dựng khác.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật đất hiện trường, nền đất đắp, nền đê, nền đường, mặt đường.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu đất trong phòng
- Kiểm định đánh giá chất lượng công trình và cấp chứng nhận sự phù hợp của công trình
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do giám đốc Công ty giao.

Điều 3 : Tổ chức bộ máy của Phòng thí nghiệm

- Một Trưởng phòng.
- Số cán bộ công nhân viên của Phòng căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để bố trí cho phù hợp.

Điều 4: Ban giám đốc, trưởng các phòng ban có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Lưu VT.

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

-----oo0oo-----

Số: 04/QĐ-CTPB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oo0oo-----

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

(V/v: Bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-CTPB ngày 18/04/2026 của Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc về việc Thành lập phòng thí nghiệm;
- Xét yêu cầu nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của Công ty.
- Căn cứ nhu cầu công tác và khả năng của cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay bổ nhiệm **Ông Nguyễn Trường Giang** – Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng giữ chức Trưởng phòng Phòng thí nghiệm và kiểm định công trình Phương Bắc từ ngày 02 tháng 05 năm 2026.

Điều 2: Trưởng phòng thí nghiệm và kiểm định công trình Phương Bắc có quyền và nhiệm vụ sau:

- Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Phòng Thí nghiệm chuyên ngành, thực hiện các nghiệp vụ kỹ thuật thử nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước qui định.
- Thực hiện các nhiệm vụ của Giám đốc Công ty giao.
- Được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo quy định của công ty.
- Được giao quản lý dấu phòng thí nghiệm và kiểm định, kiểm tra số liệu trước khi xuất kết quả báo cáo thí nghiệm, đảm bảo độ chính xác. Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về độ chính xác các báo cáo thí nghiệm của phòng thí nghiệm và kiểm định.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng các phòng ban có liên quan và ông Nguyễn Trường Giang căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC - TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số:08 /2026/PB/CBNLPTN ngày 27 tháng 05 năm 2026 của Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Công việc được giao	Số CCCD/ngày cấp	Ghi chú
1	Cao Văn Phương	1986	Kỹ sư xây dựng	Giám đốc	Quản lý chung	CCCD 038086050513 (26/02/2026)	
2	Nguyễn Trường Giang	1986	Kỹ sư xây dựng	Trưởng phòng thí nghiệm	Quản lý phòng thí nghiệm	CCCD 035086002938 (24/03/2026)	
3	Bùi Nguyên Điệp	1984	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	Thí nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn	CCCD 022084007698 (05/02/2024)	
4	Phạm Thế Nam	1992	Thí nghiệm viên	Nhân viên	1.Thí nghiệm tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường 2.Thí nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn	CCCD 022092006881 (27/04/2021)	
5	Nguyễn Kiều Hưng	1985	Thí nghiệm viên	Nhân viên	1.Thí nghiệm tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường 2.Thí nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn 3.Thí nghiệm tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng 4.Thí nghiệm hiện trường kiểm tra hệ thống chống sét	CCCD 038085020274 (30/10/2025)	
6	Nguyễn Huy Tuyền	1983	Thí nghiệm viên	Nhân viên	1.Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình giao thông gồm 3 lĩnh vực " Đất xây dựng; Vật liệu xây dựng; Bitum và bê	CCCD 030083015168 (17/04/2024)	

					tông nhựa Atphan"		
7	Vũ Quang Chinh	1983	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	1.Thí nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn 2.Thí nghiệm vật liệu xây dựng 3.Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	CCCD 031083004710 (04/02/2022)	
8	Nguyễn Văn Toàn	1988	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	1.Thí nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn 2.Thí nghiệm tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng	CCCD 001088010662 (25/08/2021)	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

OF VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL AND INDUSTRIAL ENGINEERING

Upon: Mr CAO VAN PHUONG

Date of birth: 10 February 1986

Year of graduation: 2012

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Part-time

HaiPhong, 13 December 2012

Reg. No:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Cho: Ông CAO VĂN PHƯƠNG

Ngày sinh: ngày 10 tháng 02 năm 1986

Năm tốt nghiệp: 2012

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hải Phòng ngày 13 tháng 12 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI

PGS.TS. Lương Công Nhớ

Số hiệu: 130605

Số vào sổ cấp bằng: 1385

Được quét bằng CamScanner

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN



Ông (Bà): **Cao Văn Phương**

Sinh ngày: 10-02-1986

Đơn vị công tác: Chi nhánh công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình VNC

Đã hoàn thành chương trình: Tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 cho phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Từ ngày: 04-12-2017 đến ngày: 05-12-2017

Hà Nội, ngày 05 *tháng* 12 *năm* 2017

Giám đốc

HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

TS. Trần Hữu Hà

Số: 1983-2017

Được quét bằng CamScanner

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Cao Van Phuong**

Has successfully passed the Training Course on

Testing Methods for Determining the Physico - Mechanical Properties of Metallic Materials and Welding Joints

In May 2007

Ref. N°. 1887/2007/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Cao Văn Phương**

Ngày sinh: **10/02/1986** - *Quê quán:* **Thanh Hoá**

Cơ quan: C.ty CP Tư vấn thiết kế XD Công trình

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của Vật liệu Kim loại và Liên kết hàn

Thời gian tổ chức: Tháng 5 năm 2007

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2007

Viện trưởng

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiến

Được quét bằng CamScanner

THE COLLEGE OF TRANSPORT





It is hereby certified that:

Mr: Cao Van Phuong

Has successfully passed Training Course on

Accessment of transport Construction quality

Including: Estate: Construction materials:

Bitum and Atphan concrete

In February 2009

Final classification: **Good**

Ref. N°: 0059/310/QĐ-CĐGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ - BGTVT, ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao cho Trường Cao đẳng GTVT đào tạo ngắn hạn Thí nghiệm viên và Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình giao thông.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG NHẬN

Ông (Bà): **Cao Văn Phương**

Sinh ngày: **10/02/1986**

Quê quán: **Thanh Hóa**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình Giao thông

Gồm 3 lĩnh vực:

"Đất xây dựng; Vật liệu xây dựng; Bitum và Bêtông Atphan"

Khóa học: **Tháng 2 năm 2009** - Tốt nghiệp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đỗ Ngọc Viện

Được quét bằng CamScanner

526

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Cao Văn Phương**

Ngày tháng năm sinh: **10/02/1986**

Số CMTND (hoặc hộ chiếu) **038086050513** cấp ngày **20/08/2021** Tại **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Cơ sở đào tạo: **Đại học Hàng hải**

Hệ đào tạo: **Vừa làm vừa học**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng dân dụng công nghiệp**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

TT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật	II	Từ 08/07/2022 đến 08/07/2027
2	Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông	III	Từ 08/07/2022 đến 08/07/2027
3	Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)	III	Từ 08/07/2022 đến 08/07/2027

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2022

T/M HIỆP HỘI CÁC NHÀ THẦU XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH

HIỆP HỘI CÁC NHÀ THẦU XÂY DỰNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

NGUYỄN QUỐC HIỆP

Được quét bằng CamScanner

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR

THAI NGUYEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil and Construction Engineering

Upon: ***Mr Nguyen Truong Giang***

Date of birth: ***17 May 1986***

Year of graduation: ***2016***

Degree classification: ***Good***

Mode of study: ***Part - time***

Thainguyen, ***28 October 2016***

Reg. No: ***16TC-477***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Kỹ thuật công trình xây dựng

Cho: ***Ông Nguyễn Trường Giang***

Ngày sinh: ***17/05/1986***

Năm tốt nghiệp: ***2016***

Xếp loại tốt nghiệp: ***Khá***

Hình thức đào tạo: ***Vừa làm vừa học***

Thái Nguyên, ngày ***28*** *tháng* ***10*** *năm* ***2016***

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Phan Quang Thế

Số hiệu: 0022714

Số vào sổ cấp bằng: ***16TC-477***

Được quét bằng CamScanner

TSC
TRUST-PROFESSIONAL-APPARES

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Ông: **NGUYỄN TRƯỜNG GIANG**

Năm sinh/Date of Birth: 17/5/1986

Nơi công tác/Workplace:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH QUANG PHÁT

Đã tham gia khoá đào tạo nhận thức chung
Has attended the general awareness training course:

HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM THEO TIÊU CHUẨN ISO/IEC 17025:2017

Management in the laboratory to ISO/IEC 17025:2017

Ngày cấp: 10/3/2026
Số: 01.2026/CC-TSC

Giám đốc

M.S.D.N: 0108995... CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Khoẻ

Được quét bằng CamScanner

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Nguyen Truong Giang

Has successfully passed the Training Course on

Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Concrete and Building Materials

In November 2007

Ref. N°. 2617/2007/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Trường Giang**

Ngày sinh: ***17/5/1986*** *- Quê quán:* ***Hà Nam***

Cơ quan: Trung tâm TV&KĐ CLCT XDNN Quảng Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng

Thời gian tổ chức: Tháng 11 năm 2007

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Viện trưởng

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiến

Được quét bằng CamScanner

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Nguyen Truong Giang**

Has successfully passed the Training Course on

Field and Laboratory Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Soils

In August 2009

Ref. N°: **5595 /2009/VKH –TNXD**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Trường Giang**

Ngày sinh: **17/5/1986** - *Quê quán:* **Hà Nam**

Cơ quan: Trung tâm TV & KĐCLCTXDNN Quảng Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của đất trong phòng và hiện trường

Thời gian: Từ ngày 13/7/2009 đến 03/8/2009

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2009

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

Được quét bằng CamScanner

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Nguyen Truong Giang

Has successfully passed the Training Course on

Advanced concrete Technology

Ref. N°: 8393/2011/VKH -THXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do- Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Trường Giang**

Ngày sinh: **17/5/1986** - *Quê quán:* **Quảng Ninh**

Cơ quan: **Trung tâm TV& KĐ CL CT XD NN**

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

Công nghệ Bê tông tiên tiến

Thời gian tổ chức: Từ ngày 10/3 đến ngày 12/3/2011

Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

Được quét bằng CamScanner

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: NGUYEN TRUONG GIANG
Has successfully passed Training Course on
Experts test the mechanical properties of asphalt concrete in the room and the field
In November 2020

Ref. N⁰:17583-A17585B/VNĐ-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: **NGUYỄN TRƯỜNG GIANG**
Ngày sinh: 17 - 05 - 1986
Thường trú: Hà Nam

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm viên thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa trong phòng và hiện trường
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2020
Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2020

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

Được quét bằng CamScanner

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2023/ĐT1-037/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : **NGUYỄN TRƯỜNG GIANG**
Ngày sinh : 17/05/1986
Quê quán : Hà Nam
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp đo điện trở tiếp địa và điện trở chống sét

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Từ 25/06/2023 đến 02/07/2023
Kết quả học tập: **Đạt loại khá**

Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2023
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG
TS. Phùng Vũ Việt Anh

Được quét bằng CamScanner

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HANOI ARCHITECTURAL UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering

Upon: **Mr. BUI NGUYEN DIEP**

Date of birth: **06 February 1984**

Year of graduation: **2014**

Degree classification: **Ordinary**

Mode of study: **Part-time**

Hanoi, 09 July 2014

Reg. No: **38370**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

Cho: **Ông BÙI NGUYÊN ĐIỆP**

Ngày sinh: **06-02-1984**

Năm tốt nghiệp: **2014**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

Hình thức đào tạo: **Vừa làm vừa học**

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

PGS.TS. Vương Ngọc Lưu

Số hiệu: 266055

Số vào sổ cấp bằng: **38370**

Được quét bằng CamScanner

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Bui Nguyen Diep**

Has successfully passed the Training Course on

Testing Methods for Determining the Physico - Mechanical Properties of Metallic Materials and Welding Joints

In June 2009

Ref. N°: **5428/2009/VKH -TNXD**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Bùi Nguyên Diệp**

Ngày sinh: **06/02/1984** *- Quê quán:* **Quảng Ninh**

Cơ quan: Công ty CP TV TN & KĐ CTXD - LAS 558

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của vật liệu Kim loại và Liên kết hàn

Thời gian: Từ ngày 18/6/2009 đến 26/6/2009

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2009

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 7998 Quyển số: 04

Ngày 03-11-2010

U.B.N.D PHƯỜNG GIẾNG ĐÁY

K.T.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Kim Luân

Được quét bằng CamScanner

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



(Chữ ký của người được cấp)

Cấp cho Ông/ Bà: NGUYỄN KIỀU HƯNG

Sinh ngày: 19 - 11 - 1985

Quê quán: THANH HÓA

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm Thép - Kim loại mối hàn

Thời gian tổ chức: ***Tháng 10 năm 2010.***

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI
S.Đ.K.H.Đ - 0113016833 - C.T.C.P - Q.HOÀNG MAI - TP.HÀ NỘI

Đào Tùng Bách

Số: QĐ 05 – 91/2010/TNV

Được quét bằng CamScanner

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



(Chữ ký của người được cấp)

Cấp cho Ông/ Bà: NGUYỄN KIỀU HƯNG

Sinh ngày: 19 - 11 - 1985

Quê quán: THANH HÓA

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông và Vật liệu xây dựng.

Thời gian tổ chức: ***Tháng 05 năm 2011.***

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG

S.Đ.K.H.Đ - 0113016833 - C.T.C.P
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI
Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Đào Tùng Bách

Số: QĐ 01 – 40/2011/TNV

Được quét bằng CamScanner

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



(Chữ ký của người được cấp)

Cấp cho Ông/ Bà: NGUYỄN KIỀU HƯNG

Sinh ngày: 19 - 11 - 1985

Quê quán: THANH HÓA

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường.

Thời gian tổ chức: *Tháng 07 năm 2010.*

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG

S.Đ.K.H.Đ - 0113016833 - C.T.C.P
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI
Q.HOÀNG MAI-TP.HÀ NỘI

Đào Tùng Bách

Số: QĐ 04 – 65/2010/TNV

Được quét bằng CamScanner

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that:
Mr/Ms: NGUYEN KIEU HUNG
Has successfully passed Training Course on
Field test examining lightning protection system
In March 2019

Ref. N⁰:8534-A8542B/VNĐ-QL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **NGUYỄN KIỀU HƯNG**
Ngày sinh: 19 - 11 - 1985
Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm hiện trường kiểm tra hệ thống chống sét
DoViện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 03 năm 2019
Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

Được quét bằng CamScanner

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **PHAM THE NAM**

Has successfully passed the Training Course on

Testing Methods for Determining the Physico - Mechanical Properties of Metallic Materials and Welding Joints

in April 2011

Ref. N°: **8495** /2011/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **PHẠM THẾ NAM**

Ngày sinh: **03/7/1992** - Quê quán: **Quảng Ninh**

Cơ quan: Công ty CP TV & Kiểm định công trình VNC

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của vật liệu Kim loại và Liên kết hàn

Thời gian tổ chức: Từ ngày 17/3/2011 đến ngày 22/3/2011

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

Được quét bằng CamScanner

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Pham The Nam**

Has successfully passed the Training Course on

Field and Laboratory Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Soils

In April 2011

Ref. N°: 8755 /2011/VKH –TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Phạm Thế Nam**

Ngày sinh: 3/7/1992 - *Quê quán:* Quảng Ninh

Cơ quan: CN Cty CP TV Kiểm định công trình VNC

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của đất trong phòng và hiện trường

Thời gian: Từ ngày 08/3/2011 đến 27/3/2011

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

Được quét bằng CamScanner

THE COLLEGE OF TRANSPORT



It is hereby certified that:

Mr: Nguyen Huy Tuyen

Has successfully passed Training Course on

Accessment of transport Construction quality

Including: Estate; Contruction materials;

Bitum and Atphan concrete

In February 2009

Final classification: **Good**

Ref. N°: 0071/310/QĐ-CĐGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ - BGTVT, ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao cho Trường Cao đẳng GTVT đào tạo ngắn hạn Thí nghiệm viên và Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình giao thông.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG NHẬN

Ông (Bà): **Nguyễn Huy Tuyền**

Sinh ngày: **18/09/1983**

Quê quán: **Hải Dương**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình Giao thông

Gồm 3 lĩnh vực:

"Đất xây dựng; Vật liệu xây dựng; Bitum và Bêtông Atphan"

Khóa học: **Tháng 2 năm 2009** - Tốt nghiệp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đỗ Ngọc Viện

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Vu Quang Chinh**

Has successfully passed the Training Course on

Testing Methods for Determining the Physico - Mechanical Properties of Metallic Materials and Welding Joints

In September 2008

Ref. N^0: 4276/2008/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Vũ Quang Chinh**

Ngày sinh: **12/12/1983** - *Quê quán:* **Hải Phòng**

Cơ quan: Công ty CP TV TK CT Xây dựng Hải Phòng

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của vật liệu Kim loại và Liên kết hàn

Thời gian: Từ ngày 16/9/2008 đến 23/9/ 2008

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Vu Quang Chinh**

Has successfully passed the Training Course on

Field Test for Evaluation the Integrity and Bearing Capacity of Pile

In May 2007

Ref. N°. 1955/2007/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Vũ Quang Chinh**

Ngày sinh: 12/12/1983 - *Quê quán:* Hải Phòng

Cơ quan: C.ty CP Tư vấn TK CT XD Hải Phòng

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc

Thời gian tổ chức: Tháng 5 năm 2007

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2007

Viện trưởng

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that:
Mr/Mrs: VU QUANG CHINH
Has successfully passed Training Course on
Testing construction materials
In January 2021

Ref. N⁰:9588-A9594B/VNĐ-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **VŨ QUANG CHINH**
Ngày sinh: 12 - 12 - 1983
Thường trú: Hải Phòng

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm vật liệu xây dựng
DoViện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 01 năm 2021
Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2021

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY

It is hereby certified that:

Mr. **VU QUANG CHINH**

Has successfully passed the Training Course on

Non-destructive Testing Methods

Ref. N°: **13673/2016/VKH - TNXD**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **VŨ QUANG CHINH**

Ngày sinh: **12/12/1983** - Quê quán: **Hải Phòng**

Cơ quan: **Công ty CP TV TK CT Xây dựng Hải Phòng**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Không phá hủy

(Thuộc Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")

Thời gian tổ chức: Từ ngày 18/10/2016 đến ngày 27/10/2016

Tại: Hà Nội

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2016

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TS. Nguyễn Đại Minh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

OF VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL ENGINEERING

Majoring in **Civil and Industrial Engineering**

Upon: Mr **NGUYEN VAN TOAN**

Date of birth: 12 September 1988

Year of graduation: 2015

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Part-time

Hai Phong, 02 February 2015

Reg. No:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Chuyên ngành **Xây dựng dân dụng và công nghiệp**

Cho: Ông **NGUYỄN VĂN TOÀN**

Ngày sinh: ngày 12 tháng 09 năm 1988

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

PGS.TS. Lương Công Nhớ

Số hiệu: 323642

Số vào sổ cấp bằng: 5272

Scanned with CamScanner

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000949126 */LĐTBXH -DN*



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 19.779
Ngày 05 *tháng* 04 *năm* 2008

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường: Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải Trung ương I

Cấp cho: NGUYỄN VĂN TOÀN

Sinh ngày: 12/09/1988

Nguyên quán: Ứng Hoà - Hà Tây

Nghề đào tạo: Thí nghiệm vật liệu XDĐB

Từ ngày 09/06 đến ngày 03/08

Đạt trình độ thợ bậc: 3/7

Tốt nghiệp hạng: Trung bình khá

Theo quyết định số: 04/ĐT

Ngày 05 tháng 04 năm 2008

Hà Tây ngày 5 tháng 4 năm 2008

Hiệu trưởng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

Đào Văn Đường

Scanned with CamScanner

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
Số: 01/HĐLĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: Cao Văn Phương Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0973 024 100

Đại diện cho (1): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Và một bên là Ông/ Bà: Nguyễn Trường Giang Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 17/05/1986

Nghề nghiệp (2): Kỹ sư xây dựng, thí nghiệm viên

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Khu Giếng Đáy 5, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Số CCCD: 035086002938 cấp ngày: 24/03/2026

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Địa điểm làm việc (4): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc
- Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên Chức vụ: Nhân viên
- Công việc phải làm (5): Nhân viên kỹ thuật làm việc dưới sự phân công chỉ đạo của giám đốc

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8 tiếng một ngày và 26 ngày/ tháng.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Tuỳ theo yêu cầu và tính chất của công việc

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): *5.300.000 đồng/tháng*
- Hình thức trả lương: *Tiền mặt/chuyển khoản.*
- Phụ cấp gồm (9): *Ăn ca 35.000 đồng/bữa; trợ cấp xăng xe 1.000.000 đồng/tháng; trợ cấp điện thoại 1.000.000 đồng*
- Tiền thưởng: *theo quy định của Công ty.* - Chế độ nâng lương: *theo quy định của Công ty*

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của Công ty*
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết,....): *Theo quy định của Nhà nước.*
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): *Theo quy định .*
- Chế độ đào tạo (11): *Theo chính sách của Công ty*
- Những thoả thuận khác (12): *Chấp hành nội quy ATLĐ, ATGT, AT PCCC*

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành và chịu trách nhiệm về những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo qui định của Công ty.

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc.....)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. Khi cả 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Trường Giang	**Cao Văn Phương**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
PHƯƠNG BẮC
Số: 02/HĐLĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: Cao Văn Phương Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0973 024 100

Đại diện cho (1): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Và một bên là Ông/ Bà: Bùi Nguyên Điệp Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 06/02/1984

Nghề nghiệp (2): Kỹ sư xây dựng, thí nghiệm viên

Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Khu Quang Trung 2, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Số CCCD: 022084007698 cấp ngày: 05/02/2024

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Địa điểm làm việc (4): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc
- Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên Chức vụ: Nhân viên
- Công việc phải làm (5): Nhân viên kỹ thuật làm việc dưới sự phân công chỉ đạo của giám đốc

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8 tiếng một ngày và 26 ngày/ tháng.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Tuỳ theo yêu cầu và tính chất của công việc

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): *5.300.000 đồng/tháng*
- Hình thức trả lương: *Tiền mặt/chuyển khoản.*
- Phụ cấp gồm (9): *Ăn ca 35.000 đồng/bữa; trợ cấp xăng xe 1.000.000 đồng/tháng; trợ cấp điện thoại 1.000.000 đồng*
- Tiền thưởng: *theo quy định của Công ty,* - Chế độ nâng lương: *theo quy định của Công ty*

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của Công ty*
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết,....): *Theo quy định của Nhà nước.*
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10*): Theo quy định* .
- Chế độ đào tạo (11): *Theo chính sách của Công ty*
- Những thoả thuận khác (12): *Chấp hành nội quy ATLĐ, ATGT, AT PCCC*

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành và chịu trách nhiệm về những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo qui định của Công ty.

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc.....)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. Khi cả 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	**GIÁM ĐỐC**
Bùi Nguyên Điệp	**Cao Văn Phương**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
Số: 03/HĐLĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: Cao Văn Phương Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0973 024 100

Đại diện cho (1): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Và một bên là Ông/ Bà: Vũ Quang Chinh Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 12/12/1983

Nghề nghiệp (2): Thí nghiệm viên

Địa chỉ thường trú: Xã Tân Minh, Thành Phố Hải Phòng

Số CCCD: 031083004710 cấp ngày: 04/02/2022

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Địa điểm làm việc (4): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc
- Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên Chức vụ: Nhân viên
- Công việc phải làm (5): Nhân viên kỹ thuật làm việc dưới sự phân công chỉ đạo của giám đốc

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8 tiếng một ngày và 26 ngày/ tháng.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Tuỳ theo yêu cầu và tính chất của công việc

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): *5.300.000 đồng/tháng*
- Hình thức trả lương: *Tiền mặt/chuyển khoản.*
- Phụ cấp gồm (9): *Ăn ca 35.000 đồng/bữa; trợ cấp xăng xe 1.000.000 đồng/tháng; trợ cấp điện thoại 1.000.000 đồng*
- Tiền thưởng: *theo quy định của Công ty,* - Chế độ nâng lương: *theo quy định của Công ty*

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của Công ty*
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết,....): *Theo quy định của Nhà nước.*
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): *Theo quy định .*
- Chế độ đào tạo (11): *Theo chính sách của Công ty*
- Những thoả thuận khác (12): *Chấp hành nội quy ATLĐ, ATGT, AT PCCC*

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành và chịu trách nhiệm về những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo qui định của Công ty.

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc.....)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. Khi cả 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	GIÁM ĐỐC
Vũ Quang Chinh	Cao Văn Phương

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
Số: 04/HĐLĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: Cao Văn Phương Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0973 024 100

Đại diện cho (1): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Và một bên là Ông/ Bà: Nguyễn Huy Tuyền Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 18/09/1983

Nghề nghiệp (2): Thí nghiệm viên

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, Khu 4B, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Số CCCD: 030083015168 cấp ngày: 17/04/2024

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Địa điểm làm việc (4): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc
- Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên Chức vụ: Nhân viên
- Công việc phải làm (5): Nhân viên kỹ thuật làm việc dưới sự phân công chỉ đạo của giám đốc

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8 tiếng một ngày và 26 ngày/ tháng.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Tuỳ theo yêu cầu và tính chất của công việc

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): *5.300.000 đồng/tháng*
- Hình thức trả lương: *Tiền mặt/chuyển khoản.*
- Phụ cấp gồm (9): *Ăn ca 35.000 đồng/bữa; trợ cấp xăng xe 1.000.000 đồng/tháng; trợ cấp điện thoại 1.000.000 đồng*
- Tiền thưởng: *theo quy định của Công ty,* - Chế độ nâng lương: *theo quy định của Công ty*

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của Công ty*
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết,....): *Theo quy định của Nhà nước.*
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): *Theo quy định .*
- Chế độ đào tạo (11): *Theo chính sách của Công ty*
- Những thoả thuận khác (12): *Chấp hành nội quy ATLĐ, ATGT, AT PCCC*

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành và chịu trách nhiệm về những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo qui định của Công ty.

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc.....)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. Khi cả 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Huy Tuyền	**Cao Văn Phương**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
PHƯƠNG BẮC
Số: 05/HĐLĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: Cao Văn Phương Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0973 024 100

Đại diện cho (1): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Và một bên là Ông/ Bà: Nguyễn Kiều Hưng Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 19/11/1985

Nghề nghiệp (2): Thí nghiệm viên

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Nam Hải, Phường Hải Bình, Tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 038085020274 cấp ngày: 30/10/2025

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Địa điểm làm việc (4): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc
- Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên Chức vụ: Nhân viên
- Công việc phải làm (5): Nhân viên kỹ thuật làm việc dưới sự phân công chỉ đạo của giám đốc

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8 tiếng một ngày và 26 ngày/ tháng.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Tuỳ theo yêu cầu và tính chất của công việc

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): *5.300.000 đồng/tháng*
- Hình thức trả lương: *Tiền mặt/chuyển khoản.*
- Phụ cấp gồm (9): *Ăn ca 35.000 đồng/bữa; trợ cấp xăng xe 1.000.000 đồng/tháng; trợ cấp điện thoại 1.000.000 đồng*
- Tiền thưởng: *theo quy định của Công ty,* - Chế độ nâng lương: *theo quy định của Công ty*

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của Công ty*
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết,....): *Theo quy định của Nhà nước.*
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): *Theo quy định .*
- Chế độ đào tạo (11): *Theo chính sách của Công ty*
- Những thoả thuận khác (12): *Chấp hành nội quy ATLĐ, ATGT, AT PCCC*

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành và chịu trách nhiệm về những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo qui định của Công ty.

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc.....)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. Khi cả 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Kiều Hưng	**Cao Văn Phương**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
PHƯƠNG BẮC
Số: 06/HĐLĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: Cao Văn Phương Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0973 024 100

Đại diện cho (1): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Và một bên là Ông/ Bà: Phạm Thế Nam Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 03/07/1992

Nghề nghiệp (2): Thí nghiệm viên

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, Khu Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Số CCCD: 022092006881 cấp ngày: 27/04/2021

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Địa điểm làm việc (4): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc
- Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên Chức vụ: Nhân viên
- Công việc phải làm (5): Nhân viên kỹ thuật làm việc dưới sự phân công chỉ đạo của giám đốc

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8 tiếng một ngày và 26 ngày/ tháng.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Tuỳ theo yêu cầu và tính chất của công việc

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): *5.300.000 đồng/tháng*
- Hình thức trả lương: *Tiền mặt/chuyển khoản.*
- Phụ cấp gồm (9): *Ăn ca 35.000 đồng/bữa; trợ cấp xăng xe 1.000.000 đồng/tháng; trợ cấp điện thoại 1.000.000 đồng*
- Tiền thưởng: *theo quy định của Công ty,* - Chế độ nâng lương: *theo quy định của Công ty*

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của Công ty*
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết,....): *Theo quy định của Nhà nước.*
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10*):* *Theo quy định* .
- Chế độ đào tạo (11): *Theo chính sách của Công ty*
- Những thoả thuận khác (12): *Chấp hành nội quy ATLĐ, ATGT, AT PCCC*

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành và chịu trách nhiệm về những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo qui định của Công ty.

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc.....)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. Khi cả 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Nam	Cao Văn Phương

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
PHƯƠNG BẮC
Số: 07/HĐLĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: Cao Văn Phương Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0973 024 100

Đại diện cho (1): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Và một bên là Ông/ Bà: Nguyễn Văn Toàn Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 12/09/1988

Nghề nghiệp (2): Kỹ sư xây dựng, thí nghiệm viên

Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Chùa, Xã Ứng Thiên, Thành Phố Hà Nội

Số CCCD: 001088010662 cấp ngày: 25/08/2021

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Địa điểm làm việc (4): Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc
- Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên Chức vụ: Nhân viên
- Công việc phải làm (5): Nhân viên kỹ thuật làm việc dưới sự phân công chỉ đạo của giám đốc

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8 tiếng một ngày và 26 ngày/ tháng.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Tuỳ theo yêu cầu và tính chất của công việc

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): *5.300.000 đồng/tháng*
- Hình thức trả lương: *Tiền mặt/chuyển khoản.*
- Phụ cấp gồm (9): *Ăn ca 35.000 đồng/bữa; trợ cấp xăng xe 1.000.000 đồng/tháng; trợ cấp điện thoại 1.000.000 đồng*
- Tiền thưởng: *theo quy định của Công ty,* - Chế độ nâng lương: *theo quy định của Công ty*

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của Công ty*
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết,....): *Theo quy định của Nhà nước.*
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): *Theo quy định .*
- Chế độ đào tạo (11): *Theo chính sách của Công ty*
- Những thoả thuận khác (12): *Chấp hành nội quy ATLĐ, ATGT, AT PCCC*

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành và chịu trách nhiệm về những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo qui định của Công ty.

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc.....)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. Khi cả 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Văn Toàn	**Cao Văn Phương**

Phần 3: HỒ SƠ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM THEO ISO 17025: 2017

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

-----oo0oo-----

Số: 05/QĐ-CTPB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oo0oo-----

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

V/v: Ban hành hệ thống danh mục tài liệu nội bộ được kiểm soát theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-CTPB ngày 18/04/2026 của Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc về việc Thành lập phòng thí nghiệm;
- Xét yêu cầu nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành hệ thống danh mục tài liệu phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2017 của công ty theo phụ lục kèm theo.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký:

Điều 3: Các ông (bà) phụ trách phòng thí nghiệm và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Ban chỉ đạo ISO có nhiệm vụ phổ biến, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện quyết định này./..

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ HIỆN HÀNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT

(Kèm theo quyết định số: 05/QĐ-CTPB ngày 03 tháng 05 năm 2026 của Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc)

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần/ngày ban hành	Ghi chú
1	Sổ tay chất lượng	STCL	Lần 01/ngày 03/05/2026	
2	Quy trình kiểm soát tài liệu và hồ sơ	QT.01	Lần 01/ngày 03/05/2026	
3	Quy trình duy trì và cải tiến hệ thống quản lý	QT.02	Lần 01/ngày 03/05/2026	
4	Quy trình giải quyết khiếu nại phản nàn	QT.03	Lần 01/ngày 03/05/2026	
5	Quy trình tuyển dụng và đào tạo	QT.04	Lần 01/ngày 03/05/2026	
6	Quy trình mua hàng hóa dịch vụ	QT.05	Lần 01/ngày 03/05/2026	
7	Quy trình xem xét các yêu cầu, đề nghị, hợp đồng	QT.06	Lần 01/ngày 03/05/2026	
8	Quy trình thực hiện hợp đồng nhà thầu phụ	QT.07	Lần 01/ngày 03/05/2026	
9	Quy trình dịch vụ đối với khách hàng	QT.08	Lần 01/ngày 03/05/2026	
10	Quy trình kiểm soát dữ liệu điện tử	QT.09	Lần 01/ngày 03/05/2026	
11	Quy trình kiểm soát việc thử nghiệm không phù hợp	QT.10	Lần 01/ngày 03/05/2026	
12	Quy trình đảm bảo điều kiện môi trường thử nghiệm	QT.11	Lần 01/ngày 03/05/2026	
13	Quy trình lập và phê duyệt phương pháp thử nghiệm	QT.12	Lần 01/ngày 03/05/2026	
14	Quy trình quản lý thiết bị	QT.13	Lần 01/ngày 03/05/2026	
15	Quy trình đánh giá độ không đảm bảo đo	QT.14	Lần 01/ngày 03/05/2026	
16	Quy trình lấy mẫu và quản lý mẫu thử nghiệm	QT.15	Lần 01/ngày 03/05/2026	
17	Quy trình đảm bảo chất lượng kết quả đo thử nghiệm	QT.16	Lần 01/ngày 03/05/2026	

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần/ngày ban hành	Ghi chú
18	Quy trình quản lý số liệu đo gốc và kết quả thử nghiệm	QT.17	Lần 01/ngày 03/05/2026	
19	Quy trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng	QT.18	Lần 01/ngày 03/05/2026	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

-----oo0oo-----

Số: 06 /QĐ-CTPB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oo0oo-----

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

V/v: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2017

- Căn cứ Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/05/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-CTPB ngày 18/04/2026 của Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc về việc Thành lập phòng thí nghiệm;
- Căn cứ quy trình ISO 17025: 2017
- Xét yêu cầu nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2017 cho toàn bộ các hoạt động của phòng thí nghiệm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký:

Điều 3: Các ông (bà) phụ trách phòng thí nghiệm và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Phương

Phần 4: HỒ SƠ NĂNG LỰC THIẾT BỊ

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH THIẾT BỊ - DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM

(Kèm theo quyết định số:08 /2026/PB/CBNLPTN ngày 27 tháng 05 năm 2026 của Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc)

STT	Tên thiết bị, thông số kỹ thuật	Model/ Kiểu	Xuất xứ	SL	Hiện trạng
A	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**				
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH Model: WE-1000B (Code: TN087) (Ngàm kẹp thủy lực) Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0-40mm Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép. Hành trình piston 166 mm Kích thước máy: H2200xD760xW1900 Trọng lượng: 3300 kg Điện áp nguồn: 380V/220V/50Hz, 1,5 KW	WE-1000B	TQ	1	Hoạt động tốt
2	Búa uốn của máy kéo thép LUDA-T-TECH Đường kính búa uốn: D70; D90; D30 mm		TQ	3	Hoạt động tốt
3	Bộ gá kéo bu lông dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép Xuất xứ: Việt Nam Đường kính từ bulong M6-M32 (sử dụng kéo 13 cỡ bulong tiêu chuẩn)		VN	1	Hoạt động tốt
B	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ SẢN PHẨM BÊ TÔNG**				
4	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA-TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024) Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/SKN Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam Hoạt động bằng động cơ điện, nên tự động, tự động lưu giữ kết qủa nén bằng đồng hồ hai kim. Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha Kích thước: 850x450x1400, 750kg	TYE-2000	TQ	1	Hoạt động tốt
5	Máy xác định độ thấm bê tông loại đồng hồ 3 kim Model: HS-4(HS-40) Nhãn hiệu: Longchen Xuất xứ: Trung Quốc Áp lực làm max: 4MPa vạch chia 0,05MPa, có thể cài đặt áp lực thấm tuỳ ý, máy có thể kiểm tra đồng thời 6 mẫu D150xH150mm Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha, 120W	HS-4(HS-40)	TQ	1	Hoạt động tốt
6	Côn thử độ sụt bê tông NI - T.TECH Model: TC328 Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn,	TC328	VN	1	Hoạt động tốt

	thanh đầm, ca xúc mẫu				
7	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	TN038	TQ	9	Hoạt động tốt
8	Khuôn bê tông lập phương 200mm (loại bằng nhựa) - VN Chất liệu: Bằng nhựa nguyên sinh Kích thước mẫu mẫu đúc: 200x200x200mm		VN	3	Hoạt động tốt
9	Khuôn trụ dk150 x 300-T.TECHModel: TC409	TC409	VN	9	Hoạt động tốt
10	Đế Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	TC434	VN	1	Hoạt động tốt
11	Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm Xuất xứ: Trung Quốc Phù hợp với TCVN, ASTM, AASHTO Kích thước 800x800mm; Biên độ (không có tải): 0.3-0.6mm; Tần số rung: 2860r/min; Điện áp: 220v 50Hz 1.0kw		TQ	1	Hoạt động tốt
12	Máy mài mòn bê tông, gạch mẫu vuông 70,7mm Xuất xứ: Việt Nam Dùng để xác định độ mài mòn áp dụng cho các loại bê tông chịu mài mòn bề mặt do người hoặc phương tiện thường xuyên đi lại gây ra. Kiểm tra 2 mẫu đồng thời. Vận tốc quay của đĩa gang 30±1 vòng/phút Phần mài của đĩa là một vành tròn rộng 200mm Kích thước: 600x530x550mm Khối lượng: 110kg Nguồn điện 220V/50HZ, 1 pha, 750W		VN	1	Hoạt động tốt
C	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA**				
13	Máy nén xi măng 300KN Model: TYA-300 Nhãn hiệu: Longchen Xuất xứ: Trung Quốc - Hiện thị bằng đồng hồ điện tử hiện số, độ chính xách cao - Khả năng nén: 0-300KN - Khả năng đọc: 0,01kN - Cấp chính xác: Cấp 1 - Hành trình Piston: 150mm - Kích thước bàn nén: D125mm - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	TYA-300	TQ	1	Hoạt động tốt
14	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: JJ-5 Xuất xứ: Trung Quốc Thiết bị dùng tạo hỗn hợp vữa xi măng, kết cấu đơn giản, cấu tạo gọn, dễ sử dụng, an toàn. Tốc độ quay chính của cánh khuấy: 140v/p và 280v/p Tốc độ quay hành tinh 62v/p và 125v/p Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha Công suất: 550W	JJ-5	TQ	1	Hoạt động tốt

	Kích thước: 600x320x660mm Trọng lượng 70kg Dung tích: 5 lít Bao gồm: Máy chính, cánh khuấy, nồi trộn, bộ phận tự rót cát đã được lập trình sẵn				
15	Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn tự động Model: ZS-15 Xuất xứ: Trung Quốc Biên độ rung: 15+/-0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	ZS-15	TQ	1	Hoạt động tốt
16	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 13 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	TE064	VN	1	Hoạt động tốt
17	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094 Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	TE094	VN	1	Hoạt động tốt
18	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	TE011	TQ	2	Hoạt động tốt
19	Bàn dằn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134 Kèm khâu chuẩn và thước kẹp	TE134	VN	1	Hoạt động tốt
20	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
21	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
22	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa - TQ		TQ	2	Hoạt động tốt
23	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml - VN		VN	1	Hoạt động tốt
D	**THÍ NGHIỆM ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM, ĐÁ(SỎI), CÁT, GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT**				
24	Máy mài mòn bê tông, gạch mẫu vuông 70,7mm Xuất xứ: Việt Nam Dùng để xác định độ mài mòn áp dụng cho các loại bê tông chịu mài mòn bề mặt do người hoặc phương tiện thường xuyên đi lại gây ra. Kiểm tra 2 mẫu đồng thời. Vận tốc quay của đĩa gang 30±1 vòng/phút Phần mài của đĩa là một vành tròn rộng 200mm Kích thước: 600x530x550mm Khối lượng: 110kg Nguồn điện 220V/50HZ, 1 pha, 750W		VN	1	Hoạt động tốt
25	Dụng cụ kiểm tra độ thấm của gạch Block - VN Dùng cho gạch kích thước 170x130x60mm; 200x95x60mm (không kèm thùng chứa nước)"		VN	1	Hoạt động tốt
26	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn - VN Dùng để gá thử uốn gạch xây Đường kính gối uốn: 10mm Khoảng cách 2 gối uốn dưới: 180mm		VN	1	Hoạt động tốt

27	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn - VN Kích thước: 120x60x20mm 2 tấm/bộ		VN	1	Hoạt động tốt
28	**Máy mài mòn đá tự nhiên** **Model: SM-4** **Xuất xứ: Trung Quốc** - Kích thước bàn mài: Ø254×15mm - Kích thước 4 cột trụ chính trên bàn mài: 90mm - Trọng lượng mẫu quả cân : 2000±50g; 1250±50g - Tốc độ quay vòng bàn mài và tốc độ vòng xoay của mẫu:45±1rpm + Số vòng cài đặt: 0-9999rpm + Số lượng mẫu: 4 mẫu - Kích thước mẫu : + Mẫu hình vuông 50×50±0.5mm, + Độ dày: 15-55mm + Mẫu hình tròn: Ø25±0.5mm + Chiều cao:25-60mm + Nguồn điện: 220V/380V/50H, 0,35kW	**SM-4**	TQ	1	Hoạt động tốt
29	**Máy mài mòn Los Angeles** **Model: MH-II (MH-J)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Tốc độ quay: 30-33vòng/phút; Kích thước thùng quay: Ø711* H508mm Hiển thị điện tử với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tuỳ ý Điện áp ngồn: 220V/50hZ, 1phase, 1.5kW Kèm theo: Khay hứng mẫu và 12 viên bi chuẩn	**MH-II (MH-J)**	TQ	1	Hoạt động tốt
30	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - VN		VN	1	Hoạt động tốt
31	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - VN		VN	1	Hoạt động tốt
32	Bảng so màu chuẩn - VN		VN	1	Hoạt động tốt
33	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ) - VN		VN	1	Hoạt động tốt
34	"Thiết bị xác định góc cạnh của cát - VN Phù hợp theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn."		VN	1	Hoạt động tốt
35	"Bình phản ứng cốt liệu kiềm silic - TQ Dung tích: 100ml, có nắp đạy Chất liệu bằng thép không gỉ, không ăn mòn bảo vệ, hộp chứa mẫu phản ứng chịu nhiệt và chịu ăn mòn "		TQ	1	Hoạt động tốt
36	**Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực)** **Model: CBR-2** **Xuất xứ: Trung Quốc**	**CBR-2**	TQ	1	Hoạt động tốt

	Khả năng tải Max: 50KN Tốc độ tải: 1,27 mm/phút. Loại 1 tốc độ tiêu chuẩn, di chuyển nhanh khi không tải bằng tay quay. Trọng lượng khoảng: 60kg Bao gồm: Máy chính, Piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, 02 đồng hồ so 10 x 0,01mm, kèm cung lực 50KN.				
37	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vồng - VN Phù hợp với TCVN, ASTM Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.		VN	3	Hoạt động tốt
38	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198		VN	1	Hoạt động tốt
39	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - T.TECH		VN	1	Hoạt động tốt
40	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260		VN	2	Hoạt động tốt
41	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: :75; 70; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; 10,090 + đáy và nắp		TQ	33	Hoạt động tốt
42	Sàng tiêu chuẩn D300mm - TQ bao gồm: 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; + đáy và nắp		TQ	20	Hoạt động tốt
43	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	TS187	VN	1	Hoạt động tốt
44	Bộ thí nghiệm giới hạn đèo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hop duve	TS169	VN	1	Hoạt động tốt
45	Bộ xi lanh nên đập đá D150-T.TECH Model: TA66	TA66	VN	1	Hoạt động tốt
46	Phễu xác định độ xốp của đá - T. TECH Model: TA754	TA754	VN	1	Hoạt động tốt
47	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	TA755	VN	1	Hoạt động tốt
48	Hộp ẩm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	TV215	VN	20	Hoạt động tốt
49	Hộc đong 1 lít - T.TECH Model: TC347	TC347	VN	1	Hoạt động tốt
50	Hộc đong 2 lít - T.TECH Model: TC348	TC348	VN	1	Hoạt động tốt
51	Hộc đong 5 lít - T.TECH Model: TC350	TC350	VN	1	Hoạt động tốt
52	Hộc đong 10 lít - T.TECH Model: TC352	TC352	VN	1	Hoạt động tốt
53	Hộc đong 15 lít - T.TECH Model: TC353	TC353	VN	1	Hoạt động tốt
54	Hộc đong 20 lít - T.TECH Model: TC355	TC355	VN	1	Hoạt động tốt
55	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	TS119	VN	1	Hoạt động tốt

	Model: TS119				
56	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	TA637	VN	1	Hoạt động tốt
E	**THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHŨ TƯƠNG A XIT, BỘT KHOÁNG**				
57	**Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mm** **Model: SY-1,5** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phù hợp theo TCVN, ASTM. Tốc độ kéo tiêu chuẩn: 50,8mm/phút. Khả năng kéo max: 1500 mm Động cơ điện 220V/50Hz. Kèm: 03 khuôn tiêu chuẩn số 8 và 01 đế khuôn đúc mẫu.	**SY-1,5**	TQ	1	Hoạt động tốt
58	"Bộ kim lún nhựa tự động Model: IV-2000 Xuất xứ: Trung Quốc - Phù hợp để xác định độ xuyên của nhựa đường lớp mặt, nhựa đường cải tiến, nhựa đường lỏng và nhựa đường nhủ tương Thông số kỹ thuật: Thời gian thử: 5s Thời gian khởi động lại: 0 – 999,9s Xuyên sâu max: 50mm HIển thị kết quả: Đồng hồ hiển thị thời gian và độ xuyên sâu Trọng lượng (kim, đòn, cân): 100g sai số ±0.05g Trọng lượng kim chuẩn: 2,5g sai số ±0.05g Công suất: 200W Điện áp: 220V Cung cấp gồm: Máy chính, Kim xuyên, Cốc mẫu, Cốc bảo ôn"	IV-2000	TQ	1	Hoạt động tốt
59	"Thiết bị tổn thất khi nung - VN Bao gồm: Mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt."		VN	1	Hoạt động tốt
60	**Thiết bị hoá mềm nhựa tự động** **Model: SYD2806E (LD-2000)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Thông số chính: - Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.1°C. - Tự động tăng nhiệt độ: 5°C/phút. - Độ ẩm tương đối: 85% RH - Điện áp: AC220V ± 10%, 50Hz - Kích thước ngoài: 340 x 230 x 340mm - Trọng lượng: 4.5kg Cung cấp gồm: Bếp gia nhiệt, nhiệt kế, gá đỡ mẫu, vòng bi và bi, cốc thủy tinh	**SYD2806E (LD-2000)**	TQ	1	Hoạt động tốt
61	"Thiết bị hoá mềm nhựa - VN Bao gôm: Cốc thuỷ tinh, giá đỡ khuôn mẫu, 2 bộ khâu tiêu chuẩn, 2 viên bi chuẩn."		VN	1	Hoạt động tốt
62	**Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa**	**SYD-3536**	TQ	1	Hoạt động tốt

	Model: SYD-3536 **Xuất xứ: Trung Quốc** Dùng để xác định nhiệt độ bắt lửa và nhiệt độ bốc cháy của nhựa; đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7498:2005 - Nhiệt độ làm việc từ: 6~400°C - Độ ẩm: <85% - Công suất: 400W - Nguồn: 220V, 50Hz - Kích thước: Khoảng 500x400x300mm - Trọng lượng: Khoảng 7Kg (không kèm bình ga và van)				
63	**Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường** **Model: WSY-10 (WSY-10A)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Công suất làm lạnh: 8000W Công suất sưởi: 1000W Tốc độ động cơ khuấy: 1400 vòng/phút. Chênh lệch hiển thị <0,5% Chất lỏng làm việc lạnh là F22 Nhiệt độ lạnh Max: -20oC. Độ phân giải nhiệt độ: ± 0,1oC. Nhiệt độ môi trường làm việc: 30oC đến -30oC Độ ẩm tương đối: dưới 85% Kích thước tổng thể: 710*560*580mm Điện áp nguồn 220V, tần số 50HZ, 1800W	**WSY-10 (WSY-10A)**	TQ	1	Hoạt động tốt
64	**Máy chưng cất mẫu** **Model: SYD-0615-1** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phục vụ cho Máy xác định hàm lượng Paraffin trong nhựa đường Thông số kỹ thuật chính Nguồn điện: AC(220±10%)V, 50 Hz Công suất làm nóng lò điện: 2000W Kiểm soát nhiệt độ không đổi: 550oC + 10oC Nhiệt độ môi trường xung quanh: 35oC Độ ẩm tương đối: ≤85% Tổng công suất tiêu thụ: 2100W Trọng lượng: 5kg	**SYD-0615-1**	TQ	1	Hoạt động tốt
65	Bình tỷ trọng nhựa 25ml - TQ		TQ	2	Hoạt động tốt
66	Phễu lọc xốp thủy tinh 100ml - TQ Dùng để xác định hàm lượng tricloetylen		TQ	1	Hoạt động tốt
F	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA**				
67	**Máy nén marshall- Điện tử hiển thị số (Bản cao cấp - phím bấm và giao diện tiếng Anh)** **Model: FY-3A (LWD-3A)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Sử dụng cho mẫu nén Marshal 4inh và có nén	**FY-3A (LWD-3A)**	TQ	1	Hoạt động tốt

	mẫu Marshall cải tiến 6inh Tốc độ nén: 50±5mm/min Hành trình làm việc: 70mm Khả năng nén phổ thông: 0-30kN (sai số 0,1kN) Khả năng nén Max: 30kN Sensor đo chuyển vị (độ dẻo) 0-50mmx0,01mm Công suất: 0,37kW Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1pha Cung cấp bao gồm: Máy chính khung chịu tải: Loadcell đo lực: 50kN Senser đo giãn dài: 0-20mm Gá ép 2 nửa: loại 4 inh (101,6mm) Tay quay điều chỉnh tốc độ khi không tải In kết quả trên máy in nhiệt (nằm trong bộ điều khiển)				
68	**Máy ly tâm tách nhựa (Bản tiêu chuẩn)** **Model: SLF-400** **Xuất xứ: Trung Quốc** Buồng mẫu: 3KG Công suất: 750W Tốc độ có thể điều chỉnh: 100-3000r/min Trọng lượng: 30kg Điện áp nguồn: 220V/50Hz	**SLF-400**	TQ	1	Hoạt động tốt
69	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay - VN Trọng lượng búa: 4.53kg Chiều cao rơi: 45.7cm Kích thước: 300x300x1033mm Bao gồm: Chày đầm; Thanh dẫn; Thanh đỡ; Đế đầm; Đế gỗ; 4 bulong dài; Tấm đế; cổ khuôn+thân khuôn+đế khuôn marshall.		VN	1	Hoạt động tốt
70	Thân khuôn marshall - VN		VN	2	Hoạt động tốt
71	"Bể ổn nhiệt marshall điện tử - TQ Model: CF-B Dung tích bể: 60 lít Nhiệt độ cài đặt: Nhiệt độ môi trường đến 70oC"		TQ	1	Hoạt động tốt
72	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa - VN Phù hợp theo TCVN 8860-4:2011 Bao gồm: Bình tam giác có vòi 1000ml (03 ch) Bình tam giác có vòi 2.5 lít (01 ch) Bơm chân không (01 ch) Ống cao su (02 m) Đồng hồ áp (02 ch) Van đồng cho hút chân không, các dây nối và van khóa		VN	1	Hoạt động tốt
G	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**				

73	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm đựng trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh ghim - T.TECH Model: TS342	TS342	VN	2	Hoạt động tốt
74	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH Model: TS036, kèm 03 lưỡi dao TS084-01	TS036	VN	1	Hoạt động tốt
75	Máy đo điện trở đất - KYORITSU - NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	4102 (Code: TN129)	NHẬT	1	Hoạt động tốt
76	Bộ cần Benkenman - VN Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1 làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, có bọt thủy thăng bằng, dễ sử dụng kèm 01 đồng hồ so 10x0.01mm		VN	1	Hoạt động tốt
77	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
78	"Kích thủy lực 200 tấn, hành trình 150mm Xuất xứ: Trung Quốc Khả năng nâng Max: 2000kN (200 tấn) Hành trình nâng Max: 150mm Chỉ có thân kích, chưa kèm bơm và phụ kiện nào"		TQ	1	Hoạt động tốt
79	**Bơm dầu bằng động cơ điện 1 đường dầu (van tay gạt cơ)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Công suất: 0,75kw Áp lực: 63MPA Dung tích chứa dầu: 8L Nguồn: 220V/50Hz Kèm: Bộ van chia lắp đồng hồ và khóa cứng giữ áp (sử dụng cho kích tải trọng lớn 200 tấn) - VN		TQ	1	Hoạt động tốt
H	**THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG**				
80	Ống đong 50 ml, Model: TV109		TQ	1	Hoạt động tốt
81	Ống đong 100 ml, Model: TV110		TQ	1	Hoạt động tốt
82	Ống đong 250 ml, Model: TV111		TQ	2	Hoạt động tốt
83	Ống đong 500 ml, Model: TV112		TQ	2	Hoạt động tốt
84	Ống đong 1000 ml, Model: TV113		TQ	4	Hoạt động tốt
85	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
86	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ		TQ	2	Hoạt động tốt
87	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ		TQ	2	Hoạt động tốt
88	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ		TQ	2	Hoạt động tốt
89	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	BC6 (Code: TN141)	MỸ	1	Hoạt động tốt
90	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	BC30 (Code: TN142)	MỸ	1	Hoạt động tốt

91	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)		TQ	1	Hoạt động tốt
92	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101		VN	2	Hoạt động tốt
93	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455		TQ	1	Hoạt động tốt
94	Bộ Sàng đường kính D300mm - TQ		TQ	20	Hoạt động tốt
95	Máy lắt sàng – TQ; Code: TN002		TQ	1	Hoạt động tốt
96	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn-VN		VN	1	Hoạt động tốt
97	Rọ cân trong nước dung tích 5 lit - VN		VN	1	Hoạt động tốt
98	Rọ cân trong nước dung tích 3 lit - VN		VN	1	Hoạt động tốt
99	Hoá chất Na2SO4 - TQ; model: TV455		TQ	1	Hoạt động tốt
100	Hoá chất Mg2SO4 - TQ; model: TV455		TQ	3	Hoạt động tốt
101	Bình thủy tinh dung tích 1 lít, miệng phẳng		TQ	1	Hoạt động tốt
102	Nhiệt kế kim loại 250oC - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
103	Tỷ trọng kế		TQ	1	Hoạt động tốt
104	Máy khoan bê tông chạy điện D100 - HQ		HQ	1	Hoạt động tốt
105	Mũi khoan kim cương D100 - HQ		HQ	1	Hoạt động tốt
106	"Lò nung 10000C - TQ Model: 4-10 Nhiệt độ Max: 10000C Dung tích lò: 7 lít"	4-10	TQ	1	Hoạt động tốt
107	Cân điện tử 500g*0,001g Model: HC-B5003 Xuất xứ: Trung Quốc	HC-B5003	TQ	1	Hoạt động tốt
108	Chén sứ chịu nhiệt 100ml - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
109	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
110	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
111	Bình tỷ trọng đất 100ml - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
112	Bình hút ẩm D240mm, bằng thuỷ tinh - TQ		TQ	1	Hoạt động tốt
113	Hộp nhôm D55x35mm -TQ		TQ	6	Hoạt động tốt
114	Khay nhôm chứa mẫu loại nhỏ - VN		VN	3	Hoạt động tốt
115	Khay chứa mẫu 550x550x50mm - VN		VN	3	Hoạt động tốt
116	"Rọ thí nghiệm độ chảy nhựa Polime Phù hợp với TCVN 8860-6:2011"		TQ	1	Hoạt động tốt

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

M.S.D.N: 5701922682 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC
Cao Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4667.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy mài mòn bê tông, gạch mẫu vuông 70,**

Kiểu (*Type*) : N/A Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 2604063

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Tốc độ đặt: 30 vòng/phút

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4 - 09

Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4667.26

Chỉ tiêu	Giá trị danh định	Giá trị đo được
Tốc độ vòng quay	30 vòng/phút	(30± 1) vòng/phút

- Điều kiện môi trường *(Environmental Conditions)* :

Nhiệt độ *(Temperature)* , °C	Độ ẩm *(Humidity)* , %RH
24,0	55,0

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4668.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy thấm bê tông**

Kiểu (*Type*) : HS-40 Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 70903

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phạm vi đo *(range)*: (0 ~ 4) MPa;

Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 0,05 MPa

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4-17

Quy trình hiệu chuẩn Áp kế kiểu lò xo

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Áp kế chuẩn: U = 0,025

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822644 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4668.26

TT	P chuẩn *(standard)*	P đo tb *(test mean)*	ΔP	(*)U_{exp}
	MPa	MPa	MPa	MPa
1	0,00	0,00	0,00	0,01
2	0,80	0,81	0,01	0,01
3	1,60	1,60	0,00	0,01
4	2,40	2,41	0,01	0,01
5	3,20	3,21	0,01	0,01
6	4,00	4,02	0,02	0,01

Phương trình hiệu chuẩn:

Giá trị áp suất chuẩn được tính như sau:

$P_{\text{hiệu chính}} = 0,9961 * P_{\text{đọc}} - 0,0005$

Trong đó:

$P_{\text{đọc}}$ là giá trị áp suất hiện thị trên thiết bị

$P_{\text{hiệu chính}}$ là giá trị áp suất sau khi hiệu chính

Điều kiên hiệu chuẩn ***(Calibration conditions) :***

Nhiệt độ *(Temperature)*: (23 ± 2) °C

Độ ẩm *(Humidity)*: (60 ± 10) %RH

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4669.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy thử độ bền nén** ***(Compress testing machine)***

Kiểu (*Type*) : TYA - 300 Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag *№*): 2603061

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo lớn nhất*(Max range)*: 300 kN
Độ phân giải *(Resolution)*: 0,01 kN

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : IMC.TB1.03 - Đầu đo lực*(Force transducers)*
Độ không đảm bảo đo *(Uncertainty)*, $U = 0{,}13.10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

GIÁM ĐỐC
(Director)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4669.26

STT *(№)*	**Giá trị chỉ thị, kN** *(Indicated on TYA-300, kN)*	**Lực đo được, kN** *(Measured force, kN)*	**Sai số, %** *(Error, %)*
01	0	0,00	0,00
02	50	50,32	-0,64
03	100	100,53	-0,53
04	150	150,64	-0,43
05	200	201,23	-0,61
06	250	251,56	-0,62
07	270	271,89	-0,70

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1{,}2.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

  (The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) ℃. The measurement uncertainty is: $U = 1{,}2.10^{-2}$, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4670.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy thí nghiệm mài mòn đá**

Kiểu (*Type*) : SM-4 Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 260519

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): ASTMC241- 90

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4 - 09

Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

Thiết bị đo tốc độ vòng quay; Lực kế chuẩn, $U = 0{,}14.10^{-2}$

Thiết bị đo độ dài: Pan me, d = 0,001 mm. Thước cặp d = 0,001 mm

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4670.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Tốc độ quay của tấm mài và mẫu	45 ± 1 vòng / phút	45,5 vòng / phút	1 vòng / phút
2	Khối lượng quả tải trọng 1	2000 ± 50g	2010 g	5 g
3	Khối lượng quả tải trọng 2	1250 ± 50g	1252 g	5 g
4	Khoảng cách giữa tâm của bốn mẫu và tâm của đĩa	90mm	90,5mm	0,5 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.
  - Nơi hiệu chuẩn: Số 285A Ngô Gia Tự, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4671.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy xác định độ mài mòn Los Angeles**

Kiểu (*Type*) : MH-II Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 260463

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Tiêu chuẩn TCVN 7572-2012

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4 - 09

Máy thử mài mòn Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay; Lực kế chuẩn; Thước cặp điện tử

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4671.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả Giá trị đo được
1	Tốc độ đặt (vòng/phút)	30 ± 3	30 ± 2
2	Đường kính bi (mm)	45,0 - 47,6	45,5 ~ 47,1
3	Trọng lượng bi (g)	390 ~ 445	399 ~ 435

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (23 ± 2) °C với k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) :IMC.4672.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy nén CBR**

Kiểu (*Type*) : Ứng biến Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)* : 508

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Cung lực: Phạm vi đo đến: 60 kN;
Đồng hồ so (0 - 10) mm; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : IMC.TB1.03 - Đầu đo lực *(Force transducers)*
Độ không đảm bảo đo *(Uncertainty)*, $U = 0{,}3.10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0100[illegible]754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4672.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch × 0,01 mm)
01	0	0,0
02	5	11,0
03	10	23,8
04	15	36,1
05	20	48,9
06	30	73,2
07	40	99,0
08	50	124,7
09	60	152,8

Phương trình hiệu chuẩn:
$y = 0,3936x + 0,6493$
Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (23 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (23 ± 2) ℃. The measurement uncertainty is: $U = 0,8.10^{-2}$, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4673.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Thiết bị đo độ dãn dài nhựa đường**

Kiểu (*Type*) : SY-1.5 Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 2604244

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): TCVN 7496:2005

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): Đo trực tiếp; Theo yêu cầu của khách hàng

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

Đồng hồ bấm giây;

Thước cặp điện tử U = (5 + 8L) μm (k = 2; P ≈ 95%)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4673.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Vận tốc kéo	50 mm/phút ± 5%	49,7 mm/phút	0,5 mm/phút
2	Chiều dài khuôn	(10 ± 0,1) mm	10,03 mm	0,07 mm
3	Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn	(10 ± 0,1) mm	10,02 mm	0,07 mm
4	Khoảng cách giữa hai đỉnh khuôn	(75 ± 0,5) mm	75,12 mm	0,12 mm

- Điều kiện môi trường *(Environmental Conditions)* :

	Nhiệt độ *(Temperature)* , °C	Độ ẩm *(Humidity)* , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4674.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Thiết bị đo độ kim lún nhựa tự động**

Kiểu (*Type*) : IV-2000 Số (*Serial №*) / Mã QL *(Tag №)*: 261021

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 7495, ASTM D5

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4-10

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

Lực kế chuẩn, $U = 0{,}14.10^{-2}$

Thiết bị đo độ dài: Pan me, d = 0,001 mm; Thước cặp d = 0,001 mm

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4674.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Trọng lượng (kim, đòn, cân)	100g ±0.05g	100,02 g	0,02 g
2	Trọng lượng kim chuẩn	2,5g ±0.05g	2,53 g	0,03 g
3	Xuyên sâu	50 mm	50,01 mm	0,005 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (23 ± 2) °C với k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn, Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4675.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Thiết bị hoá mềm nhựa tự động**

Kiểu (*Type*): SYD-2806E Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 267028

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phạm vi đo *(range)*: Max 125°C
Độ phân giải *(Resolution)*: 0,1 °C

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4-07

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Bộ đo nhiệt độ đa kênh
Độ không đảm bảo đo U = 0,6 °C

Kết quả (*Results*): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

GIÁM ĐỐC
(Director)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4675.26

Chuẩn *(Standard)* (°C)	Chỉ thị *(Indicator)* (°C)	Số hiệu chỉnh *(Correction)* (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
20,3	20,0	0,3	2
25,6	25,0	0,6	
40,8	40	0,8	
61,2	60,0	1,2	
81,3	80,0	1,3	
101,3	100,0	1,3	

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC. 4676.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Bộ đo và điều khiển nhiệt độ**
- Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường

Kiểu (*Type*) : WSY-10(WSY-10A) Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 26357

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phạm vi đo *(range)*: Min -20 °C

Độ phân giải *(Resolution)*: 0,1 °C

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4-07

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh

Độ không đảm bảo đo U = 0,2 °C

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm	**GIÁM ĐỐC**
(Head of calibration Laboratory)	*(Director)*
Trần Đình Tấn	GIÁM ĐỐC Phạm Đông Dương

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ilac-MRA AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4676.26

Nhiệt độ chỉ thị *(Indicator)* °C	Nhiệt độ chuẩn *(Standard)* °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
-20	-20,52	-20,59	-20,51
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4677.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy nén Marshall - Điện tử hiển thị số**

Kiểu (*Type*) : FY-3A Số (*Serial №*) / Mã QL *(Tag №)*: 2603057

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phạm vi đo lớn nhất *(Max range)*: 30 kN
Giá trị độ chia *(Div)*: 0,01 kN

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : IMC.TB1.03 - Đầu đo lực *(Force transducers)*
Độ không đảm bảo đo *(Uncertainty)*, $U = 0{,}3.10^{-2}$
Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm	**GIÁM ĐỐC**
(Head of calibration Laboratory)	*(Director)*
Trần Đình Tấn	GIÁM ĐỐC Phạm Đông Dương

ilac-MRA AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

M.S.D.N: 0105822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4677.26

STT (№)	Giá trị chỉ thị (kN)	Giá trị đo được (kN)
1	0	0,00
2	3	2,98
3	6	5,91
4	9	8,93
5	12	11,92
6	15	14,92
7	18	17,96
8	21	20,96
9	24	23,92
10	27	26,93
11	30	29,89

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,9981x - 0,0334$$

Với x là giá trị chỉ thị trên thiết bị (kN), y là giá trị chuẩn (kN).

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (23 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P H 95%.

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4678.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Cần đo Benkenman**

Kiểu (*Type*) : N/A Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 116

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Tiêu chuẩn AASHTO T256

Giá trị độ chia: 0,01mm; Tỉ lệ: 2:1

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4 - 12

Cần đo Benkenman- Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

Bộ căn mẫu song phẳng cấp 1

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

M.S.D.N: 0106822764 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4678.26

Giá trị chuẩn *(Standard Value)*	**Giá trị chỉ thị** *(Indicated Value)*
1	0,47
3	1,48
4	1,97
5	2,45
7	3,46
8	3,96

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: 24°C; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4679.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Kích thủy lực**

Kiểu (*Type*) : Thủy lực Số (*Serial №*) / Mã QL *(Tag №)*: 389

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) :

Phạm vi đo lớn nhất *(Max range)*: 200 tấn

Đồng hồ áp suất: (0 ÷60) Mpa;

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : Đầu đo lực *(Force transducers)*

Độ không đảm bảo đo *(Uncertainty)*, $U = 0{,}12.10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4679.26

STT	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (MPa)	Giá trị đo được (kN)
1	0	0
2	10	308
3	20	562
4	30	819
5	40	1086
6	50	1336
7	60	1586

Phương trình hiệu chuẩn:
y = 26,207x + 27,643
Với y là lực (kN) và x là giá trị đọc trên kích (Mpa)

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (23 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1{,}2.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P H 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (23 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1{,}2.10^{-2}$, k = 2, P H 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4680.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Lò nung**

Kiểu *(Type)* : 4-10 Số *(Serial №)* / Mã QL*(Tag №)*: 250822

Nơi sản xuất *(Manufacturer)*: Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường *(Specification)*: Phạm vi đo *(range)*: Max 1000 °C
Độ phân giải *(Div)*: 1 °C

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện *(Method of calibration)*: QTHC 5.4-08

Lò Nung - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng *(Standards used)*:

Bộ đo nhiệt độ đa kênh;

Độ không đảm bảo đo U = 0,2 °C

Kết quả *(Results)* : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị *(Recalibration recommended)*: 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106327754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

ilac-MRA AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4680.26

Thiết bị đặt (°C)	Chuẩn đo được (°C)	Số hiệu chỉnh *(Correction)* (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
850	854	+3	3,0
910	915	+4	
950	955	+5	

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4681.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Cân điện tử**

Kiểu (*Type*) : HC-B5003 Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 3269

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phạm vi đo *(range)*: Max = 500g

Độ phân giải *(Resolution)*: d = 0,001g

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

IMC.TB1.34 - Quả cân F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4681.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	10	10,000	0,000	0,001
2	20	20,000	0,000	0,001
3	50	50,000	0,000	0,001
4	100	100,000	0,000	0,001
5	200	199,908	0,002	0,001
6	500	499,908	0,002	0,002

- Điều kiện môi trường *(Environmental Conditions)* :

	Nhiệt độ *(Temperature)* , °C	Độ ẩm *(Humidity)* , %RH
Bắt đầu	22,0	55,0
Kết thúc	22,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4682.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy đo điện trở đất**

Kiểu (*Type*) : KEW 4105A Số (*Serial №*) / Mã QL *(Tag №)*: W8104976

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) :

Phạm vi đo *(Range)* :	(0~20) Ω	ĐCX: ±2 % rdg ±0,1 dgt
	(0~200) Ω	ĐCX: ±2 % rdg ±3 dgt
	(0~2000) Ω	ĐCX: ±2 % rdg ±3 dgt

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*) : IMC.OHM-1.0

Dụng cụ đo điện trở - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : Hộp điện trở chuẩn

Chuẩn được liên kết tới chuẩn quốc gia

Kết quả (*Results*) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

ilac-MRA
AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822454 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4682.26

Thang đo	Giá trị chuẩn *Std. Input Value*	Giá trị đo được *Reading Value*	ĐKĐBĐ *Uncertainty* (k=2;95%CL)
20 Ω	1	0,99	0,50%
	10	10,01	
	19	19,02	
200 Ω	10	10,1	
	100	100,4	
	190	191,5	
2000 Ω	100	102	
	1000	1004	
	1900	1905	

Độ không đảm bảo đo được ước lượng với mức tin cậy 95% tương ứng hệ số phủ k = 2

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (23 ± 2) °C

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4683.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Cân điện tử**

Kiểu (*Type*) : BC-6 Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 8025421039

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Ohaus

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phạm vi đo *(range)*: Max = 6000 g

Độ phân giải *(Resolution)*: d = 0,1 g

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

IMC.TB1.34 - Quả cân F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

GIÁM ĐỐC
(Director)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4683.26

STT *(No)*	Mức cân *(Load)* g	Giá trị chỉ thị *(Indication)* g	Số hiệu chỉnh *(Correction)* g	ĐKĐBĐ U *(Uncertainty)* g
1	100	100,0	0,0	0,08
2	200	200,0	0,0	0,08
3	500	500,0	0,0	0,08
4	1000	1000,0	0,0	0,09
5	2000	2000,1	-0,1	0,11
6	6000	6000,1	-0,1	0,11

- Điều kiện môi trường *(Environmental Conditions)* :

	Nhiệt độ *(Temperature)* , °C	Độ ẩm *(Humidity)* , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4684.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Cân điện tử**

Kiểu (*Type*) : BC30 Số (*Serial №*) / Mã QL*(Tag №)*: 8025080152

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*): Phạm vi đo *(range)*: Max = 30.000 g

Độ phân giải *(Resolution)*: d = 1 g

Cơ .sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

IMC.TB1.35 - Bộ quả cân chuẩn F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4684.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	50	50	0	0,2
2	1.000	1.000	0	0,2
3	2.000	2.000	0	0,2
4	5.000	5.000	0	0,2
5	10.000	10.000	0	0,3
6	20.000	20.000	0	0,5
7	30.000	30.001	-1	0,6

- Điều kiện môi trường *(Environmental Conditions)* :

	Nhiệt độ *(Temperature)* , °C	Độ ẩm *(Humidity)* , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k = 2)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4685.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy thử độ bền nén**

Kiểu *(Type)* : TYE - 2000 Số *(Serial №)* / Mã QL*(Tag №)*: 054

Nơi sản xuất *(Manufacturer)* : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường *(Specification)* : Phạm vi đo *(Range)*: (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN

Phạm vi đo *(Range)*: (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện *(Method of calibration)*: ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng *(Standards used)* : IMC.TB1.03 - Đầu đo lực*(Force transducers)*

Độ không đảm bảo đo *(Uncertainty)*, $U = 0{,}12.10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả *(Results)* : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị *(Recalibration recommended)*: 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm	**GIÁM ĐỐC**
(Head of calibration Laboratory)	*(Director)*
Phạm Quang Duy	**Phạm Đông Dương**

ilac-MRA AOSC VLAC 1.1230 ISO/IEC 17025:2017

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4685.26

TT	Chỉ thị trên thiết bị (kN)	Lực đo được (kN)
Thang đo (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN		
01	0	0,0
02	150	150,0
03	300	302,0
04	450	451,4
05	600	605,5
06	750	757,2
Thang đo (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN		
01	0	0,0
02	300	299,9
03	600	603,2
04	900	891,7
05	1200	1201,0
06	1500	1496,9
07	1800	1807,9

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1{,}0.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.
- Địa chỉ hiệu chuẩn : Thôn Tành Hanh, xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai.

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn, Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4686.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Máy thử độ bền kéo, nén, uốn** ***(Universal testing machine)***

Kiểu *(Type)* : WE - 1000 B Số *(Serial №)* / Mã QL(Tag №): 058

Nơi sản xuất *(Manufacturer)* : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường *(Specification)* : Phạm vi đo lớn nhất *(Max range)*: 1000 kN

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện *(Method of calibration)*: ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng *(Standards used)* : IMC.TB1.03 - Đầu đo lực *(Force transducers)*
Độ không đảm bảo đo *(Uncertainty)*, $U = 0{,}16.10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả *(Results)* : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị *(Recalibration recommended)*: 25 - 05 - 27

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm	**GIÁM ĐỐC**
(Head of calibration Laboratory)	*(Director)*
Trần Đình Tấn	GIÁM ĐỐC Phạm Đông Dương

VLAC 1.1230
ISO/IEC 17025:2017

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.4686.26

Chỉ thị trên máy (*Indicated on WE-1000B*) (kN)	Lực đo được (*Measured force*) (kN)	Chỉ thị trên máy (*Indicated on WE-1000B*) (kN)	Lực đo được (*Measured force*) (kN)
Thang đo (0 ÷ 1000) kN;d = 2 kN		***Thang đo (0 ÷ 500) kN;d = 1 kN***	
0	0,00	0	0,00
150	150,22	80	80,21
300	301,54	160	161,14
450	452,61	240	241,22
600	603,45	320	322,52
750	753,32	400	402,41
900	904,24	480	483,33
Thang đo (0 ÷ 200) kN;d = 0,5 kN			
0	0,00		
30	30,22		
60	60,31		
90	90,35		
120	120,38		
150	150,42		
180	181,16		

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1{,}0.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

  (The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1{,}0.10^{-2}$, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

SỐ: 07/2026/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội thông ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 05 năm 2026, tại Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ: Tổ 4 - Khu phố Giếng Đáy 6 - Phường Việt Hưng – Tỉnh Quảng Ninh

Tel: 0393525905

MST: 5701922682

Số TK: 116003057951 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Quảng Ninh

Do Bà: **Bùi Thị Nam Thương** Chức vụ: Phó Giám đốc - Làm đại diện

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC

Địa chỉ: Tổ 4 - Khu phố Giếng Đáy 6 - Phường Việt Hưng – Tỉnh Quảng Ninh

Tel: 0973024100

MST: 0102288429-002

Số TK: 118000060924 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Quảng Ninh

Do Ông: **Cao Văn Phương** Chức vụ: Giám đốc - Làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VND)	(%) VAT	Thành tiền (VND)
A	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MÓI HÀN**					
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH	1	bộ	65,500,000	8	70,740,000
	- Model: WE-1000B (Code: TN087) (Ngàm kẹp thủy lực)					
	- Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0-40mm					

	- Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép. - Hành trình piston 166 mm - Kích thước máy: H2200xD760xW1900 - Trọng lượng: 3300 kg - Điện áp nguồn: 380V/220V/50Hz, 1,5 KW					
2	Búa uốn của máy kéo thép LUDA-T-TECH Đường kính búa uốn: D70; D90; D30 mm	3	bộ	300,000	8	972,000
B	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG**					
1	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA-TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024)	1	chiếc	20,000,000	8	21,600,000
	- Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/SKN Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam					
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nên tự động, tự động lưu giữ kết qủa nén bằng đồng hồ hai kim.					
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ					
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha					
	- Kích thước: 850x450x1400, 750kg					
2	Côn thử độ sụt bê tông NI - T.TECH Model: TC328 - Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 - Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu	1	bộ	260,000	8	280,800
3	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	9	chiếc	150,000	8	1,458,000
4	Khuôn trụ dk150 x 300-T.TECHModel: TC409	9	chiếc	160,000	8	1,555,200
5	Đế Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	1	bộ	200,000	8	216,000
C	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY**					
1	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 - Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 13 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	250,000	8	270,000
2	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094	1	chiếc	300,000	8	324,000

	Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW					
3	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	2	chiếc	100,000	8	216,000
4	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134 Kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	500,000	8	540,000
D	**THÍ NGHIỆM ĐẤT- ĐÁ - CÁP PHỐI - CÁT**					
1	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198	1	bộ	550,000	8	594,000
2	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 -T.TECH	1	bộ	400,000	8	432,000
3	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260	2	chiếc	50,000	8	108,000
4	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: :75; 70; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; 10,090 + đáy và nắp	33	chiếc	40,000	8	1,425,600
5	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	chiếc	300,000	8	324,000
6	Bộ thí nghiệm giới hạn đèo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hop duve	1	bộ	580,000	8	626,400
7	Bộ xi lanh nên đập đá D150-T.TECH Model: TA66	1	bộ	500,000	8	540,000
8	Phễu xác định độ xốp của đá - T. TECH Model: TA754	1	chiếc	500,000	8	540,000
9	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	1	chiếc	100,000	8	108,000
10	Hộp ẩm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	20	chiếc	20,000	8	432,000
11	Hộc đong 1 lít - T.TECH Model: TC347	1	chiếc	50,000	8	54,000
12	Hộc đong 2 lít - T.TECH Model: TC348	1	chiếc	50,000	8	54,000

13	Hộc đong 5 lít - T.TECH Model: TC350	1	chiếc	100,000	8	108,000
14	Hộc đong 10 lít - T.TECH Model: TC352	1	chiếc	200,000	8	216,000
15	Hộc đong 15 lít - T.TECH Model: TC353	1	chiếc	230,000	8	248,400
16	Hộc đong 20 lít - T.TECH Model: TC355	1	chiếc	250,000	8	270,000
17	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	1	bộ	180,000	8	194,400
18	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	1	chiếc	250,000	8	270,000
E	**THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG**					
1	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm đựng trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh ghim - T.TECH Model: TS342	2	bộ	300,000	8	648,000
2	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH Model: TS036, kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	bộ	500,000	8	540,000
3	Máy đo điện trở đất - KYORITSU - NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	1	bộ	2000,000	8	2,160,000
F	**THIẾT BỊ DÙNG CHUNG**					
1	Ống đong 50 ml, Model: TV109	1	chiếc	30,000	8	32,400
2	Ống đong 100 ml, Model: TV110	1	chiếc	40,000	8	43,200
3	Ống đong 250 ml, Model: TV111	2	chiếc	60,000	8	129,600
4	Ống đong 500 ml, Model: TV112	2	chiếc	80,000	8	172,800
5	Ống đong 1000 ml, Model: TV113	4	chiếc	120,000	8	518,400
6	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	1	chiếc	40,000	8	43,200
7	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	2	chiếc	50,000	8	108,000
8	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	2	chiếc	80,000	8	172,800
9	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	2	chiếc	120,000	8	259,200
10	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	1	chiếc	2,000,000	8	2,160,000

11	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	1	chiếc	2,000,000	8	2,160,000
12	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)	1	chiếc	1,300,000	8	1,404,000
13	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101	2	chiếc	80,000	8	172,800
14	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	1	lít	100,000	8	108,000
15	Bộ Sàng đường kính D300mm - TQ	20	chiếc	50,000	8	1,080,000
16	Máy lắt sàng – TQ; Code: TN002	1	chiếc	2,500,000	8	2,700,000
17	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn-VN	1	chiếc	1,000,000	8	1,080,000
18	Rọ cân trong nước dung tích 5 lit - VN	1	chiếc	100,000	8	108,000
19	Rọ cân trong nước dung tích 3 lit - VN	1	chiếc	90,000	8	97,200
20	Hoá chất Na2SO4 - TQ; model: TV455	1	lít	100,000	8	108,000
21	Hoá chất Mg2SO4 - TQ; model: TV455	3	lít	100,000	8	324,000
22	Bình thủy tinh dung tích 1 lít, miệng phẳng	1	chiếc	40,000	8	43,200
23	Nhiệt kế kim loại 250oC - TQ	1	chiếc	100,000	8	108,000
24	Tỷ trọng kế	1	chiếc	250,000	8	270,000
25	Máy khoan bê tông chạy điện D100 - HQ	1	chiếc	7,000,000	8	7,560,000
26	Mũi khoan kim cương D100 - HQ	1	chiếc	1,200,000	8	1,296,000
	TỔNG CỘNG:					**130,323,600**

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng: **130,323,600 VNĐ**

Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu, ba tram hai mươi ba nghìn, sáu trăm đồng./.

Giá trên là giá đã bao gồm:

- Thuế VAT.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị đã qua sử dụng, hoạt động tốt, phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao:

- Thời gian bàn giao: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (với điều kiện Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng này).

- Địa điểm bàn giao: Tổ 4 - Khu phố Giếng Đáy 6 - Phường Việt Hưng – Tỉnh Quảng Ninh.

Điều 5: Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền Đồng Việt Nam (tiền mặt hoặc chuyển khoản)
- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng khi bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A.

Điều 6: Các điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

- Trong mọi trường hợp xảy ra, thì cả cá nhân người đại diện bên này phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên kia về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

- Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế Tỉnh Quảng Ninh giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế Tỉnh Quảng Ninh là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và các bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng mà không có phát sinh tranh chấp gì thêm thì Hợp đồng tự động được thanh lý.

- Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Bùi Thị Nam Thương	Cao Văn Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ

- Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số: 07/2026/HĐKT ký ngày 10 tháng 05 năm 2026 giữa Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc và Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn và kiểm định công trình VNC.

Hôm nay, ngày 18 tháng 05 năm 2026, tại Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ: Tổ 4 - Khu phố Giếng Đáy 6 - Phường Việt Hưng – Tỉnh Quảng Ninh

Tel: 0393525905

MST: 5701922682

Số TK: 116003057951 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Quảng Ninh

Do Bà: **Bùi Thị Nam Thương** Chức vụ: Phó Giám đốc - Làm đại diện

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC

Địa chỉ: Tổ 4 - Khu phố Giếng Đáy 6 - Phường Việt Hưng – Tỉnh Quảng Ninh

Tel: 0973024100

MST: 0102288429-002

Số TK: 118000060924 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Quảng Ninh

Do Ông: **Cao Văn Phương** Chức vụ: Giám đốc - Làm đại diện

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận máy móc thiết bị do bên B bàn giao cho bên A như sau:

Điều 1: Bàn giao máy móc, thiết bị:

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Ghi chú
A	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**			
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH	1	bộ	
	- Model: WE-1000B (Code: TN087) (Ngàm kẹp thủy lực)			
	- Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0-40mm			
	- Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép. - Hành trình piston 166 mm - Kích thước máy: H2200xD760xW1900 - Trọng lượng: 3300 kg - Điện áp nguồn: 380V/220V/50Hz, 1,5 KW			

2	Búa uốn của máy kéo thép LUDA-T-TECH Đường kính búa uốn: D70; D90; D30 mm	3	bộ	
B	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG**			
1	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA-TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024)	1	chiếc	
	- Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/SKN Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam			
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nên tự động, tự động lưu giữ kết qủa nén bằng đồng hồ hai kim.			
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ			
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha			
	- Kích thước: 850x450x1400, 750kg			
2	Côn thử độ sụt bê tông NI - T.TECH Model: TC328 - Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 - Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu	1	bộ	
3	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	9	chiếc	
4	Khuôn trụ dk150 x 300-T.TECHModel: TC409	9	chiếc	
5	Đề Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	1	bộ	
C	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY**			
1	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 - Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 13 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	
2	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094 Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	chiếc	
3	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	2	chiếc	
4	Bàn dằn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134 Kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	

D	**THÍ NGHIỆM ĐẤT- ĐÁ - CÁP PHỐI - CÁT**			
1	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198	1	bộ	
2	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - T.TECH	1	bộ	
3	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260	2	chiếc	
4	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: :75; 70; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; 10,090 + đây và nắp	33	chiếc	
5	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	chiếc	
6	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hop duve	1	bộ	
7	Bộ xi lanh nên đập đá D150-T.TECH Model: TA66	1	bộ	
8	Phễu xác định độ xốp của đá - T. TECH Model: TA754	1	chiếc	
9	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	1	chiếc	
10	Hộp ẩm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	20	chiếc	
11	Hộc đong 1 lít - T.TECH Model: TC347	1	chiếc	
12	Hộc đong 2 lít - T.TECH Model: TC348	1	chiếc	
13	Hộc đong 5 lít - T.TECH Model: TC350	1	chiếc	
14	Hộc đong 10 lít - T.TECH Model: TC352	1	chiếc	
15	Hộc đong 15 lít - T.TECH Model: TC353	1	chiếc	
16	Hộc đong 20 lít - T.TECH Model: TC355	1	chiếc	
17	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	1	bộ	
18	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	1	chiếc	

E	**THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG**			
1	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm đựng trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh ghim - T.TECH Model: TS342	2	bộ	
2	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH Model: TS036, kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	bộ	
3	Máy đo điện trở đất - KYORITSU - NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	1	bộ	
F	**THIẾT BỊ DÙNG CHUNG**			
1	Ống đong 50 ml, Model: TV109	1	chiếc	
2	Ống đong 100 ml, Model: TV110	1	chiếc	
3	Ống đong 250 ml, Model: TV111	2	chiếc	
4	Ống đong 500 ml, Model: TV112	2	chiếc	
5	Ống đong 1000 ml, Model: TV113	4	chiếc	
6	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	1	chiếc	
7	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	2	chiếc	
8	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	2	chiếc	
9	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	2	chiếc	
10	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	1	chiếc	
11	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	1	chiếc	
12	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)	1	chiếc	
13	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101	2	chiếc	
14	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	1	lít	
15	Bộ Sàng đường kính D300mm - TQ	20	chiếc	
16	Máy lắt sàng – TQ; Code: TN002	1	chiếc	

17	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn-VN	1	chiếc	
18	Rọ cân trong nước dung tích 5 lit - VN	1	chiếc	
19	Rọ cân trong nước dung tích 3 lit - VN	1	chiếc	
20	Hoá chất Na2SO4 - TQ; model: TV455	1	lít	
21	Hoá chất Mg2SO4 - TQ; model: TV455	3	lít	
22	Bình thủy tinh dung tích 1 lít, miệng phẳng	1	chiếc	
23	Nhiệt kế kim loại 250oC - TQ	1	chiếc	
24	Tỷ trọng kế	1	chiếc	
25	Máy khoan bê tông chạy điện D100 - HQ	1	chiếc	
26	Mũi khoan kim cương D100 - HQ	1	chiếc	

- Tình trạng thiết bị: Thiết bị đã qua sử dụng, hoạt động tốt, phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Bên B đã bàn giao, bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại máy móc, thiết bị trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số:07/2026/HĐKT ký ngày 10 tháng 05 năm 2026 giữa Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc và Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn và kiểm định công trình VNC. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi bàn giao.

- Biên bản bàn giao này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Bùi Thị Nam Thương	Cao Văn Phương

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial No):* **1C26TNC**
Số *(No):* **15**

Ngày 20 tháng 5 năm 2026

Mã cơ quan thuế: 00BC8D90FDC10E4E43833A347FA3E983FA

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn Mẫu số 1 ký hiệu C26TNC số 14 ngày 19 tháng 5 năm 2026

Tên người bán *(Seller):* **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC**

Địa chỉ *(Address):* Tổ 4 Khu 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Mã số thuế *(Tax code):* **0102288429-002**

Điện thoại *(Tel):* 0973024100

Số tài khoản *(Acount no.):* 118000060924

Ngân hàng *(Bank):* Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi Nhánh Bãi Cháy

Họ tên người mua *(Customer):*

Tên đơn vị *(Company):* **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC**

Địa chỉ *(Address):* Tổ 4, khu 6, Phường Việt Hưng, Quảng Ninh

Mã số thuế *(Tax code):* **5701922682**

Đồng tiền thanh toán *(Currency):* **VND**

Số tài khoản *(Acount no.):*

Ngân hàng *(Bank):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* Chuyển khoản

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH- Model: WE-1000B (Code: TN087) (Ngàm kẹp thủy lực)	bộ	1	65.500.000	65.500.000
2	Búa uốn của máy kéo thép LUDA-T-TECH Đường kính búa uốn: D70; D90; D30 mm	bộ	3	300.000	900.000
3	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA-TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024) - Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/SKN	chiếc	1	20.000.000	20.000.000
4	Côn thử độ sụt bê tông NI - T.TECH Model: TC328	bộ	1	260.000	260.000
5	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	chiếc	9	150.000	1.350.000
6	Khuôn trụ dk150 x 300-T.TECHModel: TC409	chiếc	9	160.000	1.440.000
7	Đề Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	bộ	1	200.000	200.000
8	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064	bộ	1	250.000	250.000
9	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094	chiếc	1	300.000	300.000
10	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	chiếc	2	100.000	200.000
11	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134	bộ	1	500.000	500.000
12	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198	bộ	1	550.000	550.000
13	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 -T.TECH	bộ	1	400.000	400.000
14	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260	chiếc	2	50.000	100.000

Mã nhận hóa đơn: **05ade95** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C26TNC**
Số *(No)*: **15**

Ngày 20 tháng 5 năm 2026

Mã cơ quan thuế: 00BC8D90FDC10E4E43833A347FA3E983FA

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn Mẫu số 1 ký hiệu C26TNC số 14 ngày 19 tháng 5 năm 2026

Tên người bán *(Seller)*: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4 Khu 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Mã số thuế *(Tax code)*: **0102288429-002**

Điện thoại *(Tel)*: 0973024100

Số tài khoản *(Acount no.)*: 118000060924

Ngân hàng *(Bank)*: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi Nhánh Bãi Cháy

Họ tên người mua *(Customer)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, khu 6, Phường Việt Hưng, Quảng Ninh

Mã số thuế *(Tax code)*: **5701922682**

Đồng tiền thanh toán *(Currency)*: **VND**

Số tài khoản *(Acount no.)*:

Ngân hàng *(Bank)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
15	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: :75; 70; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; 10,090 + đáy và nắp	chiếc	33	40.000	1.320.000
16	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	chiếc	1	300.000	300.000
17	Bộ thí nghiệm giới hạn đèo của đất Model: TS169	bộ	1	580.000	580.000
18	Bộ xi lanh nên đập đá D150-T.TECH Model: TA66	bộ	1	500.000	500.000
19	Phễu xác định độ xốp của đá - T. TECH Model: TA754	chiếc	1	500.000	500.000
20	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	chiếc	1	100.000	100.000
21	Hộp ẩm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	chiếc	20	20.000	400.000
22	Hộc đong 1 lít - T.TECH Model: TC347	chiếc	1	50.000	50.000
23	Hộc đong 2 lít - T.TECH Model: TC348	chiếc	1	50.000	50.000
24	Hộc đong 5 lít - T.TECH Model: TC350	chiếc	1	100.000	100.000
25	Hộc đong 10 lít - T.TECH Model: TC352	chiếc	1	200.000	200.000
26	Hộc đong 15 lít - T.TECH Model: TC353	chiếc	1	230.000	230.000
27	Hộc đong 20 lít - T.TECH Model: TC355	chiếc	1	250.000	250.000
28	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	bộ	1	180.000	180.000
29	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	chiếc	1	250.000	250.000
30	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm đựng trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh ghim - T.TECH Model: TS342	bộ	2	300.000	600.000
31	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH Model: TS036, kèm 03 lưỡi dao TS084-01	bộ	1	500.000	500.000

Mã nhận hóa đơn: **05ade95** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Tiep theo trang truoc - Trang 2/4

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial No):* **1C26TNC**
Số *(No):* **15**

Ngày 20 tháng 5 năm 2026

Mã cơ quan thuế: 00BC8D90FDC10E4E43833A347FA3E983FA

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn Mẫu số 1 ký hiệu C26TNC số 14 ngày 19 tháng 5 năm 2026

Tên người bán *(Seller):* **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC**

Địa chỉ *(Address):* Tổ 4 Khu 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Mã số thuế *(Tax code):* **0102288429-002**

Điện thoại *(Tel):* 0973024100

Số tài khoản *(Acount no.):* 118000060924

Ngân hàng *(Bank):* Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi Nhánh Bãi Cháy

Họ tên người mua *(Customer):*

Tên đơn vị *(Company):* **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC**

Địa chỉ *(Address):* Tổ 4, khu 6, Phường Việt Hưng, Quảng Ninh

Mã số thuế *(Tax code):* **5701922682**

Đồng tiền thanh toán *(Currency):* **VND**

Số tài khoản *(Acount no.):*

Ngân hàng *(Bank):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* Chuyển khoản

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
32	Máy đo điện trở đất - KYORITSU - NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	bộ	1	2.000.000	2.000.000
33	Ống đong 50 ml, Model: TV109	chiếc	1	30.000	30.000
34	Ống đong 100 ml, Model: TV110	chiếc	1	40.000	40.000
35	Ống đong 250 ml, Model: TV111	chiếc	2	60.000	120.000
36	Ống đong 500 ml, Model: TV112	chiếc	2	80.000	160.000
37	Ống đong 1000 ml, Model: TV113	chiếc	4	120.000	480.000
38	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	chiếc	1	40.000	40.000
39	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	chiếc	2	50.000	100.000
40	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	chiếc	2	80.000	160.000
41	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	chiếc	2	120.000	240.000
42	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	chiếc	1	2.000.000	2.000.000
43	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	chiếc	1	2.000.000	2.000.000
44	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)	chiếc	1	1.300.000	1.300.000
45	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101	chiếc	2	80.000	160.000
46	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	lít	1	100.000	100.000
47	Bộ Sàng đường kính D300mm - TQ	chiếc	20	50.000	1.000.000
48	Máy lắt sàng – TQ; Code: TN002	chiếc	1	2.500.000	2.500.000
49	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn-VN	chiếc	1	1.000.000	1.000.000
50	Rọ cân trong nước dung tích 5 lit - VN	chiếc	1	100.000	100.000

Mã nhận hóa đơn: **05ade95** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Tiep theo trang truoc - Trang 3/4

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C26TNC**
Số *(No)*: **15**

Ngày 20 tháng 5 năm 2026

Mã cơ quan thuế: 00BC8D90FDC10E4E43833A347FA3E983FA

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn Mẫu số 1 ký hiệu C26TNC số 14 ngày 19 tháng 5 năm 2026

Tên người bán *(Seller)*: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4 Khu 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Mã số thuế *(Tax code)*: **0102288429-002**

Điện thoại *(Tel)*: 0973024100

Số tài khoản *(Acount no.)*: 118000060924

Ngân hàng *(Bank)*: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi Nhánh Bãi Cháy

Họ tên người mua *(Customer)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, khu 6, Phường Việt Hưng, Quảng Ninh

Mã số thuế *(Tax code)*: **5701922682**

Đồng tiền thanh toán *(Currency)*: **VND**

Số tài khoản *(Acount no.)*:

Ngân hàng *(Bank)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
51	Rọ cân trong nước dung tích 3 lit - VN	chiếc	1	90.000	90.000
52	Hoá chất Na2SO4 - TQ; model: TV455	lít	1	100.000	100.000
53	Hoá chất Mg2SO4 - TQ; model: TV455	lít	3	100.000	300.000
54	Bình thủy tinh dung tích 1 lít, miệng phẳng	chiếc	1	40.000	40.000
55	Nhiệt kế kim loại 250oC - TQ	chiếc	1	100.000	100.000
56	Tỷ trọng kế	chiếc	1	250.000	250.000
57	Máy khoan bê tông chạy điện D100 - HQ	chiếc	1	7.000.000	7.000.000
58	Mũi khoan kim cương D100 - HQ	chiếc	1	1.200.000	1.200.000
	Theo hợp đồng kinh tế số:07/2026/HĐKT ký ngày 10/05/2026.				
				Tổng tiền trước thuế (Total amount):	**120.670.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%**				**Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):**	**9.653.600**
				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	**130.323.600**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): *Một trăm ba mươi triệu ba trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng./.*

Người mua hàng
(Customer)
Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng
(Seller)
Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC
Ngày ký: 20-05-2026

HÓA ĐƠN ĐÃ ĐƯỢC CẤP MÃ BỞI TỔNG CỤC THUẾ

Mã nhận hóa đơn: **05ade95** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Tiep theo trang truoc - Trang 4/4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

= = = o0o = = =

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 095/2010/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005.
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông ngày 14 tháng 06 năm 2005.
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại.

Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 8 năm 2010, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC

Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 6 - Phường Giếng đáy - TP. Hạ Long - T. Quảng Ninh

Tel: 0333.515.992 Fax: 0333.515.993

MST: 0102288429-002

Số TK: 102010 001051072 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bãi Cháy

Do Ông: **Cao Văn Phương** - Giám đốc - làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

Địa chỉ: Số 35 Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 04.5533622; fax: 04. 5533038

MST: 01 01 479 607

Số TK: 45.010.002.399.661 tại Ngân hàng Đầu tư & phát triển VN-chi nhánh Hà tây

Do Ông: **Đỗ Hữu Thế** - Phó Tổng Giám đốc - làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
A	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**					
1	**Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH**	1	bộ	161,500,000	10	177,650,000
	- Model: WE-1000B (Code: TN087) (Ngàm kẹp thủy lực)					
	-Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN					
	- Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0 - 40mm					
	- Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép. - Hành trình piston 166mm					

Được quét bằng CamScanner

	- Kích thước máy: H2200xD760xW1900 - Trọng lượng: 3300kg					
	- Điện áp nguồn: 380V/220V/50Hz, 1,5 KW					
2	Búa uốn của máy kéo thép LUDA - T-TECH Đường kính búa uốn: D70; D90; D30 mm	3	bộ	300,000	10	990,000
B	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG**					
1	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA - TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024)	1	ch	58,100,000	10	63,910,000
	- Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN					
	- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam					
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết qủa nén bằng đồng hồ hai kim.					
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ					
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha					
	- Kích thước: 850x450x1400, 750kg					
2	Côn thử độ sụt bê tông N1 - T.TECH Model: TC328 Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu.	1	bộ	960,000	10	1,056,000
3	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	9	ch	350,000	10	3,465,000
4	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH Model: TC409	9	ch	460,000	10	4,554,000
5	Đế Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	1	bộ	1,200,000	10	1,320,000
C	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY**					
1	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	1,150,000	10	1,265,000
2	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094 Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	ch	960,000	10	1,056,000
3	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	2	ch	160,000	10	352,000
4	Bàn dằn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134 kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	1,300,000	10	1,430,000
D	**THÍ NGHIỆM ĐẤT- ĐÁ - CẤP PHỐI - CÁT**					
1	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198 -	1	bộ	1,150,000	10	1,265,000
2	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - T.TECH	1	bộ	960,000	10	1,056,000

Được quét bằng CamScanner

3	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260	2	ch	50,000	10	110,000
4	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: :75; 70; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; 0.090 + đáy và nắp	32	ch	140,000	10	4,928,000
5	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	ch	1,300,000	10	1,430,000
6	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hộp đựng.	1	bộ	580,000	10	638,000
7	Bộ xi lanh nén dập đá D150-T.TECH Model: TA661	1	bộ	900,000	10	990,000
8	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH Model: TA754	1	ch	960,000	10	1,056,000
9	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	1	ch	580,000	10	638,000
10	Hộp ẩm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	20	ch	40,000	10	880,000
11	Hộc đong 1 lít-T.TECH Model: TC347	1	ch	150,000	10	165,000
12	Hộc đong 2 lít-T.TECH Model: TC348	1	ch	200,000	10	220,000
13	Hộc đong 5 lít-T.TECH Model: TC350	1	ch	300,000	10	330,000
14	Hộc đong 10 lít-T.TECH Model: TC352	1	ch	400,000	10	440,000
16	Hộc đong 20 lít-T.TECH Model: TC355	1	ch	550,000	10	605,000
17	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	1	bộ	480,000	10	528,000
18	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	1	ch	550,000	10	605,000
E	**THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG**					
1	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim-T.TECH Model: TS342	2	bộ	800,000	10	1,760,000
2	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH. Model: TS036. kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	bộ	1,600,000	10	1,760,000
3	Máy đo điện trở đất - KYORITSU-NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	1	bộ	5,200,000	10	5,720,000
F	**THIẾT BỊ DÙNG CHUNG**					
1	ống đong 50 ml, Model: TV109	1	ch	30,000	10	33,000

Được quét bằng CamScanner

2	ống đong 100 ml, Model: TV110	1	ch	40,000	10	44,000
3	ống đong 250 ml, Model: TV111	2	ch	60,000	10	132,000
4	ống đong 500 ml, Model: TV112	2	ch	80,000	10	176,000
5	ống đong 1000 ml, Model: TV113	4	ch	120,000	10	528,000
6	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	1	ch	40,000	10	44,000
7	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	2	ch	50,000	10	110,000
8	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	2	ch	80,000	10	176,000
9	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	2	ch	120,000	10	264,000
10	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	1	ch	6,900,000	10	7,590,000
11	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	1	ch	6,900,000	10	7,590,000
12	Tủ sấy 300^{0}C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)	1	ch	3,300,000	10	3,630,000
13	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101	2	ch	80,000	10	176,000
14	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	1	lít	100,000	10	110,000
G	**CÁC CHI PHÍ KHÁC**					
1	Phí lắp đặt, phí chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm	1	lô	6,000,000	10	6,600,000
	TỔNG CỘNG:					**309,375,000**

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng: 309,375,000 VNĐ

Bằng chữ : Ba trăm lẻ chín triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn./.

Giá trên là giá đã bao gồm:

- Thuế VAT.

- Phí vận chuyển, lắp đặt và chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại Cơ quan bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong 06 tháng 8 năm 2010 (với điều kiện Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng này).

- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: tại TP. Hạ Long - Quảng Ninh

- Phương thức bàn giao nghiệm thu thiết bị và thanh toán từng phần: Cho phép.

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền Đồng Việt Nam (tiền mặt hoặc chuyển khoản) tại các thời điểm như sau:

- Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 30% giá trị Hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.

Được quét bằng CamScanner

- Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 60% giá trị của hợp đồng khi xe hàng của bên B vào tới địa chỉ lắp đặt, trước khi bên B xuống hàng. Sau khi bên B nhận được số tiền 60% giá trị của Hợp đồng từ bên A thì bên B sẽ tiến hành bàn bàn giao lắp đặt và hướng dẫn sử dụng cho bên A.

- Lần 3 thanh toán: Bên A thanh toán nốt cho bên B giá trị còn lại của hợp đồng khi bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A.

Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:

+ Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1% tuần đối với số thiết bị còn thiếu.

+ Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1% tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 7:Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì cá nhân người đại diện bên này phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên kia về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Cao Văn Phương	ĐỖ HỮU THẾ

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP ĐT PT CÔNG NGHỆ THĂNG LONG
Hãng Sản xuất Thiết bị Thí nghiệm đầu tiên tại Việt Nam
XD LAS 400
Trụ sở Hà Nội: 106BT2A, KĐT Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, TP.Hà Nội; *Tel: 0913203898; 04.35533622; *Fax: 04.35533038
Chi nhánh TP.HCM: số 347 D5, P25 Q. Bình Thạnh, TP. HCM ; *Tel: 0983203898; 08.35120676; Fax: 08.35120675

Số:139/2010 *Tp.Hà nội, ngày 06 tháng 8 năm 2010*

PHIẾU XUẤT KHO

Tên Công ty: CN CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC

MST: 0102288429-002

Tên khách hàng: Cao Văn Phương Di động: .....

Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 6 - P. Giếng đáy - TP. Hạ Long - T. Quảng Ninh

Người bán hàng: Nguyễn Quang Hưng

TT	Tên thiết bị (ghi chi tiết phụ kiện)	SL	ĐVT	Đơn giá	VAT	Thành tiền
A	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MÓI**					
1	**Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH**	1	bộ	161,500,000	10	177,650,000
	- Model: WE-1000B (Code: TN087) (Ngàm kẹp thủy lực)					
	-Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN					
	- Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0 - 40mm					
	- Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép. - Hành trình piston 166mm					
	- Kích thước máy: H2200xD760xW1900 - Trọng lượng: 3300kg					
	- Điện áp nguồn: 380V/220V/50Hz, 1,5 KW					
2	Búa của máy kéo thép LUDA: D90; D70; D30mm	3	ch	300,000	10	990,000
B	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG**					
1	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA - TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024)	1	ch	58,100,000	10	63,910,000
	- Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN					
	- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam					
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết qủa nén bằng đồng hồ hai					
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ					
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha					
	- Kích thước: 850x450x1400, 750kg					

Được quét bằng CamScanner

2	Côn thử độ sụt bê tông N1 - T.TECH Model: TC328 Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu.	1	bộ	960,000	10	1,056,000
3	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	9	ch	350,000	10	3,465,000
4	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH Model: TC409	9	ch	460,000	10	4,554,000
5	Đế Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	1	bộ	1,200,000	10	1,320,000
C	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY**					
1	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	1,150,000	10	1,265,000
2	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094 Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	ch	960,000	10	1,056,000
3	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	2	ch	160,000	10	352,000
4	Bàn dằn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134 kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	1,300,000	10	1,430,000
D	**THÍ NGHIỆM ĐẤT- ĐÁ - CẤP PHỐI -**					
1	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198 -	1	bộ	1,150,000	10	1,265,000
2	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - T.TECH	1	bộ	960,000	10	1,056,000
3	Dao đẽ gạt đất - T.TECH; Model: TS260	2	ch	50,000	10	110,000
4	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: :75; 70; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; 0.090 + đáy và nắp	33	ch	140,000	10	5,082,000
5	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	ch	1,300,000	10	1,430,000
6	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hộp đựng.	1	bộ	580,000	10	638,000
7	Bộ xi lanh nén dập đá D150-T.TECH Model: TA661	1	bộ	900,000	10	990,000

Được quét bằng CamScanner

8	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH Model: TA754	1	ch	960,000	10	1,056,000
9	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	1	ch	580,000	10	638,000
10	Hộp ẩm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	20	ch	40,000	10	880,000
11	Hộc đong 1 lít-T.TECH Model: TC347	1	ch	150,000	10	165,000
12	Hộc đong 2 lít-T.TECH Model: TC348	1	ch	200,000	10	220,000
13	Hộc đong 5 lít-T.TECH Model: TC350	1	ch	300,000	10	330,000
14	Hộc đong 10 lít-T.TECH Model: TC352	1	ch	400,000	10	440,000
15	Hộc đong 15 lít-T.TECH Model: TC353	1	ch	500,000	10	550,000
16	Hộc đong 20 lít-T.TECH Model: TC355	1	ch	550,000	10	605,000
17	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	1	bộ	480,000	10	528,000
18	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	1	ch	550,000	10	605,000
E	**THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG**					
1	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim-T.TECH Model: TS342	2	bộ	800,000	10	1,760,000
2	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH. Model: TS036. kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	bộ	1,600,000	10	1,760,000
3	Máy đo điện trở đất - KYORITSU-NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	1	bộ	5,200,000	10	5,720,000
F	**THIẾT BỊ DÙNG CHUNG**					
1	ống đong 50 ml, Model: TV109	1	ch	30,000	10	33,000
2	ống đong 100 ml, Model: TV110	1	ch	40,000	10	44,000
3	ống đong 250 ml, Model: TV111	2	ch	60,000	10	132,000
4	ống đong 500 ml, Model: TV112	2	ch	80,000	10	176,000
5	ống đong 1000 ml, Model: TV113	4	ch	120,000	10	528,000
6	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	1	ch	40,000	10	44,000
7	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	2	ch	50,000	10	110,000
8	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	2	ch	80,000	10	176,000
9	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	2	ch	120,000	10	264,000
10	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	1	ch	6,900,000	10	7,590,000
11	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	1	ch	6,900,000	10	7,590,000

Được quét bằng CamScanner

12	Tủ sấy 300^{0}C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)	1	ch	3,300,000	10	3,630,000
13	Bảng màu chuẩn	2	ch	80,000	10	176,000
14	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	1	lít	100,000	10	110,000
G	**CÁC CHI PHÍ KHÁC**					
1	Phí lắp đặt, phí chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm	1	lô	6,000,000	10	6,600,000
	TỔNG CỘNG:					**310,079,000**

- Thiết bị mới 100%, đúng chủng loại, đủ số lượng, hoạt động tốt khi bàn giao.
- Tiền thanh toán:.....
- Ghi chú: .....

NGƯỜI NHẬN: **NGƯỜI GIAO:** **THỦ KHO:** **TỔNG GIÁM ĐỐC:**

Nguyễn Văn Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ HỮU THẾ

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 095/2010/HĐKT ký ngày 04 tháng 8 năm 2010 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình VNC và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Thăng Long.

Hôm nay, ngày 06 tháng 8 năm 2010, chúng tôi gồm có:

BÊN NHẬN: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VNC

Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 6 - P. Giếng đáy - TP. Hạ Long - T. Quảng Ninh

Tel: 0333.515.992 Fax: 0333.515.993

MST: 0102288429-002

Do Ông: **Cao Văn Phương** - Giám đốc - làm đại diện

BÊN GIAO: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

Địa chỉ: Số 106 Lô BT2A, Khu Đô Thị Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 04.5533622; fax: 04. 5533038

MST: 01 01 479 607

Số TK: 45.010.002.399.661 tại Ngân hàng Đầu tư & phát triển VN-chi nhánh Hà tây

Do Ông: **Nguyễn Quang Hưng** - TP. Kinh doanh - làm đại diện

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận thiết bị vật tư do Bên B bàn giao cho Bên A như sau

Điều 1: Bàn giao hàng hoá thiết bị:

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Ghi Chú
A	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**			
1	**Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ.** **Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH**	1	bộ	
	- Model: WE-1000B (Code: TN087) **(Ngàm kẹp thủy lực)**			
	-Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN			
	- Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0 - 40mm			
	- Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép. - Hành trình piston 166mm			
	- Kích thước máy: H2200xD760xW1900 - Trọng lượng: 3300kg			
	- Điện áp nguồn: 380V/220V/50Hz, 1,5 KW			
2	Búa của máy kéo thép LUDA: D90; D70; D30mm	3	ch	
B	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG**			
1	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA - TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024)	1	ch	

Được quét bằng CamScanner

	- Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN			
	- Để sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam			
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết qủa nén bằng đồng hồ hai kim.			
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ			
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha			
	- Kích thước: 850x450x1400, 750kg			
2	Côn thử độ sụt bê tông N1 - T.TECH Model: TC328 Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh dầm, ca xúc mẫu.	1	bộ	
3	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	9	ch	
4	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH Model: TC409	9	ch	
5	Đế Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	1	bộ	
C	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY**			
1	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	
2	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094 Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	ch	
3	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	2	ch	
4	Bàn dằn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134 kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	
D	**THÍ NGHIỆM ĐẤT- ĐÁ - CẤP PHỐI - CÁT**			
1	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198 - T.TECH	1	bộ	
2	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - T.TECH	1	bộ	
3	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260	2	ch	
4	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: :75; 70; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 2.5; 2.36; 2; 1.5; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.425; 0.315; 0.300; 0.150; 0.140; 0.100; 0.075; 0.090 + đáy và nắp	33	ch	
5	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	ch	
6	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hộp đựng.	1	bộ	

Được quét bằng CamScanner

7	Bộ xi lanh nén dập đá D150-T.TECH Model: TA661	1	bộ	
8	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH Model: TA754	1	ch	
9	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	1	ch	
10	Hộp ẩm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	20	ch	
11	Hộc đong 1 lít-T.TECH Model: TC347	1	ch	
12	Hộc đong 2 lít-T.TECH Model: TC348	1	ch	
13	Hộc đong 5 lít-T.TECH Model: TC350	1	ch	
14	Hộc đong 10 lít-T.TECH Model: TC352	1	ch	
15	Hộc đong 15 lít-T.TECH Model: TC353	1	ch	
16	Hộc đong 20 lít-T.TECH Model: TC355	1	ch	
17	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	1	bộ	
18	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	1	ch	
E	**THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG**			
1	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim-T.TECH Model: TS342	2	bộ	
2	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH. Model: TS036. kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	bộ	
3	Máy đo điện trở đất - KYORITSU-NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	1	bộ	
F	**THIẾT BỊ DÙNG CHUNG**			
1	ống đong 50 ml, Model: TV109	1	ch	
2	ống đong 100 ml, Model: TV110	1	ch	
3	ống đong 250 ml, Model: TV111	2	ch	
4	ống đong 500 ml, Model: TV112	2	ch	
5	ống đong 1000 ml, Model: TV113	4	ch	
6	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	1	ch	
7	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	2	ch	
8	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	2	ch	
9	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	2	ch	
10	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	1	ch	
11	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	1	ch	

Được quét bằng CamScanner

12	Tủ sấy 300^{0}C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)	1	ch	
13	Bảng màu chuẩn	2	ch	
14	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	1	lít	
G	**CÁC CHI PHÍ KHÁC**			
1	Phí lắp đặt, phí chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm	1	lô	
	TỔNG CỘNG:			

- Tình trạng thiết bị: Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại.
- Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu thiết bị.

- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số vật tư thiết bị trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 095/2010/HĐKT. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi bàn giao.

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

Điều 2: Kết luận:

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.
- Biên bản bàn giao được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN	**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**
Cao Văn Phương	**Nguyễn Quang Hưng**

Được quét bằng CamScanner

BẢNG KÊ HÀNG HÓA

Số: 05

Kèm theo hóa đơn GTGT số 0000031 *ngày* 29 *tháng* 01 *năm 2011*

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

Địa chỉ: Số 106 Lô BT2A, Khu đô thị Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội

MST: 01 01 479 607

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: LUDA - VÔ TÍCH	1	bộ	161,500,000	161,500,000
2	Búa của máy kéo thép LUDA: D90; D70;	3	ch	300,000	900,000
3	Máy nén bê tông 2000 KN - LUDA - TQ Model: TYE-2000 (Code: TN024)	1	ch	58,100,000	58,100,000
4	Côn thử độ sụt bê tông N1 - T.TECH Model: TC328	1	bộ	960,000	960,000
5	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ Code: TN038	9	ch	350,000	3,150,000
6	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH Model: TC409	9	ch	460,000	4,140,000
7	Đế Capping D150mm - T.TECH Model: TC434	1	bộ	1,200,000	1,200,000
8	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064	1	bộ	1,150,000	1,150,000
9	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094	1	ch	960,000	960,000
10	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	2	ch	160,000	320,000
11	Bàn dằn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134	1	bộ	1,300,000	1,300,000
12	Protor cải tiến - T.TECH	1	bộ	1,150,000	1,150,000
13	Protor tiêu chuẩn - T.TECH	1	bộ	960,000	960,000
14	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260	2	ch	50,000	100,000
15	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ	33	ch	140,000	4,620,000
16	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187	1	ch	1,300,000	1,300,000
17	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169	1	bộ	580,000	580,000
18	Bộ xi lanh nén dập đá D150-T.TECH Model: TA661	1	bộ	900,000	900,000
19	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH Model: TA754	1	ch	960,000	960,000
20	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	1	ch	580,000	580,000
21	Hộp ấm bằng nhôm D75mm - T.TECH Model: TV215	20	ch	40,000	800,000

Được quét bằng CamScanner

22	Hộc đong 1 lít-T.TECH Model: TC347	1	ch	150,000	150,000
23	Hộc đong 2 lít-T.TECH Model: TC348	1	ch	200,000	200,000
24	Hộc đong 5 lít-T.TECH Model: TC350	1	ch	300,000	300,000
25	Hộc đong 10 lít-T.TECH Model: TC352	1	ch	400,000	400,000
26	Hộc đong 15 lít-T.TECH Model: TC353	1	ch	500,000	500,000
27	Hộc đong 20 lít-T.TECH Model: TC355	1	ch	550,000	550,000
28	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	1	bộ	480,000	480,000
29	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	1	ch	550,000	550,000
30	Phễu rót cát -T.TECH	2	bộ	800,000	1,600,000
31	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH.	1	bộ	1,600,000	1,600,000
32	Máy đo điện trở đất - KYORITSU-NHẬT Model: 4102 (Code: TN129)	1	bộ	5,200,000	5,200,000
33	ống đong 50 ml, Model: TV109	1	ch	30,000	30,000
34	ống đong 100 ml, Model: TV110	1	ch	40,000	40,000
35	ống đong 250 ml, Model: TV111	2	ch	60,000	120,000
36	ống đong 500 ml, Model: TV112	2	ch	80,000	160,000
37	ống đong 1000 ml, Model: TV113	4	ch	120,000	480,000
38	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	1	ch	40,000	40,000
39	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	2	ch	50,000	100,000
40	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	2	ch	80,000	160,000
41	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	2	ch	120,000	240,000
42	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC6 (Code: TN141)	1	ch	6,900,000	6,900,000
43	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ) Model: BC30 (Code: TN142)	1	ch	6,900,000	6,900,000
44	Tủ sấy 300^{0}C, model 101-1; 70 lít - TQ (Code: TN004)	1	ch	3,300,000	3,300,000
45	Bảng màu chuẩn	2	ch	80,000	160,000
46	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	1	lít	100,000	100,000
47	Phí lắp đặt, phí chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm	1	lô	6,000,000	6,000,000
Cộng tiền hàng					**281,890,000**
Thuế suất thuế GTGT 10%					**28,189,000**
Tổng cộng tiền thanh toán					**310,079,000**

Người mua hàng

Cao Văn Phú

Người bán hàng

Nguyễn Bích Nga

Thủ trưởng đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ HỮU THẾ

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG
Số 106, Lô BT2A, khu đô thị Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: 04.35533622; Fax: 04.35533038
Mã số thuế: 0101 479 607
Chi nhánh: Lô B21, đường Lê Thị Riêng, P.Thới An, Q.12, TP.HCM; ĐT: 08.62593016; Fax: 08.62593017
Nhà máy: Lô CN 4-6.1, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, HN; ĐT: 04.33689255; Fax: 04.33689256

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001
TT/11P
0000031

Liên 2: Giao người mua
Ngày 29 tháng 01 năm 2011

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Chi nhánh Cty CP Tư vấn và Kiểm định CT VNC
Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 6 - P. Giếng Đáy - TP Hạ Long - T. Quảng Ninh
Hình thức thanh toán: CK MST: 0102288429-002

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Dụng cụ, thiết bị thí nghiệm VLXD (kèm theo bảng kê khai hóa số 05 ngày 29/01/2011) theo HĐ đồng kinh tế số 095/2010 ký ngày 09/08/2010				281 890 000
	Cộng tiền hàng:				281 890 000
	Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:				28 189 000
	Tổng cộng tiền thanh toán:				310 079 000

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm mười triệu, không trăm bảy mười chín nghìn đồng chẵn./.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Bích Nga	ĐỖ HỮU THẾ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) TỔNG GIÁM ĐỐC

In tại Công ty Cổ phần in Hà Nội - 52C Hàng Bài - ĐT: 04 3943 7061 - MST: 0101181842

Được quét bằng CamScanner

BẢNG KÊ HÀNG HÓA

Số: 11

Kèm theo hóa đơn GTGT số 109 *ngày* 26 *tháng* 03 *năm 2011*

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

Địa chỉ: Số 106 Lô BT2A, Khu đô thị Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội

MST: 01 01 479 607

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Khuôn lập phương 150x150x150-VN Model: TC384	3	ch	420,000	1,260,000
2	Bộ sàng đường kính D300 - TQ	20	ch	200,000	4,000,000
3	Máy lấy sàng - TQ; Code: TN002	1	ch	3,500,000	3,500,000
4	Bàn cân thuỷ tĩnh tiêu chuẩn-VN	1	ch	2,500,000	2,500,000
5	Rọ cân trong nước dung tích 5 lít-VN	1	ch	200,000	200,000
6	Rọ cân trong nước dung tích 3 lít -VN	1	ch	190,000	190,000
7	Hoá chất Na_2SO_4	1	lít	120,000	120,000
8	Mg_2SO_4	3	lít	120,000	360,000
9	Bình thủy tinh dung tích 1 lít, miệng phẳng đường kính bình khoảng 100mm	1	ch	150,000	150,000
10	Nhiệt kế kim loại 250oC - TQ	1	ch	150,000	150,000
11	Tỷ trọng kế	1	ch	450,000	450,000
12	Ca xúc mẫu 500ml -VN	2	ch	100,000	200,000
13	Chi phí gửi hàng.	1	ch	800,000	800,000
Cộng tiền hàng					**13,880,000**
Thuế suất thuế GTGT 10%					**1,388,000**
Tổng cộng tiền thanh toán					**15,268,000**

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
	Nguyễn Thị Thanh	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỖ HỮU THẾ

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG
Số 106, Lô BT2A, khu đô thị Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: 04.35533622; Fax: 04.35533038
Mã số thuế: 0101 479 607
Chi nhánh: Lô B21, đường Lê Thị Riêng, P.Thới An, Q.12, TP.HCM; ĐT: 08.62593016; Fax: 08.62593017
Nhà máy: Lô CN 4-6.1, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, HN; ĐT: 04.33689255; Fax: 04.33689256

T-TECH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 26 tháng 03 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
TT/11P
0000109

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Chi nhánh CTy CP Tư vấn và kiểm định Công trình VNC
Địa chỉ: Tổ 10 - Khu 2 - P. Giếng Đáy - TP Hạ Long - Quảng Ninh
Hình thức thanh toán: TM MST: 0102288429-002

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Dụng cụ thiết bị thí nghiệm VLXD (kèm theo bảng kê hàng hóa số 11)				13.880.000
				Cộng tiền hàng:	13.880.000
				Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:	1.388.000
				Tổng cộng tiền thanh toán:	15.268.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn./.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Thị Thanh	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
		ĐỖ HỮU THẾ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

HBP In tại Công ty Cổ phần In Hà Nội - 53C Hàng Bài - ĐT: 04 3943 7061 - MST: 0101181842

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM
Trụ sở TP.HN: Tầng 24 Tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, HN; ĐT: 04.35533622; Fax: 04.35533038
Nhà máy: Lô CN 4-6 I, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, H. Thạch Thất, HN; ĐT: 04.33689255; Fax:04.33689256
Chi nhánh TP.HCM: Lô B21, đường Lê Thị Riêng, P.Thới An, Q.12, TP.HCM; ĐT: 08.62593016; Fax: 08.62593017
CN Đà Nẵng: Số 161, đường Nguyễn Chánh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP.ĐN; ĐT: 0511.3736566; Fax: 0511.3736567

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/002
Ký hiệu: **TT/11P**
Số: 0000136

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM**
Mã số thuế: **0 1 0 1 4 7 9 6 0 7**
Địa chỉ: Tầng 24 Tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04.35533622 Số tài khoản: 450 10 00 239966 1 tại Ngân hàng BIDV - CN Hà Tây

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Tư vấn và kiểm định công trình VNC
Địa chỉ: Tổ 4, Khu 6, Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM/CK MST: 0102288429-002

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1,	Khuôn trụ dk 150x300 - VN	ch	15	480.000	7.200.000
2,	Khuôn lập phương 150x150x150 VN	ch	15	420.000	6.300.000
3,	Côn thử độ sụt bê tông N1 - VN	bộ	1	1.000.000	1.000.000
4,	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 - TQ	bộ	3	440.000	1.320.000
5,	Hốc đong 10 lít	ch	2	360.000	720.000
6,	Hốc đong 15 lít	ch	1	500.000	500.000
7,	Phễu rót cát	bộ	1	680.000	680.000

Cộng tiền hàng: 17.720.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 1.772.000
Tổng cộng tiền thanh toán: 19.492.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
	Đỗ Thị Thùy Dương	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Minh Tới

M.S.D.N: 0101479607 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM H. TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty Cổ phần In Hà Nội - 53C Hàng Bài - ĐT: 04 3943 7063 - MST: 0100[illegible]

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM

T-TECH

Trụ sở TP.HN: Tầng 24 Toà nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, HN; ĐT: 04 35533622; Fax: 04 35533623

Nhà máy: Lô CN 4-6-1, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, H. Thạch Thất, HN; ĐT: 04 33683258; Fax: 04 33683256

Chi nhánh TP.HCM: Lô B21, đường Lê Thị Riêng, P Thới An, Q 12, TP.HCM; ĐT: 08 62593010; Fax: 08 62593011

CN Đà Nẵng: Số 161, đường Nguyễn Chánh, P Hòa Khánh Bắc, Q Liên Chiểu, TP.ĐN; ĐT: 0511 3736966; Fax: [illegible]

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 01 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/002

Ký hiệu: TT/HP

Số: 0000927

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM**

Mã số thuế: **0 1 0 1 4 7 9 6 0 7**

Địa chỉ: Tầng 24 Tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.35533622 Số tài khoản: 450 10 00 239966 1 tại Ngân hàng BIDV - CN Hà Tây

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Tư vấn và kiểm định công trình VNC

Địa chỉ: Tổ 4 Khu 6 Phường Hùng Thắng - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MST: 0102288429-002

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1,	Mũi khoan bê tông chạy thẳng D100 - H0	cái	1	21.000.000	21.000.000
2,	Mũi khoan lim cứng D 100 - H0	cái	1	3.400.000	3.400.000

Cộng tiền hàng: 24.400.000

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 2.440.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 26.840.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, tám trăm, bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
	Đỗ T. Thùy Dương	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Đỗ Thị Hạnh

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

M.S.D.N: 0101479607 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM - TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

In tại Công ty Cổ phần In Hà Nội - 53C Hàng Bài - ĐT: 04 3943 7063 - MST: [illegible]

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

===o0o===

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 239/2026/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội thông ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 05 năm 2026, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 0973 024 100 Email: phuongbacxdkd@gmail.com

MST: 5701922682

Số TK: 116003057951 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh Tây Quảng Ninh

Do Ông: **Cao Văn Phương** - Giám đốc - Làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số nhà 6, Ngõ 109/7, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

VPGD: LK 18+19, Lô 7A, Khu đất dịch vụ Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Tel: 0868.679.222

MST: 0108 654 054

Số TK: 8686.79.222 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - MB BANK-Chi nhánh Hà Nội

Số TK: 4506.352.666 - Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN. Hà Đông

Do Ông: **Nguyễn Quang Hưng** - Tổng Giám đốc - Làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

Code	Tên thiết bị, thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
I	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**					
DL0030	Bộ gá kéo bu lông dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép Xuất xứ: Việt Nam Đường kính từ bulong M6-M32 (sử dụng kéo 13 cỡ bulong tiêu chuẩn)	1	bộ	7.600.000	8	8.208.000
II	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ SẢN PHẨM BÊ TÔNG**					

DL0523	**Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phù hợp với TCVN, ASTM, AASHTO Kích thước 800x800mm; Biên độ (không có tải): 0.3-0.6mm; Tần số rung: 2860r/min; Điện áp: 220v 50Hz 1.0kw	1	chiếc	5.800.000	8	6.264.000
DL0539	Khuôn bê tông lập phương 200mm (loại bằng nhựa) - VN Chất liệu: Bằng nhựa nguyên sinh Kích thước mẫu mẫu đúc: 200x200x200mm	3	chiếc	320.000	8	1.036.800
DL0556	**Máy mài mòn bê tông, gạch mẫu vuông 70,7mm** **Xuất xứ: Việt Nam** Dùng để xác định độ mài mòn áp dụng cho các loại bê tông chịu mài mòn bề mặt do người hoặc phương tiện thường xuyên đi lại gây ra. Kiểm tra 2 mẫu đồng thời. Vận tốc quay của đĩa gang 30±1 vòng/phút Phần mài của đĩa là một vành tròn rộng 200mm Kích thước: 600x530x550mm Khối lượng: 110kg Nguồn điện 220V/50HZ, 1 pha, 750W	1	bộ	16.000.000	8	17.280.000
DL0516	**Máy xác định độ thấm bê tông loại đồng hồ 3 kim** **Model: HS-4(HS-40)** **Nhãn hiệu: Longchen** **Xuất xứ: Trung Quốc** Áp lực làm max: 4MPa vạch chia 0,05MPa, có thể cài đặt áp lực thấm tuỳ ý, máy có thể kiểm tra đồng thời 6 mẫu D150xH150mm Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha, 120W; (chưa kèm bộ gá mẫu)	1	bộ	16.000.000	8	17.280.000
III	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG , VỮA, GẠCH**					0
DL1000	**Máy nén xi măng 300KN** **Model: TYA-300** **Nhãn hiệu: Longchen** **Xuất xứ: Trung Quốc** - Hiện thị bằng đồng hồ điện tử hiện số, độ chính xách cao - Khả năng nén: 0-300KN - Khả năng đọc: 0,01kN - Cấp chính xác: Cấp 1 - Hành trình Piston: 150mm - Kích thước bàn nén: D125mm - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha (Chưa bao gồm bộ gá uốn xi măng và gá nén xi măng)	1	bộ	35.500.000	8	38.340.000

DL1006	**Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn** **Model: JJ-5** **Xuất xứ: Trung Quốc** Thiết bị dùng tạo hỗn hợp vữa xi măng, kết cấu đơn giản, cấu tạo gọn, dễ sử dụng, an toàn. Tốc độ quay chính của cánh khuấy: 140v/p và 280v/p Tốc độ quay hành tinh 62v/p và 125v/p Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha Công suất: 550W Kích thước: 600x320x660mm Trọng lượng 70kg Dung tích: 5 lít Bao gồm: Máy chính, cánh khuấy, nồi trộn, bộ phận tự rót cát đã được lập trình sẵn.	1	bộ	12.500.000	8	13.500.000
DL1009	**Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn tự động** **Model: ZS-15** **Xuất xứ: Trung Quốc** Biên độ rung: 15+/-0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	1	bộ	8.800.000	8	9.504.000
DL1022	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm - TQ	1	bộ	1.500.000	8	1.620.000
DL1023	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm - TQ	1	bộ	1.600.000	8	1.728.000
DL1026	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa - TQ	2	chiếc	120.000	8	259.200
DL1036	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml - VN	1	bộ	1.000.000	8	1.080.000
IV	**THÍ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT, GỐM SỨ VỆ SINH**					0
DL1537	Dụng cụ kiểm tra độ thấm của gạch Block - VN Dùng cho gạch kích thước 170x130x60mm; 200x95x60mm (không kèm thùng chứa nước)	1	bộ	2.000.000	8	2.160.000
DL1538	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn - VN Dùng để gá thử uốn gạch xây Đường kính gối uốn: 10mm Khoảng cách 2 gối uốn dưới: 180mm	1	bộ	2.200.000	8	2.376.000
DL1539	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn - VN Kích thước: 120x60x20mm 2 tấm/bộ	1	bộ	600.000	8	648.000

DL1540	**Máy mài mòn đá tự nhiên** **Model: SM-4** **Xuất xứ: Trung Quốc** - Kích thước bàn mài: Ø254×15mm - Kích thước 4 cột trụ chính trên bàn mài: 90mm - Trọng lượng mẫu quả cân : 2000±50g; 1250±50g - Tốc độ quay vòng bàn mài và tốc độ vòng xoay của mẫu:45±1rpm + Số vòng cài đặt: 0-9999rpm + Số lượng mẫu: 4 mẫu - Kích thước mẫu : + Mẫu hình vuông 50×50±0.5mm, + Độ dày: 15-55mm + Mẫu hình tròn: Ø25±0.5mm + Chiều cao:25-60mm + Nguồn điện: 220V/380V/50H, 0,35kW	1	bộ	40.500.000	8	43.740.000
V	**THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SỎI)**					0
DL2000	**Máy mài mòn Los Angeles** **Model: MH-II (MH-J)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Tốc độ quay: 30-33vòng/phút; Kích thước thùng quay: Ø711* H508mm Hiển thị điện tử với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tuỳ ý Điện áp ngồn: 220V/50hZ, 1phase, 1.5kW Kèm theo: Khay hứng mẫu và 12 viên bi chuẩn	1	bộ	16.500.000	8	17.820.000
DL2015	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - VN	1	chiếc	950.000	8	1.026.000
DL2016	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - VN	1	chiếc	800.000	8	864.000
DL2017	Bảng so màu chuẩn - VN	1	chiếc	50.000	8	54.000
DL2019	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ) - VN	1	bộ	200.000	8	216.000
DL2031	Thiết bị xác định góc cạnh của cát - VN Phù hợp theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.	1	bộ	1.500.000	8	1.620.000
DL2400	Bình phản ứng cốt liệu kiềm silic - TQ Dung tích: 100ml, có nắp đạy Chất liệu bằng thép không gỉ, không ăn mòn bảo vệ, hộp chứa mẫu phản ứng chịu nhiệt và chịu ăn mòn	1	bộ	3.500.000	8	3.780.000
VI	**THÍ NGHIỆM ĐẤT, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH**					0

DL3004	**Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực)** **Model: CBR-2** **Xuất xứ: Trung Quốc** Khả năng tải Max: 50KN Tốc độ tải: 1,27 mm/phút. Loại 1 tốc độ tiêu chuẩn, di chuyển nhanh khi không tải bằng tay quay. Trọng lượng khoảng: 60kg Bao gồm: Máy chính, Piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, 02 đồng hồ so 10 x 0,01mm, kèm cung lực 50KN.	1	bộ	22.500.000	8	24.300.000
DL3012	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vồng - VN Phù hợp với TCVN, ASTM Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	3	bộ	1.650.000	8	5.346.000
VII	**THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM - NHŨ TƯƠNG AXIT**					0
DL3500	**Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mm** **Model: SY-1,5** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phù hợp theo TCVN, ASTM. Tốc độ kéo tiêu chuẩn: 50,8mm/phút. Khả năng kéo max: 1500 mm Động cơ điện 220V/50Hz. Kèm: 03 khuôn tiêu chuẩn số 8 và 01 đế khuôn đúc mẫu.	1	bộ	16.500.000	8	17.820.000
DL3506	**Bộ kim lún nhựa tự động** **Model: IV-2000** **Xuất xứ: Trung Quốc** - Phù hợp để xác định độ xuyên của nhựa đường lớp mặt, nhựa đường cải tiến, nhựa đường lỏng và nhựa đường nhủ tương Thông số kỹ thuật: Thời gian thử: 5s Thời gian khởi động lại: 0 – 999,9s Xuyên sâu max: 50mm HIển thị kết quả: Đồng hồ hiển thị thời gian và độ xuyên sâu Trọng lượng (kim, đòn, cân): 100g sai số ±0.05g Trọng lượng kim chuẩn: 2,5g sai số ±0.05g Công suất: 200W Điện áp: 220V Cung cấp gồm: Máy chính, Kim xuyên, Cốc mẫu, Cốc bảo ôn	1	bộ	9.500.000	8	10.260.000
DL3510	Thiết bị tổn thất khi nung - VN Bao gồm: Mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt.	1	bộ	2.800.000	8	3.024.000

DL3512	**Thiết bị hoá mềm nhựa tự động** **Model: SYD2806E (LD-2000)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Thông số chính: - Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.1°C. - Tự động tăng nhiệt độ: 5°C/phút. - Độ ẩm tương đối: 85% RH - Điện áp: AC220V ± 10%, 50Hz - Kích thước ngoài: 340 x 230 x 340mm - Trọng lượng: 4.5kg Cung cấp gồm: Bếp gia nhiệt, nhiệt kế, gá đỡ mẫu, vòng bi và bi, cốc thủy tinh	1	bộ	6.000.000	8	6.480.000
DL3514	Thiết bị hoá mềm nhựa - VN Bao gồm: Cốc thuỷ tinh, giá đỡ khuôn mẫu, 2 bộ khâu tiêu chuẩn, 2 viên bi chuẩn.	1	bộ	1.000.000	8	1.080.000
DL3518	**Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa** **Model: SYD-3536** **Xuất xứ: Trung Quốc** Dùng để xác định nhiệt độ bắt lửa và nhiệt độ bốc cháy của nhựa; đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7498:2005 - Nhiệt độ làm việc từ: 6~400°C - Độ ẩm: <85% - Công suất: 400W - Nguồn: 220V, 50Hz - Kích thước: Khoảng 500x400x300mm - Trọng lượng: Khoảng 7Kg (không kèm bình ga và van)	1	bộ	6.000.000	8	6.480.000
DL3520	**Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường** **Model: WSY-10 (WSY-10A)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Công suất làm lạnh: 8000W Công suất sưởi: 1000W Tốc độ động cơ khuấy: 1400 vòng/phút. Chênh lệch hiển thị <0,5% Chất lỏng làm việc lạnh là F22 Nhiệt độ lạnh Max: -20oC. Độ phân giải nhiệt độ: ± 0,1oC. Nhiệt độ môi trường làm việc: 30oC đến -30oC Độ ẩm tương đối: dưới 85% Kích thước tổng thể: 710*560*580mm Điện áp nguồn 220V, tần số 50HZ, 1800W	1	bộ	48.500.000	8	52.380.000

DL3523	**Máy chưng cất mẫu** **Model: SYD-0615-1** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phục vụ cho Máy xác định hàm lượng Paraffin trong nhựa đường Thông số kỹ thuật chính Nguồn điện: AC(220±10%)V, 50 Hz Công suất làm nóng lò điện: 2000W Kiểm soát nhiệt độ không đổi: 550oC + 10oC Nhiệt độ môi trường xung quanh: 35oC Độ ẩm tương đối: ≤85% Tổng công suất tiêu thụ: 2100W Trọng lượng: 5kg	1	bộ	18.000.000	8	19.440.000
DL3535	Bình tỷ trọng nhựa 25ml - TQ	2	chiếc	150.000	8	324.000
DL3537	Phễu lọc xốp thủy tinh 100ml - TQ Dùng để xác định hàm lượng tricloetylen	1	chiếc	480.000	8	518.400
VIII	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA**					0
DL4000	**Máy nén marshall- Điện tử hiển thị số (Bản cao cấp - phím bấm và giao diện tiếng Anh)** **Model: FY-3A (LWD-3A)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Sử dụng cho mẫu nén Marshal 4inh và có nén mẫu Marshall cải tiến 6inh Tốc độ nén: 50±5mm/min Hành trình làm việc: 70mm Khả năng nén phổ thông: 0-30kN (sai số 0,1kN) Khả năng nén Max: 30kN Sensor đo chuyển vị (độ dẻo) 0-50mmx0,01mm Công suất: 0,37kW Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1pha Cung cấp bao gồm: Máy chính khung chịu tải: Loadcell đo lực: 50kN Senser đo giãn dài: 0-20mm Gá ép 2 nửa: loại 4 inh (101,6mm) Tay quay điều chỉnh tốc độ khi không tải In kết quả trên máy in nhiệt (nằm trong bộ điều khiển)	1	bộ	22.000.000	8	23.760.000
DL4006	**Máy ly tâm tách nhựa (Bản tiêu chuẩn)** **Model: SLF-400** **Xuất xứ: Trung Quốc** Buồng mẫu: 3KG Công suất: 750W Tốc độ có thể điều chỉnh: 100-3000r/min Trọng lượng: 30kg Điện áp nguồn: 220V/50Hz	1	bộ	17.500.000	8	18.900.000

DL4012	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay - VN Trọng lượng búa: 4.53kg Chiều cao rơi: 45.7cm Kích thước: 300x300x1033mm Bao gồm: Chày đầm; Thanh dẫn; Thanh đỡ; Đế đầm; Đế gỗ; 4 bulong dài; Tấm đế; cổ khuôn+thân khuôn+đế khuôn marshall.	1	bộ	3.500.000	8	3.780.000
DL4013	Thân khuôn marshall - VN	2	chiếc	250.000	8	540.000
DL4017	Bể ổn nhiệt marshall điện tử - TQ Model: CF-B Dung tích bể: 60 lít Nhiệt độ cài đặt: Nhiệt độ môi trường đến 70^{o}C	1	bộ	6.500.000	8	7.020.000
DL4019	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa - VN Phù hợp theo TCVN 8860-4:2011 Bao gồm: Bình tam giác có vòi 1000ml (03 ch) Bình tam giác có vòi 2.5 lít (01 ch) Bơm chân không (01 ch) Ống cao su (02 m) Đồng hồ áp (02 ch) Van đồng cho hút chân không, các dây nối và van khóa	1	bộ	5.500.000	8	5.940.000
X	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**					0
DL5012	Bộ cần Benkenman - VN Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1 làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, có bọt thủy thăng bằng, dễ sử dụng kèm 01 đồng hồ so 10x0.01mm	1	bộ	4.200.000	8	4.536.000
DL5033	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi TQ	1	chiếc	1.300.000	8	1.404.000
DL5040	**Kích thủy lực 200 tấn, hành trình 150mm** **Xuất xứ: Trung Quốc** Khả năng nâng Max: 2000kN (200 tấn) Hành trình nâng Max: 150mm Chỉ có thân kích, chưa kèm bơm và phụ kiện nào	1	bộ	16.000.000	8	17.280.000
DL5058	**Bơm dầu bằng động cơ điện 1 đường dầu (van tay gạt cơ)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Công suất: 0,75kw Áp lực: 63MPA Dung tích chứa dầu: 8L Nguồn: 220V/50Hz Kèm: Bộ van chia lắp đồng hồ và khóa cứng giữ áp (sử dụng cho kích tải trọng lớn 200 tấn) - VN	1	bộ	8.000.000	8	8.640.000
XIV	**THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG**					0
DL7011	Lò nung 1000^{0}C - TQ Model: 4-10 Nhiệt độ Max: 1000^{0}C Dung tích lò: 7 lít	1	bộ	6.800.000	8	7.344.000

DL7019	Cân điện tử 500g*0,001g Model: HC-B5003 Xuất xứ: Trung Quốc Khả năng cân tối đa: 500g Độ chính xác: 0.001g Độ lặp lại: 0.001g Màn hình hiển thị LCD Chuẩn cân: Chuẩn ngoài tự động Kích thước đĩa cân: Ø 130mm Kích thước tổng thể: 42x34.5x45.5cm Nguồn điện: DC12V/AC6	1	chiếc	6.500.000	8	7.020.000
DL7052	Chén sứ chịu nhiệt 100ml - TQ	1	chiếc	50.000	8	54.000
DL7056	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ	1	chiếc	155.000	8	167.400
DL7057	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ	1	chiếc	250.000	8	270.000
DL7058	Bình tỷ trọng đất 100ml - TQ	1	chiếc	60.000	8	64.800
DL7086	Bình hút ẩm D240mm, bằng thuỷ tinh - TQ	1	chiếc	650.000	8	702.000
DL7099	Hộp nhôm D55x35mm -TQ	6	chiếc	35.000	8	226.800
DL7101	Khay nhôm chứa mẫu loại nhỏ - VN	3	chiếc	35.000	8	113.400
DL7102	Khay chứa mẫu 550x550x50mm - VN	3	chiếc	150.000	8	486.000
DL7216	Rọ thí nghiệm độ chảy nhựa Polime Phù hợp với TCVN 8860-6:2011	1	chiếc	950.000	8	1.026.000
	Tổng cộng:					**447.130.800**

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng: **447.130.800 VNĐ**

Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm đồng./.

Giá trên là giá đã bao gồm:

- Thuế VAT.
- Phí vận chuyển, lắp đặt và chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại Cơ quan bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng từ 10 đến 30 ngày kể từ ngày đặt hàng (với điều kiện Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng này).
- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: tại Phòng thí nghiệm bên mua tại Hạ Long, Quảng

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền Đồng Việt Nam bằng chuyển khoản tại các thời điểm như sau:

+ Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 80% giá trị Hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.

+ Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị Hợp đồng sau khi bàn giao, lắp đặt thiết bị tại phòng thí nghiệm bên mua.

Điều 6: Các điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì cá nhân người đại diện bên này phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên kia về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà Nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà Nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý sau khi Bên A thanh toán hết tiền cho Bên B, Bên B bàn giao toàn bộ thiết bị cho Bên A mà không có bất cứ phát sinh nào khác. Hàng hoá được hiểu là thuộc quyền sử hữu và định đoạt của Bên B cho đến thời điểm Bên A thanh toán hết số tiền theo Hợp đồng.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Cao Văn Phương	Nguyễn Quang Hưng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 239/2026/HĐKT ký ngày 9 tháng 5 năm 2026 giữa Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc và Công ty Cổ phần Thiết bị và Đo lường Việt Nam

Hôm nay, ngày 19 tháng 05 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC
Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 0973 024 100 Email: phuongbacxdkd@gmail.com
MST: 5701922682
Số TK: 116003057951 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Quảng Ninh
Do Ông: **Cao Văn Phương** - Giám đốc - Làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ: Số nhà 6, Ngõ 109/7, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
VPGD: LK 18+19, Lô 7A, Khu đất dịch vụ Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Tel: 0868.679.222
MST: 0108 654 054
Số TK: 8686.79.222 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - MB BANK-CN. Hà Nội
Số TK: 4506.352.666 - Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN. Hà Đông
Do Ông: **Nguyễn Quang Hưng** - Tổng Giám đốc - Làm đại diện

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận thiết bị vật tư do Bên B bàn giao cho Bên A như sau:

Điều 1: Bàn giao hàng hoá thiết bị:

Code	Tên thiết bị, thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Ghi chú
I	**THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**			
DL0030	Bộ gá kéo bu lông dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép Xuất xứ: Việt Nam Đường kính từ bulong M6-M32 (sử dụng kéo 13 cỡ bulong tiêu chuẩn)	1	bộ	
II	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ SẢN PHẨM BÊ TÔNG**			
DL0523	**Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phù hợp với TCVN, ASTM, AASHTO Kích thước 800x800mm; Biên độ (không có tải): 0.3-0.6mm; Tần số rung: 2860r/min; Điện áp: 220v 50Hz 1.0kw	1	chiếc	
DL0539	Khuôn bê tông lập phương 200mm (loại bằng nhựa) - VN Chất liệu: Bằng nhựa nguyên sinh Kích thước mẫu mẫu đúc: 200x200x200mm	3	chiếc	

DL0556	**Máy mài mòn bê tông, gạch mẫu vuông 70,7mm** **Xuất xứ: Việt Nam** Dùng để xác định độ mài mòn áp dụng cho các loại bê tông chịu mài mòn bề mặt do người hoặc phương tiện thường xuyên đi lại gây ra. Kiểm tra 2 mẫu đồng thời. Vận tốc quay của đĩa gang 30±1 vòng/phút Phần mài của đĩa là một vành tròn rộng 200mm Kích thước: 600x530x550mm Khối lượng: 110kg Nguồn điện 220V/50HZ, 1 pha, 750W	1	bộ	
DL0516	**Máy xác định độ thấm bê tông loại đồng hồ 3 kim** **Model: HS-4(HS-40)** **Nhãn hiệu: Longchen** **Xuất xứ: Trung Quốc** Áp lực làm max: 4MPa vạch chia 0,05MPa, có thể cài đặt áp lực thấm tuỳ ý, máy có thể kiểm tra đồng thời 6 mẫu D150xH150mm Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha, 120W; (chưa kèm bộ gá mẫu)	1	bộ	
III	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG , VỮA, GẠCH**			
DL1000	**Máy nén xi măng 300KN** **Model: TYA-300** **Nhãn hiệu: Longchen** **Xuất xứ: Trung Quốc** - Hiện thị bằng đồng hồ điện tử hiện số, độ chính xách cao - Khả năng nén: 0-300KN - Khả năng đọc: 0,01kN - Cấp chính xác: Cấp 1 - Hành trình Piston: 150mm - Kích thước bàn nén: D125mm - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha (Chưa bao gồm bộ gá uốn xi măng và gá nén xi măng)	1	bộ	
DL1006	**Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn** **Model: JJ-5** **Xuất xứ: Trung Quốc** Thiết bị dùng tạo hỗn hợp vữa xi măng, kết cấu đơn giản, cấu tạo gọn, dễ sử dụng, an toàn. Tốc độ quay chính của cánh khuấy: 140v/p và 280v/p Tốc độ quay hành tinh 62v/p và 125v/p Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha Công suất: 550W Kích thước: 600x320x660mm Trọng lượng 70kg Dung tích: 5 lít Bao gồm: Máy chính, cánh khuấy, nồi trộn, bộ phận tự rót cát đã được lập trình sẵn.	1	bộ	

DL1009	**Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn tự động** **Model: ZS-15** **Xuất xứ: Trung Quốc** Biên độ rung: 15+/-0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	1	bộ	
DL1022	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm - TQ	1	bộ	
DL1023	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm - TQ	1	bộ	
DL1026	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa - TQ	2	chiếc	
DL1036	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml - VN	1	bộ	
IV	**THÍ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT, GỐM SỨ VỆ SINH**			
DL1537	Dụng cụ kiểm tra độ thấm của gạch Block - VN Dùng cho gạch kích thước 170x130x60mm; 200x95x60mm (không kèm thùng chứa nước)	1	bộ	
DL1538	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn - VN Dùng để gá thử uốn gạch xây Đường kính gối uốn: 10mm Khoảng cách 2 gối uốn dưới: 180mm	1	bộ	
DL1539	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn - VN Kích thước: 120x60x20mm 2 tấm/bộ	1	bộ	
DL1540	**Máy mài mòn đá tự nhiên** **Model: SM-4** **Xuất xứ: Trung Quốc** - Kích thước bàn mài: Ø254×15mm - Kích thước 4 cột trụ chính trên bàn mài: 90mm - Trọng lượng mẫu quả cân : 2000±50g; 1250±50g - Tốc độ quay vòng bàn mài và tốc độ vòng xoay của mẫu:45±1rpm + Số vòng cài đặt: 0-9999rpm + Số lượng mẫu: 4 mẫu - Kích thước mẫu : + Mẫu hình vuông 50×50±0.5mm, + Độ dày: 15-55mm + Mẫu hình tròn: Ø25±0.5mm + Chiều cao:25-60mm + Nguồn điện: 220V/380V/50H, 0,35kW	1	bộ	
V	**THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SỎI)**			
DL2000	**Máy mài mòn Los Angeles** **Model: MH-II (MH-J)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Tốc độ quay: 30-33vòng/phút; Kích thước thùng quay: Ø711* H508mm Hiển thị điện tử với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tuỳ ý Điện áp ngồn: 220V/50hZ, 1phase, 1.5kW Kèm theo: Khay hứng mẫu và 12 viên bi chuẩn	1	bộ	
DL2015	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - VN	1	chiếc	
DL2016	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - VN	1	chiếc	

DL2017	Bảng so màu chuẩn - VN	1	chiếc	
DL2019	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ) - VN	1	bộ	
DL2031	Thiết bị xác định góc cạnh của cát - VN Phù hợp theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.	1	bộ	
DL2400	Bình phản ứng cốt liệu kiềm silic - TQ Dung tích: 100ml, có nắp đạy Chất liệu bằng thép không gỉ, không ăn mòn bảo vệ, hộp chứa mẫu phản ứng chịu nhiệt và chịu ăn mòn	1	bộ	
VI	**THÍ NGHIỆM ĐẤT, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH**			
DL3004	**Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực)** **Model: CBR-2** **Xuất xứ: Trung Quốc** Khả năng tải Max: 50KN Tốc độ tải: 1,27 mm/phút. Loại 1 tốc độ tiêu chuẩn, di chuyển nhanh khi không tải bằng tay quay. Trọng lượng khoảng: 60kg Bao gồm: Máy chính, Piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, 02 đồng hồ so 10 x 0,01mm, kèm cung lực 50KN.	1	bộ	
DL3012	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vồng - VN Phù hợp với TCVN, ASTM Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	3	bộ	
VII	**THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM - NHŨ TƯƠNG AXIT**			
DL3500	**Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mm** **Model: SY-1,5** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phù hợp theo TCVN, ASTM. Tốc độ kéo tiêu chuẩn: 50,8mm/phút. Khả năng kéo max: 1500 mm Động cơ điện 220V/50Hz. Kèm: 03 khuôn tiêu chuẩn số 8 và 01 đế khuôn đúc mẫu.	1	bộ	

DL3506	**Bộ kim lún nhựa tự động** **Model: IV-2000** **Xuất xứ: Trung Quốc** - Phù hợp để xác định độ xuyên của nhựa đường lớp mặt, nhựa đường cải tiến, nhựa đường lỏng và nhựa đường nhũ tương Thông số kỹ thuật: Thời gian thử: 5s Thời gian khởi động lại: 0 – 999,9s Xuyên sâu max: 50mm HIển thị kết quả: Đồng hồ hiển thị thời gian và độ xuyên sâu Trọng lượng (kim, đòn, cân): 100g sai số ±0.05g Trọng lượng kim chuẩn: 2,5g sai số ±0.05g Công suất: 200W Điện áp: 220V Cung cấp gồm: Máy chính, Kim xuyên, Cốc mẫu, Cốc bảo ôn	1	bộ	
DL3510	Thiết bị tổn thất khi nung - VN Bao gồm: Mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt.	1	bộ	
DL3512	**Thiết bị hoá mềm nhựa tự động** **Model: SYD2806E (LD-2000)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Thông số chính: - Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.1°C. - Tự động tăng nhiệt độ: 5°C/phút. - Độ ẩm tương đối: 85% RH - Điện áp: AC220V ± 10%, 50Hz - Kích thước ngoài: 340 x 230 x 340mm - Trọng lượng: 4.5kg Cung cấp gồm: Bếp gia nhiệt, nhiệt kế, gá đỡ mẫu, vòng bi và bi, cốc thủy tinh	1	bộ	
DL3514	Thiết bị hoá mềm nhựa - VN Bao gồm: Cốc thuỷ tinh, giá đỡ khuôn mẫu, 2 bộ khâu tiêu chuẩn, 2 viên bi chuẩn.	1	bộ	
DL3518	**Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa** **Model: SYD-3536** **Xuất xứ: Trung Quốc** Dùng để xác định nhiệt độ bắt lửa và nhiệt độ bốc cháy của nhựa; đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7498:2005 - Nhiệt độ làm việc từ: 6~400°C - Độ ẩm: <85% - Công suất: 400W - Nguồn: 220V, 50Hz - Kích thước: Khoảng 500x400x300mm - Trọng lượng: Khoảng 7Kg (không kèm bình ga và van)	1	bộ	

DL3520	**Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường** **Model: WSY-10 (WSY-10A)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Công suất làm lạnh: 8000W Công suất sưởi: 1000W Tốc độ động cơ khuấy: 1400 vòng/phút. Chênh lệch hiển thị <0,5% Chất lỏng làm việc lạnh là F22 Nhiệt độ lạnh Max: -20oC. Độ phân giải nhiệt độ: ± 0,1oC. Nhiệt độ môi trường làm việc: 30oC đến -30oC Độ ẩm tương đối: dưới 85% Kích thước tổng thể: 710*560*580mm Điện áp nguồn 220V, tần số 50HZ, 1800W	1	bộ	
DL3523	**Máy chưng cất mẫu** **Model: SYD-0615-1** **Xuất xứ: Trung Quốc** Phục vụ cho Máy xác định hàm lượng Paraffin trong nhựa đường Thông số kỹ thuật chính Nguồn điện: AC(220±10%)V, 50 Hz Công suất làm nóng lò điện: 2000W Kiểm soát nhiệt độ không đổi: 550oC + 10oC Nhiệt độ môi trường xung quanh: 35oC Độ ẩm tương đối: ≤85% Tổng công suất tiêu thụ: 2100W Trọng lượng: 5kg	1	bộ	
DL3535	Bình tỷ trọng nhựa 25ml - TQ	2	chiếc	
DL3537	Phễu lọc xốp thủy tinh 100ml - TQ Dùng để xác định hàm lượng tricloetylen	1	chiếc	
VIII	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA**			

DL4000	**Máy nén marshall- Điện tử hiển thị số (Bản cao cấp - phím bấm và giao diện tiếng Anh)** **Model: FY-3A (LWD-3A)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Sử dụng cho mẫu nén Marshal 4inh và có nén mẫu Marshall cải tiến 6inh Tốc độ nén: 50±5mm/min Hành trình làm việc: 70mm Khả năng nén phổ thông: 0-30kN (sai số 0,1kN) Khả năng nén Max: 30kN Sensor đo chuyển vị (độ dẻo) 0-50mmx0,01mm Công suất: 0,37kW Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1pha Cung cấp bao gồm: Máy chính khung chịu tải: Loadcell đo lực: 50kN Senser đo giãn dài: 0-20mm Gá ép 2 nửa: loại 4 inh (101,6mm) Tay quay điều chỉnh tốc độ khi không tải In kết quả trên máy in nhiệt (nằm trong bộ điều khiển)	1	bộ	
DL4006	**Máy ly tâm tách nhựa (Bản tiêu chuẩn)** **Model: SLF-400** **Xuất xứ: Trung Quốc** Buồng mẫu: 3KG Công suất: 750W Tốc độ có thể điều chỉnh: 100-3000r/min Trọng lượng: 30kg Điện áp nguồn: 220V/50Hz	1	bộ	
DL4012	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay - VN Trọng lượng búa: 4.53kg Chiều cao rơi: 45.7cm Kích thước: 300x300x1033mm Bao gồm: Chày đầm; Thanh dẫn; Thanh đỡ; Đế đầm; Đế gỗ; 4 bulong dài; Tấm đế; cổ khuôn+thân khuôn+đế khuôn marshall.	1	bộ	
DL4013	Thân khuôn marshall - VN	2	chiếc	
DL4017	Bể ổn nhiệt marshall điện tử - TQ Model: CF-B Dung tích bể: 60 lít Nhiệt độ cài đặt: Nhiệt độ môi trường đến 70°C	1	bộ	
DL4019	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa - VN Phù hợp theo TCVN 8860-4:2011 Bao gồm: Bình tam giác có vòi 1000ml (03 ch) Bình tam giác có vòi 2.5 lít (01 ch) Bơm chân không (01 ch) Ống cao su (02 m) Đồng hồ áp (02 ch) Van đồng cho hút chân không, các dây nối và van khóa	1	bộ	
X	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**			

DL5012	Bộ cần Benkenman - VN Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1 làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, có bọt thủy thăng bằng, dễ sử dụng kèm 01 đồng hồ so 10x0.01mm	1	bộ	
DL5033	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi TQ	1	chiếc	
DL5040	**Kích thủy lực 200 tấn, hành trình 150mm** **Xuất xứ: Trung Quốc** Khả năng nâng Max: 2000kN (200 tấn) Hành trình nâng Max: 150mm Chỉ có thân kích, chưa kèm bơm và phụ kiện nào	1	bộ	
DL5058	**Bơm dầu bằng động cơ điện 1 đường dầu (van tay gạt cơ)** **Xuất xứ: Trung Quốc** Công suất: 0,75kw Áp lực: 63MPA Dung tích chứa dầu: 8L Nguồn: 220V/50Hz Kèm: Bộ van chia lắp đồng hồ và khóa cứng giữ áp (sử dụng cho kích tải trọng lớn 200 tấn) - VN	1	bộ	
XIV	**THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG**			
DL7011	Lò nung 1000^{0}C - TQ Model: 4-10 Nhiệt độ Max: 1000^{0}C Dung tích lò: 7 lít	1	bộ	
DL7019	Cân điện tử 500g*0,001g Model: HC-B5003 Xuất xứ: Trung Quốc Khả năng cân tối đa: 500g Độ chính xác: 0.001g Độ lặp lại: 0.001g Màn hình hiển thị LCD Chuẩn cân: Chuẩn ngoài tự động Kích thước đĩa cân: Ø 130mm Kích thước tổng thể: 42x34.5x45.5cm Nguồn điện: DC12V/AC6	1	chiếc	
DL7052	Chén sứ chịu nhiệt 100ml - TQ	1	chiếc	
DL7056	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ	1	chiếc	
DL7057	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ	1	chiếc	
DL7058	Bình tỷ trọng đất 100ml - TQ	1	chiếc	
DL7086	Bình hút ẩm D240mm, bằng thuỷ tinh - TQ	1	chiếc	
DL7099	Hộp nhôm D55x35mm -TQ	6	chiếc	
DL7101	Khay nhôm chứa mẫu loại nhỏ - VN	3	chiếc	
DL7102	Khay chứa mẫu 550x550x50mm - VN	3	chiếc	
DL7216	Rọ thí nghiệm độ chảy nhựa Polime Phù hợp với TCVN 8860-6:2011	1	chiếc	

- Tình trạng thiết bị: Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại.
- Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu thiết bị.

- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số vật tư thiết bị trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 239/2026/HĐKT. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi bàn giao.

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

- Biên bản bàn giao được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Cao Văn Phương	*Nguyễn Quang Hưng*

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: **1C26TDL**

Số *(No.)*: **00000296**

Ngày (Date) 27 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Mã CQT (Code): 0085D679BD07614BA19AC5AF5E66E6B30F

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0108654054

Địa chỉ *(Address)*: Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0868.679.222 Website: https://dlvn.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 4506.352.666 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông

111.222.666.888 - Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Đông.

8686.79.222 - Ngân hàng TMCP Quân Đội - MB BANK – Chi nhánh Hà Nội

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Mã số thuế *(Tax code)*: 5701922682

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 4, khu 6, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh

Số tài khoản *(Bank account)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản

STT *(No)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Name of goods and services)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*	**Thuế suất GTGT** *(VAT Rate)*	**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount)*
1	Bộ gá kéo bu lông dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép đường kính từ bulong M6-M32 (sử dụng kéo 13 cỡ bulong tiêu chuẩn)	Bộ	1	7.600.000	7.600.000	8%	608.000
2	Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm	Chiếc	1	5.800.000	5.800.000	8%	464.000
3	Khuôn bê tông lập phương 200mm (loại bằng nhựa) chất liệu: Bằng nhựa	Chiếc	3	320.000	960.000	8%	76.800
4	Máy mài mòn bê tông, mẫu vuông 70,7mm Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1	16.000.000	16.000.000	8%	1.280.000
5	Máy xác định độ thấm bê tông loại đồng hồ 3 kim Model: HS-4(HS-40).	Bộ	1	16.000.000	16.000.000	8%	1.280.000
6	Máy nén xi măng 300KN Model: TYA-300 Nhãn hiệu: Longchen	Bộ	1	35.500.000	35.500.000	8%	2.840.000
7	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: JJ-5 Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	12.500.000	12.500.000	8%	1.000.000
8	Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn tự động Model: ZS-15 Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	8.800.000	8.800.000	8%	704.000
9	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	Bộ	1	1.500.000	1.500.000	8%	120.000
10	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	Bộ	1	1.600.000	1.600.000	8%	128.000
11	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa	Chiếc	2	120.000	240.000	8%	19.200

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*	Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*	Tiền thuế GTGT *(VAT Amount)*
12	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml - VN	Bộ	1	1.000.000	1.000.000	8%	80.000
13	Dụng cụ kiểm tra độ thấm của gạch Block - VN Dùng cho gạch kích thước 170x130x60mm; 200x95x60mm (không kèm thùng chứa nước)	Bộ	1	2.000.000	2.000.000	8%	160.000
14	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn	Bộ	1	2.200.000	2.200.000	8%	176.000
15	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn - VN	Bộ	1	600.000	600.000	8%	48.000
16	Máy mài mòn Los Angeles Model: MH-II (MH-J) Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	16.500.000	16.500.000	8%	1.320.000
17	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - VN	Chiếc	1	950.000	950.000	8%	76.000
18	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - VN	Chiếc	1	800.000	800.000	8%	64.000
19	Bảng màu chuẩn	Chiếc	1	50.000	50.000	8%	4.000
20	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 ch/Bộ)	Bộ	1	200.000	200.000	8%	16.000
21	Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo TCVN 8860-7:2011	Bộ	1	1.500.000	1.500.000	8%	120.000
22	Bình phản ứng cốt liệu kiềm silic - TQ	Bộ	1	3.500.000	3.500.000	8%	280.000
23	Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực) Model: CBR-2 Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	22.500.000	22.500.000	8%	1.800.000
24	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vồng	Bộ	3	1.650.000	4.950.000	8%	396.000
25	Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mm Model: SY-1,5 Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	16.500.000	16.500.000	8%	1.320.000
26	Bộ kim lún nhựa tự động. Model: IV-2000	Bộ	1	9.500.000	9.500.000	8%	760.000
27	Thiết bị tổn thất khi nung	Bộ	1	2.800.000	2.800.000	8%	224.000
28	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động Model: SYD2806E	Bộ	1	6.000.000	6.000.000	8%	480.000
29	Thiết bị hoá mềm nhựa - VN	Bộ	1	1.000.000	1.000.000	8%	80.000
30	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa Model: SYD-3536 Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	6.000.000	6.000.000	8%	480.000

ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*	Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*	Tiền thuế GTGT *(VAT Amount)*
31	Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường Model: WSY-10 (WSY-10A) Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	48.500.000	48.500.000	8%	3.880.000
32	Bình tỷ trọng nhựa 25ml	Chiếc	2	150.000	300.000	8%	24.000
33	Phễu lọc xốp thủy tinh 250ml - TQ	Chiếc	1	480.000	480.000	8%	38.400
34	Máy nén marshall- Điện tử hiển thị số (Bản cao cấp - phím bấm và giao diện tiếng Anh) Model: FY-3A (LWD-3A) Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	22.000.000	22.000.000	8%	1.760.000
35	Máy ly tâm tách nhựa Model: SLF-400 (bản tiêu chuẩn)	Bộ	1	17.500.000	17.500.000	8%	1.400.000
36	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay	Bộ	1	3.500.000	3.500.000	8%	280.000
37	Thân khuôn marshall	Chiếc	2	250.000	500.000	8%	40.000
38	Bể ổn nhiệt marshall điện tử Model: CF-B	Bộ	1	6.500.000	6.500.000	8%	520.000
39	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa - VN Phù hợp theo TCVN 8860-4:2011	Bộ	1	5.500.000	5.500.000	8%	440.000
40	Bộ cần Benkenman - VN	Bộ	1	4.200.000	4.200.000	8%	336.000
41	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.	Chiếc	1	1.300.000	1.300.000	8%	104.000
42	Kích thủy lực 200 tấn, hành trình 150mm Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	16.000.000	16.000.000	8%	1.280.000
43	Bơm dầu bằng động cơ điện 1 đường dầu (van tay gạt cơ) Xuất xứ: Trung Quốc	Bộ	1	8.000.000	8.000.000	8%	640.000
44	Lò nung 1000 độ C; Model: 4-10	Bộ	1	6.800.000	6.800.000	8%	544.000
45	Cân điện tử 500g*0,001g Model: HC-B5003Xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	1	6.500.000	6.500.000	8%	520.000
46	Chén sứ chịu nhiệt 100ml	Chiếc	1	50.000	50.000	8%	4.000
47	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	Chiếc	1	155.000	155.000	8%	12.400
48	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng)	Chiếc	1	250.000	250.000	8%	20.000
49	Bình tỷ trọng đất 100ml	Chiếc	1	60.000	60.000	8%	4.800
50	Bình hút ẩm D240mm, bằng thuỷ tinh	Chiếc	1	650.000	650.000	8%	52.000
51	Hộp nhôm D55x35	Chiếc	6	35.000	210.000	8%	16.800
52	Khay nhôm chứa mẫu	Chiếc	3	35.000	105.000	8%	8.400
53	Khay tôn 550x550x50mm	Chiếc	3	150.000	450.000	8%	36.000

ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*	Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*	Tiền thuế GTGT *(VAT Amount)*
54	Rọ thí nghiệm độ chảy nhựa Polime Phù hợp với TCVN 8860-6:2011	Chiếc	1	950.000	950.000	8%	76.000

Tổng hợp *(In summary)*	Thành tiền trước thuế GTGT *(Total before VAT)*	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*	Cộng tiền thanh toán *(Total amount)*
Thuế suất 8% *(VAT rate 8%)*:	355.510.000	28.440.800	383.950.800
Thuế suất 10% *(VAT rate 10%)*:			
Tổng cộng *(Total)*:	**355.510.000**	**28.440.800**	**383.950.800**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng.***			

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM**

***Ký ngày (Signing Date)*: 27/05/2026**

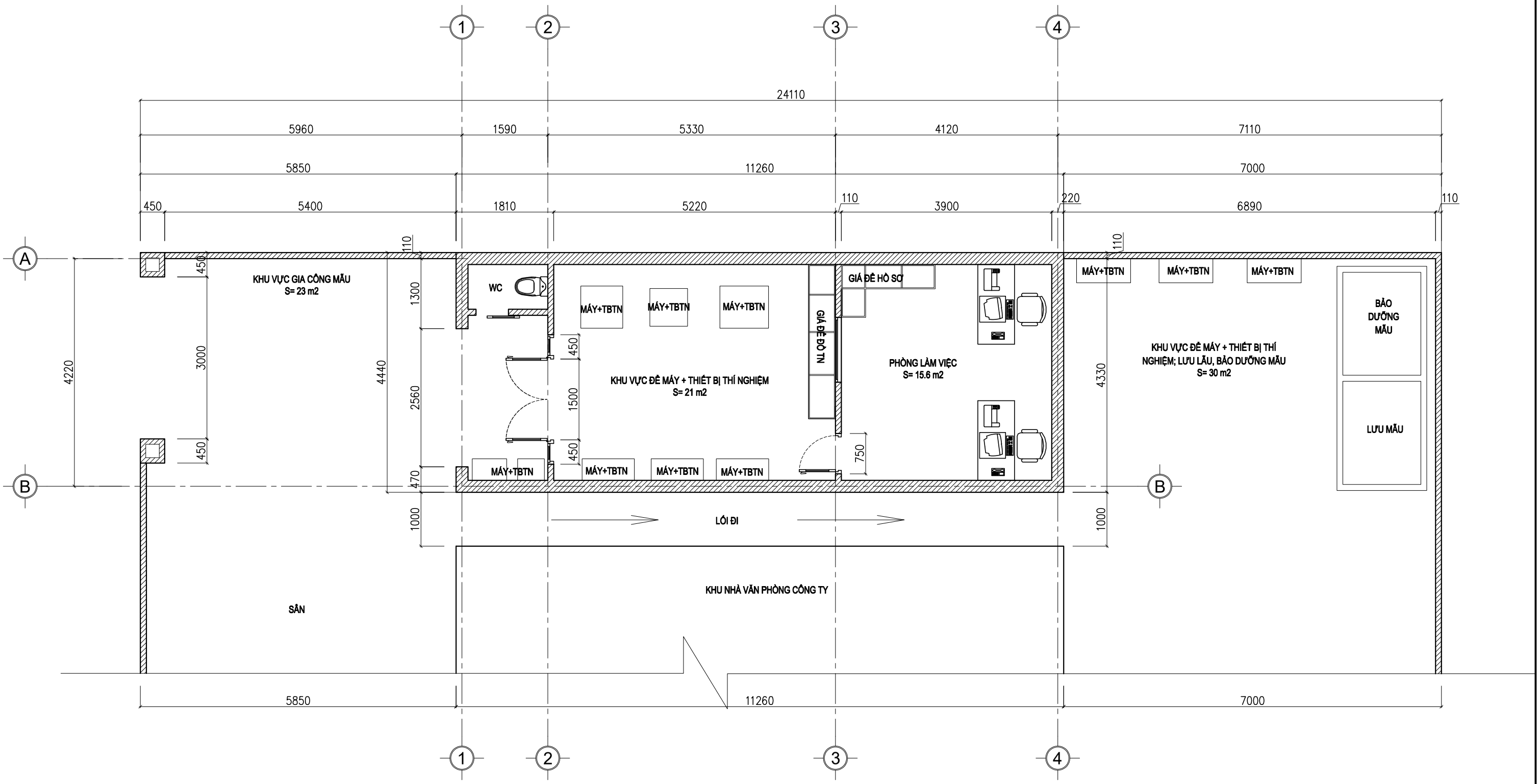
ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **KZFNFZV8LJW2**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Phần 5: HỒ SƠ CHỨNG MINH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT PHÒNG THÍ NGHIỆM



MẶT BẰNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

TÊN PHÒNG THÍ NGHIỆM: PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

ĐỊA CHỈ: TỔ 4, KHU PHỐ GIẾNG ĐÁY 6, PHƯỜNG VIỆT HƯNG, TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Phạm Văn Nhương
Năm sinh: 1967 CMND số: 100670576
Địa chỉ thường trú: Tổ 4 khu 6 phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh
và Bà: Nguyễn Thị Oanh
Năm sinh: 1973 CMND số: 100584919
Địa chỉ thường trú: Tổ 4 khu 6 phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

BG 460263

Được quét bằng CamScanner

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 118 , tờ bản đồ số: 49

b)Địa chỉ: Tổ 4 khu 6 Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

c) Diện tích: 282,1 m², (bằng chữ: Hai trăm tám mươi hai phẩy một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng 282,1 m², chung Không

?) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 120 m², Đất trồng cây lâu năm 162,1 m²

e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: 50 năm

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

2. Nhà ở: *Chưa chứng nhận quyền sở hữu*

3. Công trình xây dựng khác: *Chưa chứng nhận quyền sở hữu*

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: *Không*

5. Cây lâu năm:

Đất trồng cây lâu năm 162,1 m2

6. Ghi chú:

+ Khi cải tạo hoặc xây dựng mới phải có quy hoạch, có hồ sơ thiết kế và cấp phép xây dựng theo quy định.

+ Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận: Nhà cấp 4 không đăng ký QSHN ở

+ Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận: Công trình xây dựng khác: Không có

+ Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận: Rừng sản xuất là rừng trồng: Không có

Hạ Long, ngày 07 tháng 5 năm 2012

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

CHỦ TỊCH

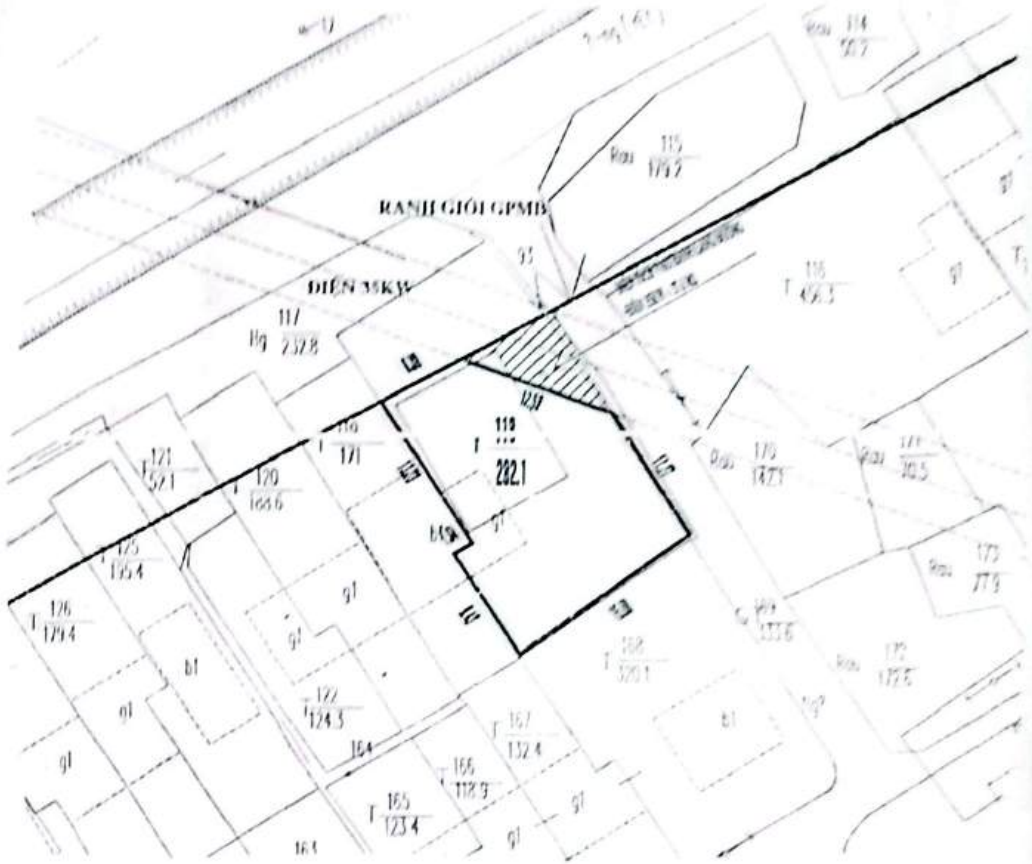
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hồng Hà

Số vào sổ cấp GCN: CH 01037

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Được quét bằng CamScanner

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/HĐ-TN

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ nhu cầu và thỏa thuận giữa 2 bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 04 năm 2026 tại tổ 4, khu Phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê nhà:

Ông: Phạm Văn Nhương

Số CCCD: 030067006711 Ngày cấp: 27/04/2021 tại: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu Phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

Bà: Nguyễn Thị Oanh

Số CCCD: 006173005409 Ngày cấp: 22/12/2021 tại: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu Phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

II. Bên thuê nhà là:

Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc

Địa chỉ: Tổ 4, khu Phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện : Ông Cao Văn Phương Chức vụ : Giám đốc

MST : 5701922682

Số TK : 116003057951 tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh tây Quảng Ninh

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê nhà với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê nhà cho Bên thuê nhà thuê khu nhà như sau:

1. Diện tích đất : 282.1m^2 *(Bằng chữ : Hai trăm tám mươi hai phẩy một mét vuông)*

Tại : Tổ 4, khu Phố Giếng Đáy 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thời hạn thuê đất : 10 năm *(Bằng chữ : Mười năm),* kể từ ngày 16 tháng 04 năm 2026 đến ngày 16 tháng 04 năm 2036

3. Mục đích sử dụng thuê nhà: Làm trụ sở văn phòng của Công ty TNHH xây dựng và kiểm định công trình Phương Bắc.

Điều 2. Bên thuê nhà có trách nhiệm trả tiền thuê nhà theo quy định sau:

1. Giá nhà tính tiền thuê nhà là 36 triệu đồng/năm, *(Bằng chữ : Ba mươi sáu triệu đồng trên một năm).*

2. Tiền thuê nhà được tính từ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

3. Phương thức nộp tiền thuê nhà: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 3. Việc sử dụng nhà trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này .

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê nhà bảo đảm việc sử dụng nhà của Bên thuê nhà trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê nhà có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê nhà bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với nhà thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê nhà bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê nhà trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê nhà trả lại toàn bộ hoặc một phần khu nhà thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê nhà biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê nhà trả lời cho Bên thuê nhà trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê nhà. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê nhà chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê nhà mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Bên thuê nhà bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản làm căn cứ để cùng thực hiện.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ NHÀ	BÊN CHO THUÊ NHÀ
Cao Văn Phương	Phạm Văn Nhương Nguyễn Thị Oanh